



TRÌNH QUANG PHÚ

từ **LÀNG SEN**
ĐẾN
BẾN NHÀ RỒNG



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

TRÌNH QUANG PHÚ

từ **LÀNG SEN**
ĐẾN
BẾN NHÀ RỒNG

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

LỜI GIỚI THIỆU

Từ trước đến nay có nhiều nhà văn, nhiều tác giả trong và ngoài nước viết về Bác Hồ, như một nhà văn đã viết: “Có bao nhiêu cuốn sách viết về Người chưa tính được, nhưng chưa tác giả nào dám nói mình đã viết đầy đủ về Con Người giản dị, rất mực giản dị trong lời nói, trong phong cách sống, nhưng lại có một trí tuệ siêu phàm”.

Tập ký Từ làng Sen đến bến Nhà Rồng của Trình Quang Phú viết về tình cảm sâu sắc của Bác Hồ với miền Nam và miền Nam với Bác, đây là “một khúc ca da diết của nhân dân nửa nước” - miền Nam yêu dấu đối với Người. Tác phẩm sau hai lần xuất bản đã được bạn đọc và công luận hoan nghênh.

Nhân dịp kỷ niệm sinh nhật Bác (19/5/1890 - 19/5/2009), Nhà xuất bản giới thiệu với bạn đọc tập ký Từ làng Sen đến bến Nhà Rồng đã được tác giả sửa chữa, bổ sung.

Rất mong nhận sự góp ý của bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

PHẦN I
TÙ LÀNG SÉN
ĐẾN BẾN NHÀ RỒNG

QUÊ HƯƠNG BÁC XỨ SEN VÀNG^(*)

Từ Vinh, thành phố Đỏ của Nghệ An, một con đường tráng nhựa dài 14 kilômét đưa khách đến vùng đất lịch sử: Kim Liên.

Kim Liên là tên gọi chung cho cả Hoàng Trù, quê ngoại và Nam Liên, quê nội của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Là một địa linh, Kim Liên nổi lên giữa dải đất Hồng Lam, xứ sở của sông sâu núi cao, rất mực hoành tráng và cũng rất trữ tình.

Dãy núi Hồng Lĩnh dài trên 20 kilômét, gồm 99 ngọn hoa cương trên 500 mét, cao nhấp nhô giữa trời xanh như bươm đàn ngựa chiến đang rong ruổi, tiếng vó nện âm vang sóng biển Đông.

Sông Lam cuộn cuộn một dòng như sữa mẹ chảy từ Tây sang Đông dựng nên cảnh trù phú giữa sỏi đá khô cằn, bất chấp cái khốc liệt của nắng gió và rét buốt trong vùng. Trước khi hòa vào biển cả, sông như muốn làm tấm gương mênh mông cho núi Hồng Lĩnh soi mình, như muốn làm một cánh tay ôm vòng Hồng Lĩnh từ Tây sang Đông. Hồng Sơn được mệnh danh là

(*) Tháng 5/1974 - 6/1997.

núi thơ có thể đo sự gặp gỡ hữu tình giữa non với nước nơi đây.

Trải chiều dài lịch sử, tên núi tên sông qua cuộc sống con người, từ các chủ nhân ông thời Hoan, Ai đi rên nên một khí phách, chí khí núi Hồng sông Lam mà người Nghệ Tĩnh vẫn quen gọi Hồng Lam.

Hồng Lam mang trên mình nó những thành và lũy, dấu vết thăng trầm qua lịch sử dân tộc, biểu tượng của khát vọng TỰ DO.

Đã bao lần đá và nước ở đây đã thành vũ khí, cùng người dân xứ Nghệ chống quân xâm lược, mở những trận tấn công vùi dập cái ngồng cuồng của quân thù.

Hồng Lam cũng là địa danh đã đào luyện biết bao lớp sĩ phu xưa nay, học không biết mỏi để nắm lấy đạo lý làm người, chẳng mấy ham làm quan. Trong Nam ngoài Bắc, lớp đồ Nghệ thể hiện một lối sống khí khái trượng phu, trọng nghĩa khí, khinh thường tiền tài vật chất như lời ru của mẹ đã dạy con:

"Làm người đối sạch, rách thơm

Công danh phải nhẹ, nước non phải bền..."

Có sự thái quá, cụm từ "bây choa" (bọn mình) cũng là một cách thể hiện sự khẳng định tính cách Hồng Lam đã ổn định, hoàn toàn tự nhiên, phần nào là tự hào trong mỗi dòng họ, ở mỗi gia đình, là tâm hồn con người sống với núi Hồng sông Lam.

*

* *

Theo gia phả họ Nguyễn Sinh ở làng Sen cách đây 400 năm, ông Nguyễn Bá Phổ vị khởi thủy dòng họ Nguyễn Sinh đã đến lập nghiệp ở vùng quê Kim Liên. Việc đổi chữ lót Nguyễn Sinh thay cho Nguyễn Bá diễn ra từ thế hệ thứ năm. Cũng là thời kỳ xuất hiện nhiều

nhân tài đỗ đạt trong dòng họ. Đến ông Nguyễn Sinh Nhậm, ông nội Bác, gia cảnh vào loại khá giả trong vùng. Ông lấy người vợ đầu, sinh được người con trai thì bà mất. Ông ở vậy nuôi con đến tuổi thành niên, lo vợ cho con xong ông mới lấy vợ kế, đó là bà Hà Thị Hy và sinh con trai, đặt tên là Nguyễn Sinh Sắc. Được ba tuổi thì bà Hy mất, một năm sau ông Nhậm cũng qua đời. Mồ côi cả cha lẫn mẹ, Nguyễn Sinh Sắc tới sống với người anh cùng cha khác mẹ là Nguyễn Sinh Trợ, đang lúc cảnh nhà sa sút. Nguyễn Sinh Sắc phải đi giữ trâu kiếm sống. Sinh Sắc ăm ực không được cùng bọn bạn trong làng tới trường học. Không nhịn được lòng ham muốn, nhiều lần Sinh Sắc đã buộc trâu, học lén. Sắn tư chất mình mẫn, chỉ nghe lén, học lỏm mà cũng “ra trò”. Càng biết ra, Nguyễn Sinh Sắc càng ham học. Cậu mê mải sách quên cả việc đưa trâu đi ăn. Cả làng ai cũng quý cậu bé ham học. Ông đồ Hoàng Đường từ làng bên, tức Hoàng Trù thường ghé Nam Liên thăm bạn; vốn học cùng khóa với cụ Nguyễn Sinh Nhậm ngày trước, bao lần bắt gặp Sinh Sắc học trên lưng trâu, ông cũng nghe nhiều lời khen cậu bé thông minh và ham học nên càng quý cậu bé hơn.

Tết Nhâm Dần (1878) làng Nam Liên mở hội xuân nô nức tưng bừng. Tiếng trống thúc, tiếng loa kêu râm ran náo động lòng người. Trai gái, trẻ già khắp mấy làng đều háo hức tụ hội vui Xuân. Trên đường đi dự hội, ông Hoàng Đường lại gặp cậu bé bình thân ngồi lưng trâu đọc sách. Thấy đồ liền đến gặp Nguyễn Sinh Trợ xin đưa Nguyễn Sinh Sắc về nuôi cho ăn học hần hoi.

Chỉ hai năm sau, ông Hoàng Đường cảm thấy học vấn của cậu học sinh đặc biệt này chẳng thua kém gì mình mấy. Ông liền gửi Sinh Sắc đi xa 30 cây số tới học ông đồ giỏi nhất vùng. Đó là thầy đồ Nguyễn Thúc Tự vừa nổi tiếng hay chữ lại được tôn trọng là nhà yêu

nước nhiệt thành. Như được chấp cánh, ba năm sau, Sinh Sắc được gọi là một trong hai thần đồng về văn tài trong xứ.

Sinh Sắc đến tuổi thành niên. Ông Hoàng Đường tính chuyện kết duyên giữa Sinh Sắc với con gái đầu lòng của mình là Hoàng Thị Loan. Cô gái cũng như ông bố quý mến người con trai có tài, có chí lại có đức. Song sự việc không suôn sẻ ngay vì cụ bà Hoàng Thị Kép cũng như phía họ hàng bên ngoại, không gặt bỏ được ấn tượng cậu là đứa trẻ mồ côi đi ở đợ. Nay lại cho sánh duyên với con gái thầy đồ họ Hoàng thì không còn là môn đăng hộ đối.

Phải qua thời gian để minh định và cũng là thời gian để thuyết phục cho lẽ phải thắng thế. Năm 1883 - tức là hai năm sau, ông bà Hoàng đã đứng ra tổ chức lễ cưới và dựng cho đôi vợ chồng trẻ chỗ ở riêng ngay trong vườn nhà. Đó là căn nhà tranh ba gian ở làng Hoàng Trù quê ngoại.

Năm 1884, ông bà sinh con gái đầu lòng đặt tên là Nguyễn Thị Thanh. Sau này trong hoạt động chống Pháp, đồng đội gọi là cô Bạch Liên. Bạch Liên là một chiến sĩ kiên trinh bất khuất mà kẻ thù rất nể sợ.

Năm 1888, người con thứ hai ra đời, mang tên là Nguyễn Sinh Khiêm, sau đổi là Nguyễn Tất Đạt, cũng là một chiến sĩ yêu nước bị thực dân Pháp và Nam Triều hết bỏ tù, phát vãng đến quản thúc.

Năm 1890, Nguyễn Sinh Cung chào đời. Đó là Nguyễn Tất Thành, là Nguyễn Ái Quốc, là Chủ tịch Hồ Chí Minh của chúng ta.

*

* *

Sống trong cảnh túng thiếu, nhìn vợ tất bật với cảnh nhà, nhiều lúc Nguyễn Sinh Sắc muốn lui về cày ruộng, chung sức cùng vợ nuôi con. Nhưng mọi người đều không chịu. Cả họ hàng nội ngoại nhà bà Hoàng Thị Loan khuyên ông phải đeo đuổi học tập. Đến năm 1894 ông đậu cử nhân trong khoa thi Hương Giáp Ngọ. Ông chỉ ân hận là đã không đỗ đạt sớm hơn để kịp báo hiếu công ơn cụ Hoàng Đường đã nuôi dạy mình từ tuổi lên năm. Cụ đã mất một năm trước, ngày 7 tháng 4 năm Quý Tỵ (1893). Do vậy, niềm vui của ông không trọn vẹn. Sau buổi ra mắt quan tổng đốc An Tĩnh, ông đã tránh không dự buổi tiệc thịnh soạn đàn ca thâu đêm do quan tổng đốc khao các vị tân khoa. Ông lui về nghỉ đêm tại nhà người bà con cụ Hoàng Đường sống tại tỉnh Ly. Sáng hôm sau tân khoa Nguyễn Sinh Sắc cấp mũ áo cử nhân, đội dù, cuộc bộ về quê. Không khoa trương danh vị, cũng không tổ chức hội mừng, ông chỉ làm lễ bái yết ở nhà thờ, làm bà mẹ vợ bán tín bán nghi về chuyện ông thi đỗ. Hàng xóm thì tấm tắc khen ông cử tài cao mà khiêm tốn giản dị.

Năm 1895, ông vào Huế thi Hội không đậu. Để tiếp tục học ở Quốc Tử Giám, ông bàn với bà Hoàng Thị Loan thu xếp cùng vào. Bà đã vui vẻ gửi con gái đầu lòng ở lại với bà ngoại Hoàng Thị Kép, đưa hai con trai theo chồng vào Huế. Tại đây gia đình ông cử nhân nghèo xứ Nghệ sống quá túng thiếu. Hết buổi đi học ông lại cấp dù⁽¹⁾ đi dạy kèm con cái nhà khá giả. Bà miệt mài với cái khung cửi, lấy công làm lãi nuôi chồng con. Như bao nhiêu ông đồ Nghệ khác, họ phải chịu đựng với cảnh nghèo, nai lưng ra lao động ngày đêm để giữ lấy nếp thanh khiết, nho nhã.

(1) Tiếng miền Bắc gọi là ô (để che mưa nắng).

Cuộc sống gia đình chạy ăn từng bữa đã nhanh chóng làm bà Hoàng Thị Loan kiệt sức. Sau khi sinh con thứ tư, bà đau ốm liên miên. Lại là đúng vào thời kỳ ông Sinh Sắc đi chấm thi ở trường thi Thanh Hóa rồi ghé về quê lo phần mộ cho bố mẹ. Thấy gia đình quá khó khăn, ông mang Sinh Khiêm theo. Ở nhà bà Loan đã từ già cõi đời, lúc bà vừa bước sang tuổi ba mươi ba. Bà con láng giềng ở thành Nội đã mai tang bà ở chân núi Ba Tầng thuộc dãy Ngự Bình. Còn lại Sinh Cung lo bế ẵm em trai và sống qua ngày trong sự thương yêu dùm bọc của hàng xóm.

Giữa ngày Tết Tân Sửu (1901) đang ở Hoàng Trù, nhận được tin, ông Sắc vô cùng đau đớn vội vàng một mình vào Huế. Ông đưa các con về gửi nhờ bên ngoại trông nom giúp. Còn mình, lại thu xếp trở lại Huế cho kịp kỳ thi Hội khoa Tân Sửu (1901). Khoa này ông trúng Phó bảng.

Kể từ khoa Tân Sửu, người đậu Phó bảng bắt đầu được hưởng hai đặc ân của chính bảng: được vua ban cờ biên và cho vinh quy bái tổ. Trong lễ xướng danh, ông Nguyễn Sinh Sắc được vua Thành Thái tặng tám biển khắc dòng chữ: “*Ấn Tứ Ninh Gia*” (ơn ban cho gia đình tốt) và cấp phương tiện đưa về đến tỉnh lỵ An Tịnh (Vinh). Tổng đốc An Tịnh lúc đó là Đào Tấn đã ra lệnh cho lý trưởng các làng thuộc xã Chung Cự đưa vồng lọng cờ trống lên rước ông Phó bảng. Đây là vinh dự cực kỳ lớn với nho sinh thành đạt, trong thiên hạ ai không ham.

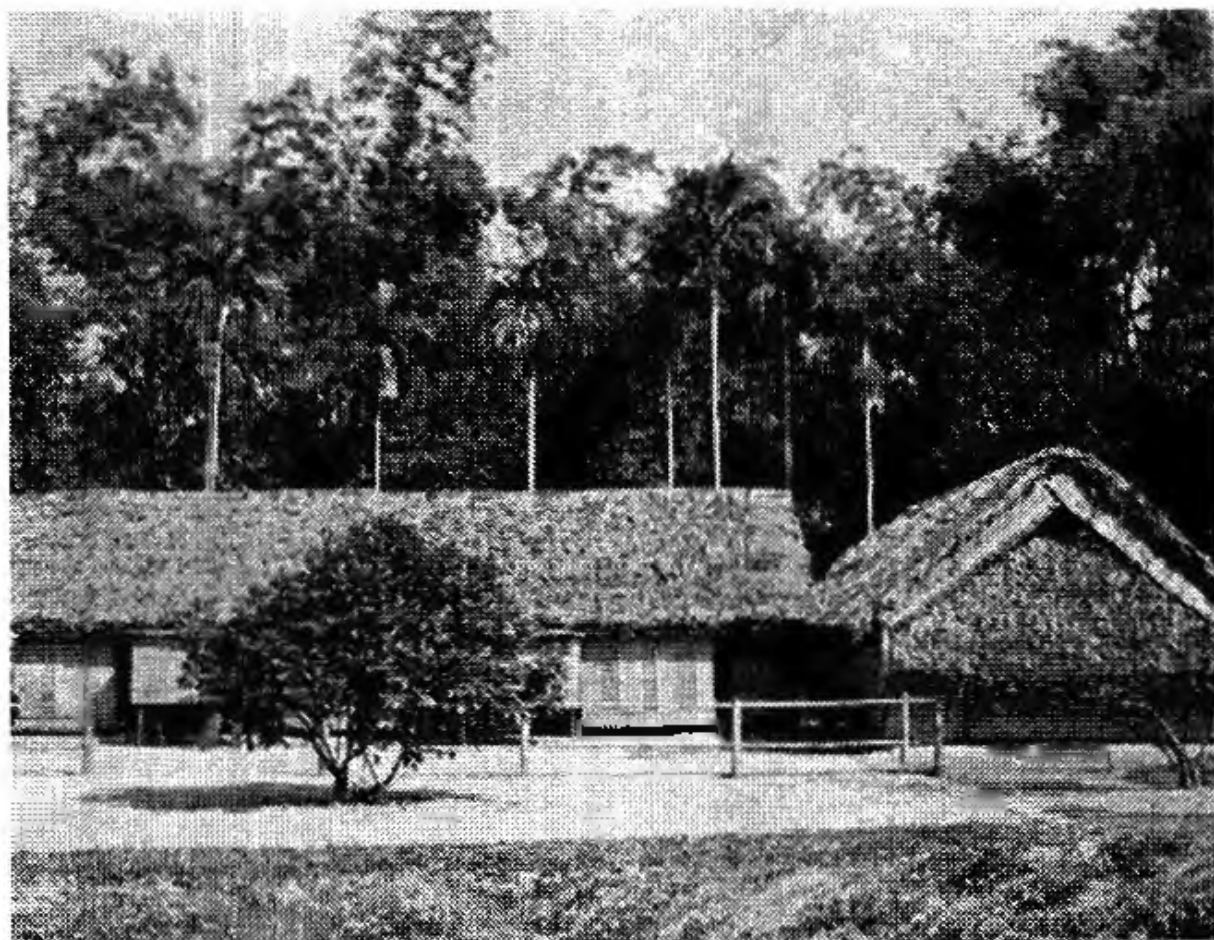
Nhưng ông Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc - như ngày nào đậu cử nhân, sau buổi lễ ra mắt Tổng đốc địa hạt, ông lại tự đi bộ về làng. Về cách Hoàng Trù bốn cây số, gặp dân xã đang náo nức kéo nhau đi rước ông. Mọi người vội trống rong cờ mở, dâng vồng mời ông nằm lên cho làng rước. Ông từ tốn thưa: “Thưa bà con,

TỪ LÀNG SEN ĐẾN BẾN NHÀ RỒNG

tôi chưa làm được gì cho làng cả, sao dám phiền bà con đón rước!”. Dù bà con năn nỉ, ông một mực từ chối. Cuối cùng cả đoàn cùng đi bộ theo ông Phó bảng trở về làng. Ông ghé về quê ngoại làm lễ tạ ơn rồi mới sang chào làng bên nội.

Đây cũng là lần đầu tiên Kim Liên có người đỗ đại khoa. Tục lệ ngày đó đã đỗ đại khoa mà đi ở rể là không được. Dân làng mới cắt một miếng đất năm sào Trung Bộ, dựng hàng rào và trích tiền công của làng mua một ngôi nhà tranh bên Xuân La. Dân làng sang khiêng về làm chỗ ở cho ông Phó bảng. Bố con ông quay về quê nội, sống trong căn nhà lá đó.

Ngôi nhà này không còn giữ được đến ngày nước nhà độc lập (1945). Cũng như ngôi nhà bên ngoại, chính quyền địa phương đã dựng lại ngôi nhà trên nền và theo khuôn mẫu ngôi nhà xưa. Hôm về thăm làng Sen lần đầu (1957), Bác đã phát hiện ra lối vào nhà đã mở sai hướng, Bác đã chỉ cho những người cùng đi:



- Lối đi ngày trước ở bên này! Xưa cha tôi trồng một bên là hàng cây mạn hảo, một bên là hàng cây râm bụt.

Sau đó, địa phương đã mở lại cổng, làm lại hàng rào và lối đi hiện nay đã đúng như sự hướng dẫn của Bác.

Gian đầu có bàn thờ với biển phong tặng “Ân Tứ Ninh Gia” của nhà vua khi ông đậu Phó bảng và lá cờ của dân làng tặng, đề bốn chữ “Phó bảng Phát Khoa”. Sau khi cụ Sinh Sắc qua đời, dòng họ Nguyễn Sinh đưa lá cờ này vào nhà thờ họ. Năm 1957, Bác về thăm quê có ghé vô nhà thờ, Bác vui mừng nói:

- Lá cờ làng tặng cha tôi vẫn còn! Các ông giữ tài thật.

Bác vào gian cuối gần bếp - ở đây đặt một bộ ván bốn tấm ghép lại. Chiếc bàn con kê sát cửa sổ và chiếc võng day đã cũ treo chéo hai cột. Cái sập đựng lúa và tủ chè kê sát vách. Cây cột gần đó có treo cây đèn đĩa. Sát đấy là cái án thư bằng tre. Nhìn bộ ván, Bác bảo:

- So với trước, bộ ván này bị cửa ngăn đi rồi.

Hai lần về thăm, lần nào Bác cũng lẳng lặng đi lên đi xuống ba gian nhà lá. Quá khứ, những kỷ niệm thân thương đang làm Bác bồn chồn. Những người có mặt lúc đó cũng lay tâm trạng của Bác. Kỷ vật như thiêng liêng hơn. Tất cả không còn là tre là gỗ, là vật dụng mà là bóng dáng của cả một gia đình nghèo khó nhưng giàu lương tri, mọi cái thấm đượm những tâm hồn, những tình cảm gắn bó ruột thịt với Bác, làm xúc động lòng người.

Bác đó, ông già giản dị như mọi người già, gần gũi như mọi bậc ông, bậc cha, thân mật chuyện trò việc làng việc nước, những nỗi quan tâm của mọi gia đình. Vị Chủ tịch Đảng, Chủ tịch nước đã hóa thân thành một người làng thân thiết của cả già, trẻ, gái, trai.

Bác đó, đang nhắc lại từng kỷ niệm thời thơ ấu với bạn bè.

Bác đó, niềm tin, lòng hy vọng của mỗi người, của mọi người, của ban bè gần xa. Bằng giọng làng Sen thân thuộc, Bác nói:

- Tôi xa quê hương, xa các cụ, các mẹ, các chú như vậy là đã năm mươi ba năm. Thường tình đi xa như vậy khi trở về, người ta hay mừng mừng tủi tủi. Riêng tôi thì không tủi mà chỉ mừng. Vì khi tôi ra đi, nước ta đang bị thực dân cai trị, đồng bào ta đều là những người nô lệ. Nay tôi trở về thì đồng bào đã là những công dân tự do làm chủ nước nhà.

*Quê hương nghĩa nặng tình cao
Năm mươi năm ấy biết bao nhiêu tình.*

*

* *

Bác ra đời ở làng Hoàng Trù, lên năm tuổi đã phải theo bố mẹ cùng anh trai vào Huế. Đến ngày mẹ qua đời, Bác mười một tuổi theo cha trở về quê và sống tuổi thiếu niên tại làng Sen được năm năm.

Ông Sắc sau khi đỗ Phó bảng đã lấy cố cần chữa bệnh để chậm nhậm chức, nấn ná lại quê được năm năm (1901-1906). Ông rất quan tâm đến việc học của con cái. Ông cho con trai tới học với cử nhân Vương Thúc Quý là con ông tú tài Vương Thúc Mậu, lãnh tụ Cần Vương chống Pháp ở vùng núi Chung.

Ông đã từng viết lên xà nhà mấy chữ: “*Vật dĩ quan gia, vi ngô phong dạng*” (Đừng lấy phong cách nhà quan làm phong cách nhà mình), để răn dạy con.

Là một đại khoa, nhưng làm quan với ông là đem thân làm nô lệ.

Còn được lưu lại quê, ông Sinh Sắc không để lỡ dịp. Ông đi Vô Liệt theo lời mời của nhân dân trên đó lên mở

trường, dạy học, và ông luôn nhắc: Việc học là cần để hiểu đạo lý làm người. Không nên chỉ học để làm quan.

Rồi ông chuyển sang dạy ở Đức Thọ (Hà Tĩnh), đến làng Đông Thái quê hương của cụ Phan Đình Phùng, tiếp xúc với các nhân sĩ yêu nước của vùng Hà Tĩnh... Ông ra Diễn Châu thăm Tấn tương quân vụ trong cuộc khởi nghĩa của cụ nghề Nguyễn Xuân Ôn, đi Yên Thành, Quỳnh Lưu và ra tận Thái Bình tiếp xúc với sĩ phu Bắc Hà. Ông Sắc là bạn thân của cụ Phan Bội Châu cùng là sĩ phu yêu nước chống Pháp, nhưng ông Sắc không hưởng ứng phong trào Đông Du của cụ Phan Bội Châu.

Trong gia đình, Nguyễn Sinh Cung là người được bố đặt nhiều hy vọng. Khi đi đây đi đó, bố thường cho đi cùng. Nhờ vậy, cậu có mặt trong các cuộc đàm đạo của bố. Mọi lời nói, việc làm, cử chỉ đều tác động mạnh tới cậu.

Bà Anna Luidơ Stenson có kể lại trong một lần gặp Bác, Bác có kể chuyện với bà:

"Hồi ấy các cụ nhà nho yêu nước, trong đó có thân sinh tôi thường hỏi nhau:

- Ai cứu nước ta bây giờ?

Có người nói Nhật. Có người nói Anh, có người nói Mỹ, khi đó Nhật là nước mạnh ở châu Á, còn Anh, Mỹ đều là cách mạng dân quyền. Còn tôi..."

Những chuyến đi đây đó và những cuộc gặp gỡ mà ông Phó bảng thường mang Nguyễn Sinh Cung đi theo đã đưa Bác vào thời cuộc. Tuổi mười bốn - mười lăm Nguyễn Sinh Cung chứng kiến rất nhiều cảnh sống đầy đau của nhân dân. Mạng sống con người bị bọn thống trị coi như sâu bọ; phu phen tạp dịch tàn phá từng gia đình, từng làng xóm, gieo tang tóc, ly tán khắp nơi. Ảnh hưởng tư tưởng của cha, kết hợp sự nhạy cảm chính trị của bản thân, Nguyễn Sinh Cung

đã từ chối con đường Đông Du ngay khi cụ Phan Bội Châu muốn đưa sang Nhật Bản hồi tháng 7 năm 1905.

Khi nghe bọn thực dân Pháp làm rùm beng về ba mục tiêu của cuộc cách mạng tư sản Pháp (TỰ DO - BÌNH ĐẲNG - BÁC ÁI) Bác suy nghĩ nhiều và muốn biết rõ bản chất vấn đề. Những điều Bác thấy bọn thực dân đang làm hàng ngày thì hoàn toàn ngược lại điều chúng nói. Điều đó đã thôi thúc Bác muốn tiếp xúc với nền văn minh Pháp để khám phá ra sự thật. Trên tạp chí *Ngọn lửa nhỏ* (Liên Xô), số 39 ngày 23 tháng 12 năm 1923, nhà thơ O.E.Mandelstam trong bài báo "Đến thăm chiến sĩ quốc tế cộng sản Nguyễn Ái Quốc" đã ghi lại lời Bác nói với ông như sau: "*Vào trạc tuổi 13, lần đầu tiên, tôi được nghe những từ Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái. Thế là tôi muốn làm quen với nền văn minh Pháp, tìm xem những gì ẩn giấu đằng sau những từ ấy... Tôi quyết định ra đi từ năm 19 tuổi...*".

Bác ra đời ở làng Hoàng Trù và Bác đã ở bên ngoài gần chẵn mười năm đầu của cuộc đời thơ ấu. Tất cả như còn đọng lại trong ngôi nhà ba gian nằm giữa mảnh vườn chỉ rộng có một sào ba thước.

Lần về thăm quê năm 1961, Bác về thăm Hoàng Trù quê mẹ trước, Bác đã đứng lặng trước chiếc chõng tre và khung cửi, Bác đứng lâu trước những kỷ niệm mà Bác đã xa hơn nửa thế kỷ. Đó là chiếc giường tre nhỏ nơi Bác chào đời và giá treo những quyển sách chữ Nôm của cha Bác, ở gian đầu cùng bên trái, là cái sập gỗ đựng quần áo và cái chum sành đựng nước... Bác đã nâng niu những kỷ niệm đó và reo lên:

- Ô, cái này của ông ngoại cho cha mẹ tôi đây!

Về thăm lại mảnh vườn xưa Bác đã tần ngần bên gốc mít. Cây mít này của mẹ Bác trồng, ngày nhỏ Bác vẫn

thường ra ngồi chơi. Bây giờ cây mít gãy sát gốc, nhưng hai chồi mới đã lên thành hai cây to, nhiều trái...

Hôm đó, khi nhìn thấy mọi người đến đông ngoài cổng, Bác đã bảo các cán bộ địa phương mở cửa để mọi người vào. Bác mời bà con ngồi quây quần xung quanh và rất đơn giản Bác ngồi xồm trước thềm đất ở hiên nhà - nơi ngày nhỏ Bác vẫn ngồi - và thân mật nói chuyện với bà con, Bác hỏi thăm việc chung, việc riêng, căn dặn bà con cần kè về cách làm ăn hợp tác. Bác hỏi thăm những người trong họ đến những bạn bè lúc nhỏ. Nhìn thấy một cụ già tóc bạc trắng trong nhóm người đang đi vào, Bác đứng dậy, đi tới, niềm nở bắt chặt tay cụ và cảm động nói:

- Ông Thuyên, ông vẫn còn đó à?

Rồi Bác cười nói như giới thiệu với mọi người:

- Bạn đi câu cá với nhau hồi nhỏ đây.

Bác đưa tay sờ lên vành tai mình và hỏi ông Thuyên:

- Cái sẹo hồi đi câu với nhau đây, ông còn nhớ không?

Cụ Thuyên rơm rớm nước mắt, mọi người đều cảm động. Bác thân mật hỏi cụ Thuyên:

- Khi tôi đi rồi, ông có còn học nữa không?

- Dạ, tôi còn học hai năm nữa.

- Ông còn nhớ được nhiều chữ Hán chứ?

- Dạ, tương đối thôi ạ!

- Bây giờ ông còn học quốc ngữ nữa không?

- Dạ, học được lớp hai, mắt mờ quá nên không học nữa.

Bác cười và ghé vào tai cụ Thuyên nói nhỏ lại:

- Mắt mờ thì mang kính vào mà học, học cho con cháu noi theo.

Trong dịp về thăm quê Bác năm 1969, chúng tôi có gặp cụ Nguyễn Thuyên (cụ Thuyên mất cuối năm

1971, thọ 90 tuổi). Lúc chúng tôi gặp, tuy tuổi cao, tai hơi nặng nhưng cụ vẫn khỏe mạnh và quắc thước. Cụ có giọng cười sang sảng. Cụ dẫn chúng tôi ra khu ao làng cũng rất gần nhà quê ngoại của Bác, đứng bên gốc si cụ nói:

- Chỗ ni, tôi giựt trượt một con cá và lưỡi câu móc vào tai của Ngài (cụ Thuyên vẫn quen dùng từ Ngài để gọi Bác). Lo lắm, tôi mới phàn nàn: “Đó, ông còn bảo choa⁽¹⁾ mài lưỡi câu nữa không?”. Nhưng Ngài rất bình thản, Ngài bảo “Có chi mà sợ nờ?”⁽²⁾ và Ngài tự mình gỡ lưỡi câu ra rồi hò tôi⁽³⁾ đi lấy một nắm lá niệt nhai nhỏ để cầm máu. Hai chúng tôi kéo nhau ra giếng để rửa vết máu trên mặt Ngài. Khi về nhà, mẹ Ngài biết nhưng không nói gì. Cụ bà già thêm hạt cau để chữa vết thương và dặn đừng cho cụ ông biết.

Ông Thuyên đưa chúng tôi đi thăm vài nơi trong làng Hoàng Trù và kể cho chúng tôi nghe nhiều mẩu chuyện về tuổi thơ của Bác. Cụ nhận xét:

- Chà, Ngài thông minh lạ, hồi nớ mới mười tuổi mà Ngài biết nhiều chuyện lắm, có sách chi Ngài đọc một lần là kể lại vanh vách. Có ai hò là Ngài hò theo được ngay.

Khi đưa chúng tôi ra cánh đồng trải rộng một màu lúa xanh mơn mớn chạy dưới núi Chung, cụ Thuyên nói:

- Đây là cánh đồng Én. Ngày đó tôi với Ngài thường thả diều ở đây. Một lần, tự dán được diều, tôi và Ngài ra đây, tôi bảo Ngài cầm dây để tôi “dâm”⁽⁴⁾ diều, nhưng vì tôi không biết làm, cho nên diều không

(1) Choa có nghĩa là tôi.

(2) Sợ nờ có nghĩa là sợ nào.

(3) Hò tôi có nghĩa là bảo tôi

(4) Dâm diều: phóng cho diều lấy đà bay lên.

lên. Tôi đâm đến ba lần nhưng điều cứ rơi, tôi đã tức ruột định quăng đi, thì Ngài chạy đến bảo: Để tui sửa cho. Ngài dán thêm hai cái đuôi bằng giấy cho điều, và quả thật, sau đó điều lên rất vút. Ngài nhìn cánh điều đang vút cao cười bảo tôi: “Ông làm điều nặng rứa mà không có đuôi làm sao nó lên thẳng được”.

Quay lại phía chúng tôi, cụ Thuyên nói:

- Ngài thích thả điều lắm.

Tôi đứng bên cụ Thuyên, người bạn thời thơ ấu của Bác, xúc động, đón gió từ sông Lam thổi vào. Ngược nhìn lên bầu trời trong xanh, mây trắng xốp nhẹ nhàng bay trong gió quê hương Nam Đàn mà lòng càng thêm yêu quý và trân trọng cả những cỏ cây, ruộng đồng và trời mây ở đây. Chính từ những mảnh ruộng nghèo nàn này đã in sâu vào Bác những “Tinh cảnh nông dân Việt Nam” mà sau này nhiều lần Bác đã viết trên báo *Le Paria* (Người cùng khổ) và phát biểu trước các đại hội quốc tế. Một cánh đồng như bao cánh đồng quê khác, chính nơi này - cánh đồng Én, đã nâng bổng tâm hồn tuổi thơ của Bác. Có thể, từ đây đã nhen nhúm chí hướng giải phóng quê hương của Bác và trong hành trình cứu nước của Bác làm sao thiếu được những cánh điều lộng gió Việt Nam từ nơi đây.

*

* *

Một làng quê như mọi làng quê của đất Lam Hồng, không khang trang, không trù phú, di tích Kim Liên gắn chặt với đời thường như dân làng Kim Liên.

Con đường vào nhà ở quê nội làng Sen bốn mùa điểm hoa râm bụt như chào mừng khách thập phương. Cây ổi đỏ ruột cao hơn hai thước rẽ ba nhánh, sà xuống sân nhà chan hòa cùng buổi, thanh trà như

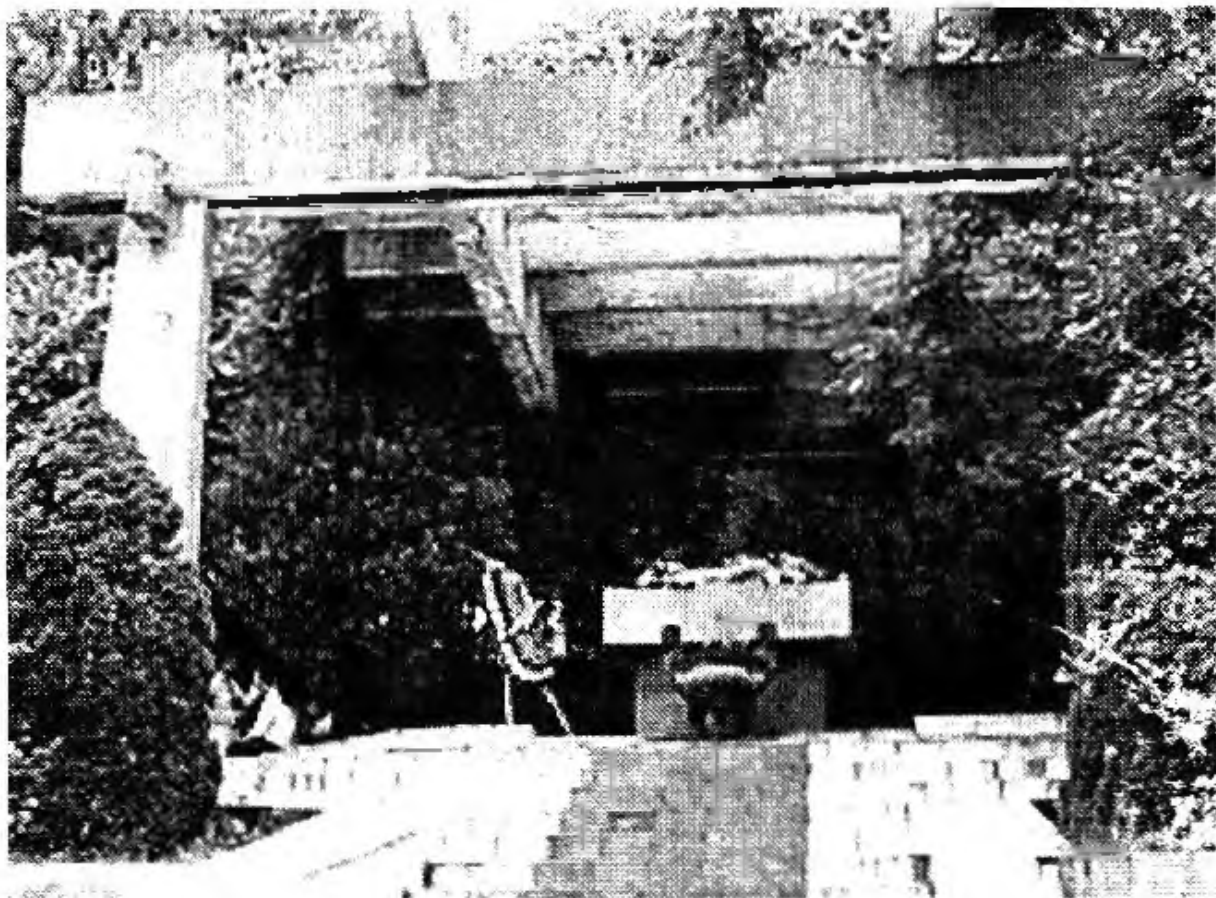
TỪ LÀNG SEN ĐẾN BẾN NHÀ RỒNG

trang trí cảnh đón khách. Mấy khóm huệ, vài khóm cúc, lay ơn đứng đưa trước gió tỏa hương sắc.

Phía sau là hàng cau thon thả tỏa tán lá tròn xoe trải dài trên con đường bóng mát. Từ khóm tre, khóm si quanh vườn rộn ràng tiếng hót của chào mào, vành khuyên, chích chòe. Lại tiếng gà mẹ tục tục gọi con, tiếng thập thình chày giã gạo. Và những mái rơm ẩn hiện những sợi khói lam mảnh mai, quyến luyến trên ngôi nhà bảo tàng thiêng liêng. Thật là đặc biệt! Một nhà sử học người Anh đã thú vị ghi lại: "Đến Kim Liên tôi càng thấy lạ hơn. Tôi chưa từng thấy một nhà bảo tàng nào lại được nghe tiếng gà gáy, tiếng chim ca, được thấy trẻ em đi học chập đường...". Ông mệnh danh đây là loại bảo tàng mới: Bảo tàng mở với đời sống, khác với khái niệm bảo tàng xưa nay là di tích, dư âm của đời sống đã trôi qua được giữ lại. Bảo tàng Kim Liên chan hòa với hiện tại, không cách biệt với cuộc sống đang diễn ra hàng giờ, cũng như tư tưởng và tình cảm của Chủ tịch Hồ Chí Minh đang dẫn dắt đời sống của dân tộc Việt Nam: *"Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho đất nước ta được hoàn toàn độc lập, dân tộc ta hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành"* (Lời Chủ tịch Hồ Chí Minh). Hoài bão của Bác đích thực là hoài bão của mỗi người dân, của mỗi con người Việt Nam bình thường.

Cụm di tích Kim Liên hiện nay mở rộng đến ngọn Động Tranh Thấp trên núi Đại Huệ ở độ cao 100 mét. Năm 1983, khu mộ bà Hoàng Thị Loan đã được xây khang trang ở đó.

Như ta đã biết, bà mất năm 1901 tại Huế. Thi hài được táng ở chân núi Ba Tầng bên dòng sông Hương.



Năm 1922, cô Nguyễn Thị Thanh con gái của bà, một chiến sĩ yêu nước chống thực dân Pháp bị cầm tù ở Quảng Ngãi được đưa ra an trí ở Huế. Đến ngày được thả, cô đã tìm cách đưa hài cốt của mẹ về quê yên nghỉ ngay trong khu vườn nhà. Đến năm 1942, người con trai lớn Nguyễn Sinh Khiêm, sau khi thoát khỏi nhà tù thực dân, trở về quê đã đi tìm nơi cất táng cho mẹ. Đó là vị trí Đông Tranh (trong dãy Đại Huệ) hiện nay.

Từ Đông Tranh nhìn về phía Nam là cả dãy Thiên Nhẫn ngàn đỉnh trùng trùng. Ở đó còn dấu tích thành Lục Niên Lê Lợi dựng năm 1424 trong công cuộc đuổi quân Minh xâm lược; có miếu thờ La Sơn Phu tử Nguyễn Thiếp đệ nhất danh sĩ thời Tây Sơn ở núi Bùi Phong.

Phía bên này sông Lam là núi Dũng Quyết, một tiền đồn của quân nhà Trịnh, có thành Phụng Hoàng mà nhà vua Quang Trung dự tính lập đô và có tên gọi Phụng Hoàng Trung Đô.

TỪ LÀNG SEN ĐẾN BẾN NHÀ RỒNG

Nhìn về phía Tây là núi Đụn (Hùng Sơn) như bức bình phong án ngữ phía tây, còn dấu tích thành Vạn ao do Mai Thúc Loan xây cất từ năm 722 chống quân xâm lược nhà Đường.

Nhìn về phía tây bắc là bạt ngàn dãy núi Đại Vạc, Đại Huệ nơi có thành quách của Hồ Quý Ly và Hồ Hán Thương chống quân xâm lược phương Bắc.

Xa xa, phía đông nam là núi Lam Thành, nơi Nguyễn Biểu, một danh thần Hậu Trần đã chứng minh khí phách dân Nam trước trướng xâm lược phương Bắc. Gần hơn là dãy Độc Lôi, Đại Hải, ở đó có mộ tổ Quang Trung - Nguyễn Huệ. Dòng dõi Nguyễn Huệ vốn họ Hồ khi vào miền Nam đổi thành họ Nguyễn. Còn Bác Hồ, từ dòng họ Nguyễn khi về nước lãnh đạo nhân dân giải phóng dân tộc lại lấy họ Hồ. Đây là một sự trùng hợp ngẫu nhiên hay một sự chọn lựa của Bác? Dù sao thì việc "hoán vị" ấy cũng vô cùng ý vị.



Ngày ông Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc cùng hai con trai đi Huế để nhận chức, nhân dân làng Sen, làng Chùa và cả xã Chung Cự nói với nhau: "Người ta đi làm quan là để vinh thân, còn ông Bảng đi làm quan là để che thân". Ngày 1-7-1909 từ biện hộ bộ Lễ, triều đình đưa ông đi làm tri huyện Bình Khê, một huyện miền Tây Bình Định. Do bệnh vực lẽ phải và bệnh vực dân nghèo nên chỉ ít lâu sau ông bị giáng chức. Ông lang bạt sống trong nhân dân, dạy học và bốc thuốc, suốt các tỉnh từ Phú Yên, đến Bình Thuận rồi lên Lộc Ninh, trở xuống Sài Gòn, sau đó về Cao Lãnh. Ở đâu ông cũng được bà con yêu quý về đức độ và tài năng,



về lòng yêu nước nhiệt thành. Năm 1929, ông lâm bệnh và mất ở Cao Lãnh. Nhân dân xã Hòa An, Cao Lãnh đã cử hành trọng thể lễ an táng, và suốt cả 30 năm của hai cuộc kháng chiến đã quyết liệt đấu tranh và khéo léo bảo vệ mộ cụ Phó bảng cho đến ngày thống nhất đất nước. Năm 1977, khu mộ cụ đã được xây dựng lại trang nghiêm như ngày nay.

Tại Nghệ An, thể theo nguyện vọng và tình cảm thiêng liêng của đồng bào cả nước, ngày 5 tháng 7 năm 1983, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh đã quyết định xây dựng khu lăng mộ bà Hoàng Thị Loan, người mẹ Việt Nam vĩ đại đã sinh ra Bác Hồ kính yêu.

Mộ phần cụ bà được giữ nguyên tại chỗ. Quanh mộ ốp những phiến đá hoa cương do Bộ Tư lệnh bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi tặng cùng những phiến đá cẩm thạch của mỏ đá Quý Hợp quê hương, trên mộ phủ kín bằng đá tự nhiên của núi Đại Huệ và một giàn hoa tươi do bốn cụm hoa giấy của hai tỉnh

Thừa Thiên Huế và Đồng Tháp có nhiều gắn bó với bà: Huế, nơi bà trút hơi thở cuối cùng; Đồng Tháp, là nơi an nghỉ của chồng bà - cụ Phó bảng. Hai tỉnh đã trân trọng đem tới trồng trong dịp khánh thành và ngày nay giàn hoa như mái nhà của xứ Nghệ che mát nơi bà yên nghỉ.

Nền sân trước mộ có dựng bia lớn bằng đá đen Núi Nhồi (Thanh Hóa) ghi công lao của bà.

Men theo sườn đồi bên trái là 252 bậc của đường dẫn lên mộ và bên phải là 197 bậc đi xuống xây bằng đá với cự ly vừa cho cả người già và trẻ em lên xuống.

Sườn núi phía trước mộ, một vườn cây đặc sản rộng mười héc-ta do chiến sĩ Quân khu IV cải tạo nền và trồng nên. Ngàn gốc cây đặc sản này được tuyển chọn cây giống từ khắp cả tỉnh đem về đây trồng. Hai bên là rừng thông rộng chín mươi héc-ta, xanh biếc, ôm vào giữa là nhà khách khang trang luôn luôn sẵn sàng chào đón khách thập phương tới viếng ngoạn. Mộ bà Hoàng Thị Loan quay đầu vào núi, mặt nhìn về Kim Liên.

Từ độ cao của Động Tranh, tại nơi sân sảnh dưới chân mộ, tầm mắt của du khách bao quát vùng Hồng Lam nổi tiếng, thấy rõ làng Đan Nhiệm quê hương cụ Phan Bội Châu, làng Thông Lạng quê hương Lê Hồng Phong, xã Hưng Nhân quê hương Phạm Hồng Thái, làng Tùng Ảnh quê hương Trần Phú, làng Đông Thái quê hương Phai Đình Phùng, làng Tiên Điền quê hương đại thi hào Nguyễn Du. Và cách làng chỉ hai cây số là làng Kê Giá xã Hưng Đạo quê hương của bà Nguyễn Thị Kê, bà ngoại của Bác Hồ... Toàn cảnh Kim Liên: Hoàng Trù, Nam Liên cùng núi Chung hiện ra như gang tấc rất hữu tình và rất thân thương.

NHỮNG THÁNG NGÀY BÁC HỒ Ở HUẾ^(*)

Năm 1894, cụ thân sinh của Bác đậu cử nhân và sau đó được vào học ở trường Quốc Tử Giám. Cụ gửi người con gái lớn lại cho ông bà ngoại rồi đưa cả nhà vào Huế. Đó cũng chính là chuyến đi đầu tiên của Bác Hồ vào Nam. Chỗ ở của Bác hồi ấy là nhà Viện đô sát ở đường Đoàn Thị Điểm, nay là trường cấp một Thuận Thành trong Thành nội. Một tháng sau cụ ông xin được một chân thư ký ở trường Canh Nông với đồng lương rất thấp: mười lăm đồng một tháng. Cả nhà sống nhờ vào đồng lương này. Cụ ông vừa làm ở trường Canh Nông, vừa học ở trường Giám. Lúc này gia đình Bác dọn vào ở gần cửa Đông Ba trên đường Mai Thúc Loan. Sống giữa kinh đô mà chỉ dựa vào đồng lương ít ỏi của cụ ông quả là rất chật vật. Thân mẫu của Bác mới đành dùm tiền mua một chiếc khung cửi và hàng ngày vừa dệt vải vừa lo việc nội trợ.

Bác Hồ lúc ấy mới sáu tuổi, mới được thầy Vương Thúc Quý “vỡ lòng” cho những chữ Quốc ngữ đầu tiên ở quê nhà vào đây tiếp tục học tiểu học. Có tài liệu nói, lúc đó Sinh Cung học ở trường tiểu học Đông Ba. Sinh Cung học rất sáng, nhớ bài mau. Ngoài giờ học

(*) Huế, mùa thu 1983.

Bác thường sang chơi nhà chú Lân, người cùng quê vào làm nghề thợ cưa ở hăng cưa Bô Gaert (Bồ Ghè), nhà kẻ sát gia đình Bác. Chú rất hay kể chuyện xưa nay cho Cung nghe. Thỉnh thoảng Bác cũng xin mẹ theo anh Nguyễn Sinh Khiêm đi chơi ở Gia Hội, Tràng Tiễn hoặc đi xem quân lính tập voi, tập ngựa ở cửa Thái Bình. Có khi theo anh đến cửa Hiển Nhân để nhìn vào cung điện nhà vua. Cung năn nỉ anh vào trong đó để xem cho rõ. Anh Khiêm cười giải thích: “Đó là cung nhà vua, không vào được”. Dù mẹ và anh giải thích thế nào, Sinh Cung cũng không hết thắc mắc. Rằm tháng hai năm sau được tin vua sẽ ngự chơi xuân ở núi Truồi, Cung đi xem vua cho bằng được. Lần đầu Sinh Cung thấy cảnh vua đi, một sắc lính mang cờ xí đủ màu đi trước, với đội trống kèn rền vang cả phố phường. Một đàn voi phủ gấm, một đàn ngựa có yếm thêu, rồi đến lính khố vàng... cuối cùng vua ngồi trên kiệu xanh, khảm ngà có tới chục người khiêng, phía sau một tốp lính đàn sáo ngân nga rộn ràng.

Thấy được vua, Sinh Cung chạy về khoe với mẹ:

- Mẹ ơi, con thấy được vua rồi. Vua không to như mẹ nói đâu. Nhỏ, còn nhỏ hơn chú Lân, có lẽ vua đau chân mẹ ạ.

- Tại sao con nói vậy? - Mẹ hỏi.

- Vì con thấy ai cũng đi, mà vua thì phải có người khiêng. Chắc đau chân nên mới phải nhờ người khiêng chứ mẹ!

Từ đó trong lòng cậu bé Nguyễn Sinh Cung luôn luôn suy nghĩ về vua. Tại sao vua lại quần khăn vàng, mặc áo màu đẹp thế? Sao bố mình, sao chú Lân không được vậy?

Các bạn nhỏ đều ngơ ngác sững sốt. Về sau các cụ nghe chuyện ai cũng khen là sáng dạ.

Cách nhà Bác ở độ một vài trăm mét có một ngã tư (nay là ngã tư đường Mai Thúc Loan và đường Lê Thánh Tông trong Thành nội) gọi là ngã tư Âm Hồn, ở đó có những người bị giặc Pháp giết chết trong ngày kinh đô thất thủ, mùng 5 tháng 7 năm 1885 tức ngày 23 tháng 5 âm lịch. Bác thường hay lên chơi ở đây. Cụ Lần sau này có kể lại rằng: ngày 23 tháng 5 âm lịch, đúng ngày cúng âm hồn thì ở cuối Nam Giao xảy ra việc ba thằng thực dân Pháp đi xem lễ cầu siêu bị giết chết nhận chìm dưới ao, mọi người nói do “oan hồn” về giết chúng. Câu chuyện đó đã khắc sâu vào lòng Bác chí căm thù thực dân Pháp và thương những người đã chết oan uổng vì chúng.

Năm 1898 (Mậu Tuất) thân sinh của Bác thi hội lần thứ hai, nhưng có lẽ vì hoàn cảnh gia đình quá túng quẫn, bận việc ở trường Canh Nông nên việc học hành bị ảnh hưởng cụ thi không đỗ. Thấy cụ Nguyễn Sinh Huy lận đận, vất vả, một nhà nho uy tín ở Dương Nỗ, bạn của cụ, thầy cử Nguyễn Hữu Độ đã mời cụ Nguyễn Sinh Huy về nhà mình để dạy học cho lớp nhỏ và lớp học thi. Cụ Độ nhận đài thọ cho cả hai anh em Bác. Tại đây, Bác kết thân với người con trai của cụ Độ là Nguyễn Hữu Khuyến. Hai người học cùng lớp và thường rủ nhau đi câu cá ở cầu Hói.

Dương Nỗ cách Huế 6 cây số, nay là thôn Dương Nỗ Đông, xã Phú Dương, huyện Hương Phú. Theo tài liệu của ban nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Bình Trị Thiên thì Dương Nỗ là nơi Bác bắt đầu học chữ Hán, trên những trang sách viết hàng tư. Tuy là mới học chữ Hán nhưng Bác đã có tiếng thông minh. Sách Luận ngữ mỗi tập tám tờ, mỗi tờ mười sáu hàng Bác chỉ học vài ba lần là thuộc từ đầu đến cuối.

Năm 1900, cụ Nguyễn Sinh Huy được cử đi Thanh Hóa cùng quan Bộ học tổ chức và chấm kỳ thi Hương,

cụ dẫn theo người con trai lớn. Bác trở về với mẹ tại khu nhà trại gần cửa Đông Ba, sống trong cảnh túng quẫn. Mấy tháng sau mẹ Bác sinh thêm một bé trai đặt tên là Nguyễn Sinh Xin. Sợ di bà đặt tên như vậy vì những ngày sinh con bà quá kiệt sức, không có sữa cho con bú, phải đi xin sữa, xin cháo hàng xóm nuôi con. Cũng chính vì cảnh nghèo bần, bần hàn và phải lao động quá sức sớm nên bà mắc bệnh hậu sản, rồi mất vào ngày bảy tháng hai giữa những ngày xuân Tân Sửu năm 1901, lúc mới bước vào tuổi ba mươi ba.

Hôm đó vào buổi trưa, như thường lệ Bác xách liên ra phố mua cơm - có bữa chỉ đủ tiền mua cháo. Về đến cửa, Bác nghe tiếng bé Xin khóc thét lên. Bác chạy đến bế em và thấy mẹ lạnh ngắt. Hốt hoảng Bác vừa lay vừa gọi. Biết mẹ mất, Bác òa khóc. Hàng xóm nghe thấy, mọi người kéo đến trong đó có chú Lân và bà Tâm. Bà Tâm khuyên Bác đừng khóc, vì luật nhà vua, ở trong Thành nội không ai được khóc than. Hàng xóm thương tình lo liệu chôn cất. Theo lệ nhà vua đám tang của dân thường không được khiêng quan tài qua cửa thành mà phải cho xuống thuyền chui qua cổng đi ra bằng đường thủy.

Đám tang cụ bà Hoàng Thị Loan không quá chục người đi đưa và chỉ có Bác là người thân duy nhất đi sau quan tài của mẹ. Thi hài đưa xuống thuyền ở sông Ngự Hà luôn qua cổng Thanh Long ra Hộ Thành Hà (nay gọi là sông Đông Ba) chui qua cầu Hàm Tế ra sông Gia Hội về sông Hương rồi mới khiêng bộ để chôn cất ở chân núi Tam Tầng thuộc dãy Ngự Bình.

Bác của chúng ta những năm tuổi thơ ở Huế thật vô cùng cơ cực. Cha, anh đi vắng, ông bà ở xa, mẹ mất, một mình ở tuổi lên mười, thiếu cơm, rách áo lại phải nuôi em bé mới sinh. Hàng ngày Bác phải đi xin sữa,

xin cháo nuôi em và xin cơm cho chính mình. Cả tháng dường như bếp nhà không đổ lửa. Thấy cảnh đó ai cũng thương. Hàng xóm, người chén cơm, tô cháo đùm bọc nuôi hai anh em Bác. Mãi đến mấy tháng sau ông cụ thân sinh ra Bác mới trở về đưa Bác cùng bé Xin về quê gửi ông bà. Cụ lại vào Huế để kịp thi Hội khoa Tân Sửu. Năm ấy (1901), cụ đậu Phó bảng, trở về quê được làng dựng nhà đón về ở Làng Sen.

Năm năm sau (1906) không từ chối được cụ phải lai kinh nhậm chức. Bác lại theo cha vào Huế lần thứ hai.

Trong năm năm ở quê, ngoài việc học Quốc ngữ, cha Bác đã gửi Bác học chữ Pháp với ông Nghè Nguyễn Viết Song. Do vậy, khi vào Huế Bác học tiếng Pháp rất giỏi. Ông Phạm Gia Cẩn, quê ở Đức Thọ, Hà Tĩnh lúc ấy cùng học một lớp với Bác ở Huế kể lại rằng: có lần thầy giáo ra một bài văn chữ Pháp để học trò dịch ra Quốc ngữ, trong đó có câu:

“Oh chat! Oh chat! Vous voulez manger le rat, montez sur la poutre!”

Bác đã dịch thành văn lục bát:

Con mèo, con mèo, con meo

Muốn bắt con chuột thì leo lên xà.

Ông hiệu trưởng rất khen ngợi và đem bài văn của Bác đọc cho cả lớp nghe.

Vào Huế, Bác học năm cuối trường tiểu học và trúng tuyển vào trường Quốc học Huế. Ngày ấy cổng trường có đắp nổi tên trường “Pháp tự Quốc học trường môn”. Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Thừa Thiên Huế có sưu tầm được một tấm ảnh học sinh chụp trước cổng trường Quốc học những năm đầu thế kỷ 20. Cổng có nhà gác, và trên nhà gác có một cái chuông to theo kiểu chuông chùa. Tại đây, Bác vẫn nổi tiếng là một học sinh thông minh, học giỏi. Chính

trong thời gian ở Huế, Bác đã nhìn thấy cảnh khổ cực, bị bóc lột trăm bề của nhân dân, nhất là nạn sưu cao thuế nặng. Bác cũng chứng kiến những cuộc đấu tranh của nhân dân lao động ở hai bên bờ sông Hương và trên cầu Tràng Tiền. Chính Bác, năm 1908 đã tham gia phong trào chống thuế với nông dân Huế. Bác thường đội chiếc mũ đập bẹp chóp để tỏ thái độ phản đối và đi đầu đoàn biểu tình để làm phiên dịch tiếng Pháp. Bác trở thành một trong những hạt nhân của các cuộc đấu tranh. Là phiên dịch nên khi đại biểu “nhân dân nói những gì chưa đúng, khi dịch lại Bác thêm cho rõ nghĩa. Khi Pháp nói những gì xúc phạm đến đồng bào, Bác dịch lại thật to để nhen thêm ngọn lửa căm thù trong nhân dân, sự tác động đó trở thành sức mạnh của đoàn biểu tình”⁽¹⁾. Cuộc biểu tình tháng 4 năm 1908 là cuộc tập hợp lực lượng từ các huyện Hương Thủy, Hương Trà, Phú Lộc, Phú Vang và cả vùng ven Huế (An Cựu, Đập Đá...). Cuộc đấu tranh kéo dài mấy ngày liền. Pháp đưa lính từ đồn Mang Cá lên xả súng bắn vào đoàn biểu tình tay không. Nhiều người bị đẩy xuống sông, máu loang trên cầu Tràng Tiền...⁽²⁾. Cuộc biểu tình chống thuế cao sưu nặng từ Huế lan ra các tỉnh Trung bộ. Nhà cầm quyền Pháp đã đàn áp thẳng tay. Các chí sĩ yêu nước Trần Quý Cáp, Nguyễn Hằng Chi bị xử chém, các cụ Huỳnh Thúc Kháng, Đặng Nguyên Cẩn, Ngô Đức Kế bị đày đi Côn Đảo. Cụ Phan Châu Trinh bị kêu án tử hình sau giảm xuống chung thân cũng bị đưa đi đày ở đảo Côn Lôn trong dịp này. Gia đình Bác là địa chỉ đen trong hồ sơ mật thám Pháp. Chị Bác - cô Nguyễn Thị Thanh bị tổng đốc gọi lên tra hỏi về việc nuôi giấu thủ

(1) Theo lời kể của đồng chí Vũ Kỳ với lãnh đạo tỉnh Bình Trị Thiên ngày 18-5-1979.

(2) Võ Nguyên Giáp, “Những chặng đường lịch sử”, Nhà xuất bản Sự Thật.

lĩnh nghĩa quân Duy Tân Hội. Bác và cả ông Cả Khiêm (anh Bác) trong hồ sơ mật thám Trung Kỳ ghi rõ “hai con trai của ông (Nguyễn Sinh Huy) học ở trường Quốc học có những lời bài Pháp trước mặt thầy giáo, trong lúc dân chúng biểu tình chống thuế”.

Trong thời gian học ở Quốc học, Bác tham gia phong trào cắt tóc. Năm 1965, khi về thăm khu di tích Nguyễn Trãi ở chùa Côn Sơn (Hải Dương), Bác đã kể lại chuyện Bác tham gia phong trào cắt tóc. Sau này đồng chí Nguyễn Hoài Bắc, nguyên là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương có kể lại lời của Bác hồi đó như sau:

- Trước đây, hồi học ở Huế, có phong trào cắt tóc, Bác cũng tham gia. Ngày trước đàn ông cũng để tóc dài và búi tóc củ hành. Khi có phong trào cải lương vận động mọi người cắt tóc, nhưng chưa ai biết vận động thế nào thì một số thanh niên cứ nhằm phiên chợ mang một cái giỏ, một cái kéo ra các ngã đường và giữa chợ, thấy các thanh niên tóc dài đi qua thì kéo họ vào và đọc mấy câu: “Húi hể! Húi hể! Bỏ cái ngu này, bỏ cái đại này! Húi hể! Húi hể!”. Chính vì vậy, khi vào dạy học ở Phan Thiết, Bác đã đọc bài ca hát tóc cho học trò trường Dục Thanh chép và khuấy lên phong trào hát tóc ở Phan Thiết.

*

* *

Ở Huế, Bác nhìn thấy sự thối nát của chính vua chúa và Bác thấy rõ bản chất của bọn thực dân Pháp. Hằng ngày trong lớp học, thầy giáo Pháp vẫn giảng rằng họ đem văn minh đến cho nhân dân Việt Nam, Pháp bảo hộ và khai hóa đất nước Việt Nam, đem lại tự do, bình đẳng, bác ái cho mọi người. Nhưng những

TỪ LÀNG SEN ĐẾN BẾN NHÀ RỒNG

điều Bác nhìn thấy thì hoàn toàn trái ngược lại, người nông dân làm ra lúa gạo không có cơm ăn, thức ăn là nước muối pha loãng. Người công nhân làm việc cật lực nhưng lương lại rất thấp và họ bị đánh đập, chửi mắng thậm tệ. Chính bọn Pháp đã xả súng bắn vào những nông dân biểu tình gây đổ máu ở cầu Tràng Tiền, phải hàng tuần lễ sau chúng sai rải cát quét đi mới hết... Những thực tế đó đã đặt cho Bác nhiều câu hỏi. Bác nhớ như in lời kêu gọi của cụ Nguyễn Hằng Chi, bạn của cha Bác, người Hà Tĩnh đang dạy học ở Quảng Nam. Trong lời kêu gọi có đoạn: *"Giặc Pháp mượn tiếng bảo hộ để ngược đãi nhân dân ta đã quá lắm. Hàng năm nộp thuế xong rồi người không chiếc áo lành, bụng không được no, khổ hết chỗ nói, nếu không một phen đứng dậy tổ chức kêu nài thì sưu thuế hãy còn tăng mãi. Dân ta mười nhà đã chín nhà trống không, khó lòng gánh chịu được. Không lẽ cứ ngồi mà chịu chết. Chi bằng vùng đứng dậy để tìm lối sống⁽¹⁾".* Ở đâu có bình đẳng, bác ái? Tại sao quần chúng nhân dân đấu tranh hăng hái như vậy mà không thành công? Cách mạng Pháp đã làm như thế nào? Bác tin ở dân, tin vào ý chí và sức mạnh của dân và chính niềm tin đó đã thôi thúc Bác bỏ trường Quốc học ra đi tìm đường cứu nước. Ý định sang Phương Tây, sang Pháp từ khi còn ở quê nhà, đến Huế càng được tô đậm và hình thành rõ nét.

*

* *

Chúng ta về thăm Huế, trước nhất hãy đến cửa Đông Ba, số nhà 45 đến 49 đường Mai Thúc Loan (về

(1) Theo tài liệu của khu di tích Nguyễn Sinh Sắc (Đồng Tháp) xuất bản năm 1994.

vị trí chưa được xác minh cụ thể - Bảo tàng Huế chỉ mới khoanh khu vực) chính là nơi Bác đã chịu cảnh đói cơm rách áo và là nơi Bác vĩnh biệt người mẹ thân yêu của mình. Trong Thành nội từ cửa Hiển Nhân Thượng Tứ, Ngọ Môn, đến lầu Nam Giao, ngã tư Âm Hồn... rất nhiều nơi đã in dấu chân và nhiều kỷ niệm thời thơ ấu của Bác. Qua cầu Tràng Tiền, theo đường Lê Lợi đến thăm trường Quốc học làm sao ta không nghĩ tới những bước chân rầm rập của những đoàn nông dân đấu tranh chống thuế năm 1908, trong đó có Bác của chúng ta.

Về Huế, ta chớ quên thăm Di Luân Đường nơi Bác vẫn theo cụ thân sinh đi dự các buổi bình văn thơ. Tại đây, nơi kinh đô của triều đại phong kiến cụ Nguyễn Sinh Huy đã nói một câu nổi tiếng: “Quan trường thị nô lệ, trung chi nô lệ, hựu nô lệ” nghĩa là: “Quan trường thực ra chỉ là đám nô lệ hơn cả tầng lớp nô lệ”.

Về Huế, ta hãy qua Đập Đá Vĩ Dạ, về thăm Dương Nỗ Đông, thăm nhà cụ Nguyễn Hữu Độ, nơi ngày xưa Bác ở và học những chữ Hán đầu tiên để sau này trở thành nhà thơ lớn viết tác phẩm “Nhật ký trong tù”. Dương Nỗ nằm bên dòng sông Phổ Lại - Phổ Lại theo người dân xứ Huế có nghĩa là dòng sông đào làm thủy lợi. Sông Phổ Lại uốn lượn giữa làng quê xanh rờn tre trúc. Ngày nay, cha con cụ Độ đều đã qua đời, nhưng căn nhà nhỏ với những hàng cau, hàng rào bằng mạn hảo đơn sơ vẫn còn đó. Ngôi nhà xưa không còn đủ 3 gian như trước đã được địa phương xây dựng phục chế lại y như cũ. Nhiều kỷ vật ngày ấy vẫn còn như cái sập gỗ to có bốn bánh xe, cái giường Bác và cụ thân sinh vẫn nằm, cái yên thư để sách. Những cột kèo, khung cửa ra vào và nối liền với nhà dưới vẫn là cột kèo, cửa từ thời đó. Ngày ở đây, những buổi trưa Bác thường qua cầu Hói xuống thăm miếu Bà. Miếu Bà và

miếu Ông nằm trên doi đất bên bờ sông Phổ Lại có nhiều cây to bóng mát. Miếu Bà trên nóc có phượng, miếu Ông trên nóc có rồng. Trong miếu Bà có nền nhẵn và mát, Bác hay đến nằm đọc sách. Các cụ già Dương Nỗ kể rằng: Có lần các cụ hỏi về con cái, cụ Nguyễn Sinh Huy cười nói vui: "Tôi có hai con trai, anh tên là Nguyễn Sinh Khiêm, tức Khơm, em là Nguyễn Sinh Cung tức Công (Khơm và Công là gọi theo âm xứ Nghệ). Khơm Công tức là Không cơm, nên đi đâu tôi cũng đem hai con theo".

*
* *

Sau Tết năm 1909, cụ Nguyễn Sinh Huy được cử làm giám khảo thi hương khoa Kỷ Dậu ở Bình Định. Ông và hai con trai lên đường giữa lúc Huế còn mịt mù trong những lớp sương mai của mùa xuân lạnh giá. Đây cũng là mốc son ra đi để tìm đường cứu nước của Bác, kể từ ngày rời Huế cho đến khi Bác trở về Hà Nội là gần bốn mươi năm và khi Bác lã lnh tỵ của đất nước là gần sáu mươi năm. Vậy nhưng Huế vẫn cùng với miền Nam luôn in đậm trong ký ức Bác. Ngày nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời (năm 1945) Bác đã hỏi thăm, tìm lại những người bạn thời thơ ấu ở Huế và cho cán bộ đến thăm hỏi, chuyển quà tặng của Bác. Sau này, trong chống Mỹ, Bác đã tiếp nhiều cán bộ Bình Trị Thiên ra miền Bắc và Bác đã nhắc nhiều đến kỷ niệm ở Huế 50 - 60 năm về trước.

Bác nhớ đoạn đường ngoằn nghèo vòng qua vòng lại ở dốc Miếu, chợ Cầu. Lần gặp anh hùng Nguyễn Thị Kim Huế, nay là Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Bác nhắc: "Bác nhớ khi đi qua vùng Bình Trị Thiên đồng bào khổ lắm. Đến bữa ăn, họ hòa muối

vào trong một bát nước, cả nhà ngồi xung quanh nhúng dưa vào trong bát nước muối rồi ăn với cơm”.

Gặp đồng chí Hoàng Lanh ở trong Thành Huế ra (sau này là thường vụ Tỉnh ủy Bình Trị Thiên), Bác hỏi:

- Trường Quốc học có thay đổi nhiều không?
 - Cửa Đông Ba, cầu Gia Hội có còn như ngày xưa không?
- Bác nhắc Huế có bánh khoái rất ngon.

Năm 1969, trước lúc Bác đi xa, khi gặp các đại biểu Liên minh các lực lượng Dân tộc, Dân chủ, Hòa bình, thành phố Huế vừa ra vùng giải phóng hồi Mậu Thân 1968, Bác hỏi:

- Ở Huế có còn các cô bán chè mặc áo dài trắng giọng rao thánh thót với đôi gánh đầy những chén chè nhỏ nhỏ nữa không? Bác còn nhớ các cô bán đủ loại chè và những chén chè nhỏ xíu để trên những cái trệt xây ba bốn tầng.

Hôm đó, Bác hỏi các vị trong Liên minh các lực lượng Dân tộc, Dân chủ và Hòa bình thành phố Huế:

- Con đường chạy qua trường Quốc học bây giờ gọi là đường gì?
- Con đường từ cửa Đông Ba vô chợ Xếp tên gì?
- Chợ Xếp có còn đông nữa không?

...

Bác luôn nhớ, nhớ rất chi tiết về Huế. Đúng là từ ngày ấy, từ đầu thế kỷ này, Huế và miền Nam đã ở trong máu, trong tim Bác.

BÁC HỒ Ở PHAN THIẾT^(*)

Năm 1909, cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc được bổ làm tri huyện Bình Khê thuộc tỉnh Bình Định. Huyện lỵ nằm trên đường 19 ven theo sông Côn, cách đèo An Khê ngày nay chưa đầy 20 cây số. Đây chính là nơi sinh ra, lớn lên và đây bình khởi nghĩa của Nguyễn Huệ, là quê của Bùi Thị Xuân, Mai Xuân Thưởng. Bác Hồ lúc đó cũng theo cha vào Bình Định. Trong thời gian làm quan, cụ Phó bảng thường xử hòa các vụ kiện hoặc đứng ra bênh vực người nghèo, ông thả những người tù yêu nước ở đây - cụ ít nghĩ tới “việc quan” mà chỉ thường hay đi đây đi đó thăm hỏi nhân dân, đồng bào. Một lần để bảo vệ công lý cụ đã thẳng tay trừng trị một tên quan lại. Cụ bị giáng chức. Thời gian cụ lưu lại Bình Khê là từ ngày một tháng bảy năm 1909 đến ngày mười bảy tháng một năm 1910. Cụ Phó bảng không về quê mà đi thẳng vào Nam Bộ. Vào Sài Gòn cụ tiếp tục liên lạc với các sĩ phu yêu nước. Bác Hồ năm đó vừa học xong ban thành chung trường Quốc học Huế, theo cha để có điều kiện học tiếp. Nhưng thời cuộc và xã hội đã thôi thúc Người. Trong thời gian ở quê và ở Huế, Bác đã chứng kiến biết bao chuyện bất công và đau lòng của

(*) Phan Thiết, mùa Xuân năm 1978-1998.

người dân mất nước. Những ngày đó, Bác được cụ thân sinh giao nhiệm vụ canh gác và làm liên lạc cho các sĩ phu yêu nước trong đó có các cụ Phan Bội Châu, Trần Quý Cáp, Phan Châu Trinh. Do đó, Bác được hấp thụ nhiều tư tưởng tiến bộ. Bác đã từng tham gia cùng nông dân đấu tranh chống thuế khi học ở trường Quốc học Huế. Những thực tế đó phải chăng đã đặt cho Bác câu hỏi: Phải làm gì đây? Làm gì để xóa bỏ bất công? Giải phóng đói nghèo? Để đưa đất nước ra khỏi đêm đen nô lệ? Từ Bình Định, nơi trước đó hơn một thế kỷ, anh em Nguyễn Huệ đã phát cờ khởi nghĩa, giải phóng non sông, thống nhất đất nước, Bác đã kiên quyết ra đi. Đồng chí Hà Huy Giáp kể lại rằng khi tiếp bà Xơ-rom, Bác đã nói: *Đất nước tôi có bờ biển rất dài, tôi lang thang dọc bờ biển, tìm đến những bến tàu để xem có cách nào ra nước ngoài được không?* Bác đã dừng chân lại Sông Cầu (Phú Yên) một thời gian ngắn để nhờ cụ Phạm Ngọc Thọ chỉ dạy, hướng dẫn (Cụ Phạm Ngọc Thọ là thân sinh của cố Bác sĩ - Bộ trưởng Y tế - Phạm Ngọc Thạch, cụ Thọ là bạn của cụ Sinh Sắc, lúc này làm tổng đốc Phú Yên). Từ Sông Cầu, Bác đi lần vào Tuy Hòa, Nha Trang, Cam Ranh, Phan Rang rồi Phan Thiết. Lúc bấy giờ tàu hỏa mới chạy đoạn đường từ Huế - Đà Nẵng và Huế - Quảng Trị. Đường ô tô chỉ có đôi đoạn, phương tiện chủ yếu ngày đó là đi bộ hoặc ghe buôn chạy buồm.

Gần hết cả năm 1909, Bác chỉ đi được hơn 500 cây số. Sau những ngày dừng chân ở Duồng, một làng biển sầm uất ở xã Chí Công (Tuy Phong - Bình Thuận) Bác theo ông nghề Trương Gia Mô (bạn của cụ Phó Bảng) vào Phan Thiết và gặp cụ Nguyễn Hiệt Chi, con của cụ Nguyễn Hằng Chi, một sĩ phu trong phong trào yêu nước, đang làm việc ở Phan Thiết, rồi Bác gặp cụ Hồ Tá Bang Trưởng ban quản trị công ty Liên Thành và

được cụ Bang hết lòng giúp đỡ. Công ty Liên Thành thu xếp Bác dạy học ở trường Dục Thanh. Phan Thiết là nơi dừng chân lâu nhất trên chặng đường lặn lội xuyên Việt của Bác.

Bình Thuận những năm đó là đầu mối giữa Nam Bộ và Trung Bộ, là chặng đường gần như cuối trong cuộc Nam du của các nhà lãnh đạo phong trào Duy Tân, cũng là nơi lánh nạn của các nhà nho yêu nước. Các cụ Phan Bội Châu, Ngô Đức Kế, Đặng Nguyên Cẩn... đều đã có dịp đến Phan Thiết trong trường hợp này. Cụ Phó Bảng Nguyễn Sinh Sắc trên đường vào Nam Bộ cũng đã nhiều lần lui tới Phan Thiết. Cuối năm 1904, ba cụ Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng đi chu du để tuyên truyền cho phong trào Duy Tân ở các tỉnh cực Nam. Ghe bầu đưa các cụ vào Bình Thuận, sau khi khảo sát, hai cụ Trần Quý Cáp và Huỳnh Thúc Kháng trở về xứ Quảng. Cụ Phan Châu Trinh bị bệnh ở lại Phan Thiết, vì thế mới có bài thơ "*Phan Thiết ngọa bệnh*". Trong thời gian lưu lại đây, cụ Phan kết thân với cụ Hồ Tá Bang và lập một thư xã (có thể coi nơi đây là nơi hoạt động chính trị đầu tiên của Hội Liên Thành). Trụ sở của Thư xã đặt tại đình làng Phú Tài, tức trường Nữ bây giờ nhằm truyền bá chữ quốc ngữ, giảng sách tiến bộ và tuyên truyền tư tưởng yêu nước. Trong thời gian ở Phan Thiết, cụ Phan Châu Trinh có bàn bạc với hai người con trai của cụ Nguyễn Thông, là Nguyễn Trọng Lợi, Nguyễn Quý Anh và cụ Hồ Tá Bang để tìm cách mở mang dân trí. Muốn vậy, trước nhất phải hoạt động gây quỹ, có quỹ sẽ làm được việc mở trường học hoặc quán sách...

Đến tháng 9 năm 1905, cụ Phan Châu Trinh trở về xứ Quảng. Ít lâu sau, công ty nước mắm Liên Thành chính thức được thành lập.

Trước đó, nhà thơ yêu nước Nguyễn Thông (1826-1894) từ Tân An ra Phan Thiết lập Đồng Châu xã nhằm gây dựng cơ sở chống Pháp. Cụ cho cất một ngôi nhà nhỏ bên bờ sông Cà Ty và đặt tên là Ngọa Du Sào (có nghĩa là “Tổ nằm chơi”). Tập thơ “Ngọa Du Sào” đầy lòng yêu nước của cụ đã ra đời ở đây:

Tham quan ô lại một phường

Nuôi thân bằng máu, bằng xương dân lành.

(Thơ Nguyễn Thông)

Ngọa Du Sào không rộng lắm, là một căn nhà có gác xép dài 6m50, rộng hơn 4m, cao hơn 2m, là nơi hò hẹn gặp gỡ bình thơ và bàn chuyện quốc sự của các sĩ phu yêu nước - nói cách khác, cũng là nơi bày tỏ tâm sự của những người yêu nước ở ẩn vì bế tắc chưa tìm được lối thoát cho cuộc đời và cho đất nước.

*

* *

Năm 1908, hai người con lớn của cụ Nguyễn Thông là Nguyễn Trọng Lợi (tức Ấm Năm) và Nguyễn Quý Anh (tức Ấm Bảy) mở trường Dục Thanh. Trường được thành lập dưới sự bảo trợ toàn diện của Hội Liên Thành (sau này là Công ty nước mắm Liên Thành). “Thời bấy giờ không có Công ty nào của người mình mà lớn bằng, các tỉnh ở cực Nam Trung Việt noi gương thành lập những Công ty Hưng Tân, Phong Thạnh, Đồng Thạnh và Đồng Nghiệp Bình Thuận Hàm Ngư Thủy. Dân chúng Bình Thuận hưởng ứng, nên mới có câu phương ngôn: “*Văn chương không bằng xương cá mè*”. Vì rằng khi đó có vốn muối cá mè làm mắm giàu có hơn là đeo đuổi nghiệp thi cử, văn chương. Nhờ cụ Phan Châu Trinh chủ xướng, khuyến khích, giáo dục công thương hội mà phong trào truyền bá canh

tân, mở mang thương nghiệp, chấn hưng công nghiệp đã được khởi phát và thực hiện tại Bình Thuận sớm hơn ở Bắc phần và Nam phần⁽¹⁾.

Trường Dục Thanh với diện tích trên 120 mét vuông nổi liền thảo bực nhà thờ cụ Nguyễn Thông, mái lợp bằng ngói âm dương, không có tường xây, chỉ có vách bằng song gỗ xếp chéo hình thoi. Trường có 4 lớp gồm ngót 100 học sinh (có cả học sinh của các tỉnh Nam Bộ) và chỉ vốn vẹn có bốn nữ. Học sinh hơn một nửa ở nội trú, khi đó trường có cất một căn nhà, gọi là nhà Ngự cho học sinh và các thầy giáo ăn ở tập thể. Việc ăn ở của học sinh do trường đài thọ. Trường dạy chữ quốc ngữ là chính, nhưng cũng có giờ dạy chữ Hán và chữ Pháp. Trước sân trường có một cây cổ thụ to và ngoài cổng là sông Cà Ty êm đềm chảy suốt ngày đêm. Gắn cây cổ thụ có một hồ sen nhỏ, nhiều rãnh hoa huệ, hoa trúc đào. Trường được nhân dân ủng hộ, nhiều người hiến ruộng góp quỹ cho trường. Ngoài hai người con của cụ Nguyễn Thông, cụ Hồ Tá Bang cũng là người có nhiều đóng góp cho trường. Hồi đó tư thực Dục Thanh là một trường tiến bộ, khắp nơi đều biết tiếng, được nhiều nhà yêu nước quan tâm. Chính vậy mà Bác Hồ trên đường vào Nam đã nghe, đã biết và đã tìm đến trường. Năm ấy, Bác tròn 20 tuổi. Là con của một Phó bảng yêu nước được cụ nghề Mô giới thiệu nên Bác được ban phụ trách và các thầy giáo ở trường rất quý trọng. Làm thầy giáo chưa phải là đích của Bác, nhưng trên chặng đường dài dừng chân lấy sức mà được làm thầy giáo ở một trường tiến bộ dạy theo đúng ý của mình là một điều ngoài sự mong muốn. Theo cụ Nguyễn Quý Phẫu, cháu ruột nhà thơ Nguyễn Thông, là học trò lớp ba của thầy giáo Nguyễn Tất

(1) Theo "Đông kinh nghĩa thực" của Nguyễn Hiến Lê.

Thành kể lại: “Dù là mới vào dạy chưa được bao lâu nhưng thầy Thành đã được nhiều học trò quý mến. Tết đến, học trò nội trú đều về nhà ăn Tết, các thầy giáo cũng vậy, chỉ có thầy Thành ở lại trường.”

Tết năm 1910, Bác đã ăn Tết với gia đình con cháu cụ Nguyễn Thông. Theo tục lệ địa phương, Tết đến, người ta thường mua hoa trường sanh màu vàng như bông mai về cắm trong bình. Năm đó lập xuân vào sát Tết. Từ 25 Tết, nhiều học trò quê Phan Thiết đã đem hoa trường sanh đến tặng Bác. Bác đem hoa cắm vào bình hoa của gia đình. Trong vườn trường, bên hồ sen có mấy luống hoa huệ và mấy khóm hoa trúc đào, Bác xách nước tưới và hỏi:

- Tại sao nhà ta không trồng hoa mai vàng?

Ngày trước, mai vàng nở nhiều trên núi và các gò ruộng, người dân đến Tết thường cắt cành về chưng Tết nên ít trồng mai như bây giờ.

Hoa mai vàng từ những ngày đó đã in sâu trong tâm trí Bác. Mai và trường sanh đều có màu vàng, màu vàng của hoa xuân miền Nam mà sau này khi làm Chủ tịch nước, mỗi lần Tết đến, khi gặp các đại biểu miền Nam Bác vẫn thường nhắc lại.

Tết năm đó, con cháu cụ Nguyễn Thông mở những cánh cửa chính nhà thờ tổ và dọn bàn ở hàng hiên giữa nhà thờ và nhà thảo bạc để ăn Tết. Theo cụ Phẫu, Tết đó, có đủ bánh tét, dưa món, củ kiệu và đặc biệt có hạt dưa và mứt gừng rim nguyên củ, mứt bí đao. Thầy Thành rất thích món dưa này. Thầy nói: Món này giống món ăn ngày Tết ngoài Bắc. Mãi mấy chục năm sau Bác vẫn còn nhắc: “Ngày Tết ở Bình Thuận có nhiều hạt dưa lắm”.

*

* *

Bác dạy học ở Phan Thiết chỉ trong ngoài chín tháng, thời gian tuy ngắn ngủi nhưng đủ để lại trong các học trò, các thầy giáo trường Dục Thanh và bà con ở Phan Thiết những tình cảm và ấn tượng sâu sắc về Bác.

Mười năm trước ngày miền Nam được giải phóng, chúng tôi có dịp gặp bác sĩ Nguyễn Kinh Chi, con của cụ Nguyễn Hiệt Chi, một trong những học trò ở trường Dục Thanh của thầy giáo Nguyễn Tất Thành, sau là Thứ trưởng Bộ y tế của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Bác sĩ Nguyễn Kinh Chi kể lại rằng:

“Năm đó Bác Hồ 20 tuổi, dáng người thanh thanh, tóc hớt ngắn, trán cao, nét mặt tươi, đôi mắt long lanh kiên nghị và tươi tỉnh. Bác thường mặc bộ bà ba màu trắng, thắt lưng màu hoa lý thả lỏng thông bên hông như thanh niên đương thời hoặc mặc áo dài trắng. Bác hay đi guốc đèo bằng gỗ vòng hoặc giày vải kiểu hàm ếch, đôi mũi cát không có băng tròn trên mũi”. Bác sĩ Chi kể lại: Khi đó vì Bác là con cụ Phó Bảng nên được các thầy dành cho chỗ ở trên Ngọa Du Sào, nhưng Bác ít ở đó mà thường sang nhà Ngư ở chung và ăn chung với các em học sinh. Bác chỉ lên Ngọa Du Sào để đọc sách, chấm bài và bàn chuyện với các thầy. Bác thường nghỉ trưa trên bộ ván ở Ngọa Du Sào. Sáng dậy, Bác tham gia quét dọn nhà cửa và gánh nước tưới hoa, tưới cây với học trò. Những buổi lên lớp Bác giảng bài tỉ mỉ - giọng Bác nghe ấm và rất cảm mến. Có những chỗ khó Bác giảng đi giảng lại cho cả lớp hiểu được mới thôi. Bác là giáo viên đầu tiên dạy Quốc ngữ ở trường Dục Thanh. Bác phụ trách lớp nhì và dạy thêm các lớp khác. Bác không bao giờ đánh mắng học trò. Giờ nghỉ, Bác thường đưa học sinh đi ngoại khóa ở dọc bờ sông hay ra bờ biển. Khi đi mang theo cơm nước để ăn trưa. Những lần đi chơi như vậy, Bác

thường giảng về địa lý và lịch sử đất nước cho học sinh nghe. Có khi Bác kể chuyện bà Triệu, bà Trưng, khi thì kể chuyện Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo chống xâm lăng... Bác đặc biệt kể nhiều lần và ngợi ca vua Quang Trung Nguyễn Huệ. Bác kể về Thái Xá, quê nội của Nguyễn Huệ và về vùng đất Bình Khê có dòng sông Côn là nơi Nguyễn Huệ lớn lên, lập căn cứ khởi nghĩa của phong trào Tây Sơn, đó cũng là nơi cha Bác làm tri huyện và bị huyền chức.

Bác thường giới thiệu những cảnh đẹp và giàu có của đất nước, đồng thời vạch rõ chế độ thực dân đã làm cho dân ta nghèo khổ.

*

* *

Mùa xuân năm 1978, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thuận Hải⁽¹⁾ có tổ chức một cuộc gặp gỡ tọa đàm với các học trò của thầy giáo Nguyễn Tất Thành năm 1910 học ở trường Dục Thanh - Phan Thiết, với sự tham gia của đồng chí Hà Huy Giáp, Viện trưởng Viện Bảo Tàng Hồ Chí Minh, nguyên ủy viên TW Đảng, Bí thư Đảng Đoàn Bộ Văn hóa, một người đã được gần gũi và làm việc nhiều với Bác.

Tại đây chúng tôi được gặp lại các cụ Nguyễn Quý Phẫu, Từ Trường Phùng, Nguyễn Đăng Lâu - nguyên là học trò của thầy giáo Nguyễn Tất Thành ở trường Dục Thanh - cả ba cụ tuổi đều gần tám mươi. Chúng tôi cũng được gặp chị Hồ Thị Vân hiện là quản trị viên thuộc thế hệ thứ hai của Công ty nước mắm Liên Thành, con gái của cụ Hồ Tá Bang.

(1) Nay là hai tỉnh Bình Thuận và Ninh Thuận.

Hôm đó, trong tiết trời xuân man mát của vùng đất biển, bên bờ sông Cà Ty trong xanh lượn vờn giữa thị xã Phan Thiết, chúng tôi nghe các cụ kể lại những kỷ niệm về Bác Hồ - thầy giáo Nguyễn Tất Thành năm 1910.

Thầy Thành dạy học trò bằng cả tình thương yêu như với em ruột mình, không bao giờ thầy đánh hoặc chửi mắng học trò, ngày đó các thầy giáo, kể cả các thầy giáo tiến bộ ở trường Dục Thanh cũng thường hay la mắng, đánh đập và phạt những học trò không thuộc bài hoặc bị lỗi, thầy Thành hay nói với thầy Hải:

- Các em còn nhỏ làm sao không bị lỗi, ta phải thương yêu, dạy bảo các em, đừng làm các em sợ.

Trong thực tế, khi lên lớp thầy thường hỏi học trò đã hiểu chưa, khi nào tất cả đều hiểu thầy mới yên tâm. Nhiều học trò khi trả bài do sợ quá hoặc do nhút nhát mất bình tĩnh, thầy bảo:

- Đừng sợ, các em phải bình tĩnh, sợ quá sẽ dễ quên.

Với những học trò chưa thuộc bài, áp úng, thầy nói:

- Em học như thế là chưa tốt. Thôi, xuống học lại cho thuộc rồi trả bài sau.

Mỗi ngày, trước khi vào lớp, học trò các lớp đứng xếp hàng ở sân nghiêm chỉnh rồi tuần tự vào lớp. Ai ngồi đâu vào đúng chỗ đó, thầy giáo sẽ rung chuông, học trò đứng yên hát bài ca yêu nước, hát xong, thầy giáo rung một hồi chuông nữa, học trò ngồi xuống bắt đầu nghe thầy giảng bài. Các bài ca yêu nước này thường do thầy Thành đọc cho học trò chép và dạy cho học trò hát. "*Bài ca yêu nước*" ghi được một đoạn như sau:

"Nước Nam ta từ đời Hồng Lạc,

Mấy ngàn năm khai phá đến nay

Á Châu riêng một cõi này

Giống vàng ta cũng xưa nay một loài

*Vuông dậm đất ba mươi mấy dậm
Nào bạc vàng nhan nhản thiếu chi”.*

Phong trào hót tóc theo tinh thần Duy Tân ở Phan Thiết cũng khởi xướng từ trường Dục Thanh. Chính Bác đã dạy học trò bài ca “*Hót tóc*”. Bài ca đó có đoạn:

...
“ *Gọi cúp tóc là thất trung, thất hiếu
Chớ tóc dài trung hiếu với ai đâu
Kìa xem trong ngũ đại châu
Nào ai dài tóc có đâu như mình
Nói ra ngật mà làm thính cũng ngật
Hề có tay, có chân, có mày, có mặt
Chữ đồng tâm cho chắc mới nên người
Hề mà có mắt không người
Có tai không lỗ như người sống dư
Duy Tân lúc bấy giờ là phải
Tóc cúp đi chỉ đại mới chữa cho
Biết ăn mà chẳng biết lo
Lửa đã táp đến giò mà chẳng biết
Người chẳng tiếc sao tóc dài còn tiếc
Nghĩ cái đời đại thiệt chớ khôn đâu
Muốn ăn còn đợi kẻ và
Còn mang thói cũ ắt là hư thân”.*

Bài ca này, trước nhất là học trò trong trường thuộc lòng, sau đó hầu như thanh niên ở thị xã đều thuộc. Ngày đó, thanh niên để tóc dài “*búi tó củ hành*”. Sau đợt vận động này thanh niên Phan Thiết từ ba mươi lăm tuổi trở xuống đều hót tóc ngắn.

Thầy Thành cũng là người khởi xướng phong trào tập thể dục thể thao trong trường. Lúc ấy có thể nói Dục Thanh là trường duy nhất có phong trào thể dục thể thao. Thầy trò tổ chức đào một cái hố dài và sâu

rồi nhảy từ dưới lên, mỗi ngày đào sâu thêm một chút để nhảy. Thế dục lúc ấy là những bài hít thở với vài động tác tay rất nhẹ nhàng. Sáng sáng tiếng hô của thầy Thành vang trên sân trường. Thầy hô theo âm Hán như “Một-hai-ba-bốn” thì hô là “Nhất-Nhị-Tam-Tứ”, hoặc là “đứng yên” thì hô “lập định”, đưa cả hai tay lên trời thì hô là “lưỡng thủ tả hữu tề cử”. Cũng như chấm bài, các thầy chưa gọi là điểm mà gọi là “công”. Bài làm đúng, tốt thì được mười công, bài dở thì một, hai công. Thầy Thành chấm bài kỹ và thưởng công rất phân minh, thường có kèm theo lời dặn dò chu đáo. Những học trò làm bài kém quá, ngoài giờ, thầy gọi đến giảng thêm, rồi cho làm lại bài để chấm lại. Tất nhiên những bài đó thầy có trừ đi một, hai công. Vì vậy thầy được học trò quý trọng, thương yêu như người anh trai trong nhà.

Một điều nữa mà tất cả những người học trò cũ của thầy giáo Nguyễn Tất Thành đều nhớ và nhớ như những chuyện đó vừa xảy ra chủ nhật vừa rồi. Đó là việc thầy Thành chủ trương đưa học sinh đi ngoại cảnh vào ngày chủ nhật. Khi thì thầy đưa đi chơi ở động cát Thiêng Đức, đình làng Đức Nghĩa, và thường nhất là ở bãi biển Thương Chánh. Ngày trước dân cư tập trung nhiều ở bến cá Côn Chà và dọc theo đường số một cũ nay là đường Lê Hồng Phong nối đường Nguyễn Huệ với chiếc cầu sắt bắc qua sông Cà Ty. Khu vực Tỉnh ủy bây giờ, ngày xưa cũng là chỗ có cây to bóng cả mà Bác hay đưa học trò đến chơi. Ngày trước đây là khu nhà Pônggalu của Pháp, một dạng khách sạn nhà nghỉ dành cho quan chức Pháp nằm trên đồi cao phải leo mấy chục bậc tam cấp mới lên tới nơi. Gần đó là khu nhà dây thép (Bưu điện). Hai đường dây điện thoại bắc qua sông chiều chiều gió thổi kêu ro ro, mỗi lần qua cầu học trò bảo nhau: Chắc

người ta đang gọi nhau nó mới kêu như vậy. Thầy Thành cười giải thích:

- Không phải đâu, tiếng kêu các em nghe được là do gió thổi làm dây thép rung trong không trung mà có, chứ gọi nhau trong điện thoại không bao giờ phát ra âm trên đường dây.

Nhiều lần Bác dẫn học sinh ra bờ biển Thương Chánh - nơi có nhiều ghềnh đá nổi giữa hai bờ biển cát trắng nằm ở tả ngạn sông Cà Ty. Ở đó xưa có đồn thuế quan của Pháp nên gọi là bờ biển Thương Chánh. Ngày trước, dọc theo bờ biển có nhiều dương liễu, nhà cửa thưa thớt và chưa bị biển lấn vào như bây giờ. Tết Trung thu năm 1910, lúc mặt trăng đỏ tròn lồng lộng xuất hiện ở chân trời đằng đông, thầy Thành và học trò của thầy đã có mặt để vui đón Trung thu bên ghềnh đá sóng vỗ trắng sáng này. Đêm đó, sau khi “phá cỗ” ăn bánh trung thu, uống nước, thầy Thành đã kể chuyện chị Hằng Nga với truyền thuyết “Chú Cuội ngồi gốc cây đa” rồi giải thích theo khoa học về mặt trăng cho học trò nghe. Thường những lần đi chơi thầy hay tổ chức nhiều trò chơi, mà trò chơi thầy thích nhất là “bắt thăm kể chuyện”. Dưới một cây to hay một nơi mát mẻ, học trò ngồi thành vòng tròn, thầy Thành làm mấy cái thăm để học sinh lần lượt bốc. Ai bốc trúng thăm đã ghi chỉ định thì kể một câu chuyện theo yêu cầu của lá thăm. Như là chuyện cổ tích, chuyện về quê hương mình hoặc tả một thắng cảnh mà em học sinh đó cho là đẹp. Sau đó thầy Thành phân tích, bày các em cách kể. Lần nào cũng vậy, kết thúc thầy Thành cũng kể một câu chuyện. Chuyện của thầy đơn giản, dễ hiểu, vui, dí dỏm và nhẹ nhàng. Giọng thầy thủ thỉ làm ai cũng muốn nghe.

Cụ Nguyễn Quý Phẫu kể lại rằng: Có lần thầy Thành đến bên một học trò đang đọc sách, thấy em này đọc truyện thơ “Lục Vân Tiên” của Nguyễn Đình Chiểu, thầy liền hỏi:

- Trong sách này có câu “Trai thì trung hiếu làm đầu” em có hiểu không?

- Thưa thầy. - Người học trò đáp: “Trung, có nghĩa trung với vua, hiếu là hiếu với cha mẹ...”.

Thầy Thành cười. Chủ nhật đó, thầy dẫn học trò qua bên kia sông, đến chỗ cây đa to ở khu đồi trụ sở Tỉnh ủy đóng bây giờ và thấy đưa quyển Lục Vân Tiên ra hỏi các em đã đọc hết chưa. Dù biết các em đã đọc rồi thầy vẫn tóm lược chuyện và giới thiệu tóm tắt về nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu với khí tiết cương trực “đâm mấy thẳng gian bút chẳng tà” của ông. Thầy lại nêu ra câu hỏi:

- Trong sách có câu: “Trai thì trung hiếu làm đầu” các em có hiểu không?

Thầy để nhiều em trả lời, rồi giảng giải:

Đất nước ta tính từ ngày có vua Hùng dựng nước, đã được gần 4.000 năm. Bốn nghìn năm đó là bốn mươi thế kỷ, thế kỷ nào ông bà cũng đứng lên chống ngoại xâm nhằm giành độc lập tự do cho đồng bào, cho đất nước. Vậy thì phân làm trai trước tiên phải kể đến chữ Trung, là Trung với dân, với nước. Có em nói là trung với vua, nếu là ông vua yêu nước như vua Duy Tân, vua Quang Trung, vua Trần Nhân Tông... thì được, chứ trung với những ông vua không thương dân mà ôm chân ngoại bang thì các em bảo có nên trung hay không?

Rồi thầy giảng chữ hiếu. Đại ý thầy nói: Hiếu là hiếu thảo. Ai cũng có cha mẹ, có anh em, người có công dưỡng dục sinh thành. Ca dao ta có câu: “Công cha như

núi Thái Sơn; nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra". Bác nói: Cha mẹ là ruột thịt, là người thân nhất của mình, nếu không hiếu thảo thương yêu cha mẹ liệu có thể yêu nước thương dân được không? Bác dặn: Chữ trung với chữ hiếu phải đi liền với nhau. Trung hiếu với cha mẹ thì phải trung hiếu với dân với nước. Coi việc dân việc nước như việc nhà mình. Sau cùng thầy nói: Thời ấy cụ Đồ Chiểu nói "Trai thì trung hiếu làm đầu" là phải đạo. Nhưng hôm nay thầy nghĩ: Trai gái đều nên lấy chữ TRUNG HIẾU làm đầu. Bác giảng rất kỹ và so sánh bằng những hình ảnh sự việc cụ thể làm cho tất cả học sinh đều nhớ sâu sắc.

Có khi thầy dẫn mấy em học sinh đi thăm xóm nghèo ở bên cá Côn Chà. Các cụ vốn là học trò của Bác kể lại: Không biết thầy Thành ra chơi mấy lần rồi mà thấy thầy đến bà con ai cũng mời thầy vô nhà chơi, toàn là bà con nghèo. Vô thăm nhà nào, thầy cũng hỏi thăm rất cặn kẽ về cách đánh bắt cá, về cuộc sống, bữa ăn trong nhà. Bác hỏi cách định phương hướng khi ở ngoài biển như cách nhìn sao, nhìn trời nhìn núi để định hướng thuyền đi, hoặc cách tập luyện thế nào để khỏi say sóng, lúc gặp trời bão tố làm sao để biết trước? Cũng theo các học trò cũ của Bác thì khi dạy học ở Phan Thiết, Bác đã theo các ngư dân ra biển. Sau này có lần khi về thăm Quảng Ninh, trong bữa cơm Bác đã kể với đồng chí Bí thư Tỉnh ủy:

- Khi ở Bình Thuận bà con ngư dân có cho Bác ăn món cá nục còn giã đánh đập nấu chua với me, nêm thêm hành, ớt thiệt là ngon.

Món cá chua đó chỉ có thể thực hiện được ngoài biển khơi khi mảnh chà vừa mới kéo lên và bà con làm nghề mảnh rất hay ăn kiểu này. Trong khi dạy học ở Phan Thiết Bác đã thưởng thức món cá này,

chắc chắn Bác đã theo đi biển và biển Phan Thiết chính là nơi đầu tiên Bác tập làm quen với sóng gió.

Các cụ cũng kể lại: Có lần vào xóm nghèo ở bến Cồn Chà về thấy một cụ già rụng hết răng đang ngồi lấy sóng rửa giần miếng trầu, thầy Thành liền đỡ lấy và nhai hộ bà cụ. Bà cụ vô cùng xúc động. Trên đường về thầy nói: "Hồi nhỏ thỉnh thoảng thầy cũng nhai trầu cho bà ngoại". Với giọng buồn buồn thầy nói với những người học trò của mình:

- Người dân xứ mình sống trên bạc vàng (ý nói tài nguyên của biển) mà suốt đời vẫn cực khổ, đến lúc đầu bạc răng long cũng không sắm nổi cái cối ngoáy trầu.

Nhà cụ Hồ Tá Bang ở 21 đường Trưng Nhị, gần trường Dục Thanh là nơi Bác Hồ thường đến chơi và đôi lần ăn cơm ở nhà cụ. Thầy Hải là cháu cụ Bang và con gái cụ Bang là Hồ Thị Tuyết, năm nay 73 tuổi (hiện ở Pa-ri) là học trò của thầy Thành. Cụ Hồ Tá Bang thường dạy các con:

- Ráng mà học cái đức, cái nết của thầy Thành. Thầy tuy ít tuổi nhưng chí cao.

Sau này, khi cụ Phan Châu Trinh ở Pháp về Sài Gòn trở lại Công ty Liên Thành thăm các bằng hữu, cụ nói: "Nguyễn Ái Quốc sẽ đóng vai trò quyết định lái con thuyền dân tộc", thì mọi người đều không lấy gì làm ngạc nhiên. Các cụ đều nhất trí rằng: Ít có một người như thầy Thành. Thật là một người mực thước.

Những người học trò năm xưa của thầy giáo Thành còn kể lại: "Không biết học từ bao giờ, nhưng khi vào đến Phan Thiết, thầy đã biết đánh moóc-xơ. Đêm đêm thầy Thành và thầy Cửa thường dùng thước kẻ đánh moóc-xơ để liên lạc với nhau". Cụ Từ Trường Phùng còn nhắc lại năm thầy Thành dạy học ở Phan Thiết có sao chổi xuất hiện cả tháng ở phía biển Đông. Có

đêm thầy Thành gọi học trò dậy xem và giải thích cho các em biết vì sao có sao chổi theo tinh thần khoa học. Giở lại tài liệu khí tượng năm 1910 ở Thư viện Quốc Gia thì đúng tháng tư năm đó có sao chổi xuất hiện gần cả tháng ở nước ta.

Cuối năm Canh Tuất (1910), Bác Hồ rời trường Dục Thanh ra đi... Trước khi vào Sài Gòn, Bác được cụ Hồ Tá Bang viết thư giới thiệu với Công ty nước mắm Liên Thành (lúc bấy giờ ở Chợ Lớn). Và đêm cuối cùng ở trường Dục Thanh, theo cụ Phùng kể lại, thầy Thành và thầy Nguyễn Quý Anh ngủ chung một giường, hai thầy nói chuyện suốt đêm không ngủ. Sáng ra trong sổ điểm thầy còn ghi lại mấy dòng: "Tiền sách của tôi giao cho trò Kinh" (tức Bác sĩ Nguyễn Kinh Chi). Chỉ có điều thầy ra đi không từ giả, không có lễ tiễn biệt của các học trò. Có lẽ điều đó cũng là một ấn tượng để những học trò thân yêu của thầy luôn luôn nghĩ rằng ngày mai thầy sẽ trở lại...

Mãi đến cuối tháng 7 năm 1911 nhà trường mới được thư của thầy viết từ Côlômbô cho biết thầy đang làm phụ bếp dưới tàu thủy để đi ra nước ngoài. Thư viết: Thầy nhớ các bạn bè và học trò của thầy ở Phan Thiết. Dưới lá thư thầy vẫn ký tên Nguyễn Tất Thành.

*

* *

Chúng ta về thăm Bình Thuận, và đến thăm khu di tích Bác Hồ ở Phan Thiết. Từ cầu Trần Hưng Đạo theo đường Trưng Nhị ngược sông Cà Ty về thăm khu trường Dục Thanh. Con đường nhỏ lượn theo dòng sông xanh êm ả ngược xuôi thuyền bè này cũng là một con đường xưa Bác Hồ chúng ta hay đi. Chính chiếc

cầu cũ kia là trục đường số một ngày trước Bác vẫn dẫn học trò qua khu đồi Pônggalu, hoặc qua bên đó để ra bờ biển Thương Chánh. Trên mảnh đất Phan Thiết mặn mà hương vị của biển này, nhiều, rất nhiều nơi in dấu chân Người, và cũng rất nhiều người còn giữ trọn vẹn những kỷ niệm về thời thanh niên của Bác.

Ta dừng lại trước số nhà 39 đường Trưng Nhị. Đó chính là khu trường Dục Thanh, có Ngọa Du Sào, trung tâm của khu di tích Bác Hồ ở Phan Thiết. Qua hơn nửa thế kỷ bị chiến tranh nên trường học và cả nhà Ngư không còn nữa. Hiện chỉ còn nhà thờ cụ Nguyễn Thông và nhà Ngọa Du Sào. Tỉnh Thuận Hải đang khẩn trương xây dựng lại khu di tích. Một Ban “chỉ đạo trùng tu di tích Bác Hồ” của tỉnh được thành lập. Ban Thường vụ tỉnh ủy đã ra một nghị quyết rất trang trọng về nhiệm vụ trùng tu khu di tích Bác Hồ tại Phan Thiết: *“Khu di tích trường Dục Thanh và các di tích khác có quan hệ đến bước đường hoạt động cách mạng của Bác tại Phan Thiết sẽ được phục chế và ghi bia kỷ niệm. Khu vực trước mặt và xung quanh khu di tích được quy hoạch xây dựng vườn hoa và trồng cây xanh mang đầy đủ ý nghĩa lịch sử và tính văn hóa dân tộc, thể hiện rõ nét phong cách sống giản dị và gần gũi nhân dân của Bác Hồ.*

Toàn bộ khu di tích là trung tâm lịch sử và văn hóa quan trọng nhất của tỉnh ta.”

Nghị quyết cũng khẳng định việc xây dựng lại khu di tích Bác là việc làm của toàn Đảng, toàn dân trong cả tỉnh. Coi đây là niềm vinh dự và tự hào to lớn của tỉnh. Ngày nay, khi đến đây chúng ta được xem, được thấy gần như toàn bộ những di tích gắn bó với Bác ở trường Dục Thanh và thị xã Phan Thiết. Nhà trường với bốn lớp học, nhà Ngư nơi Bác ăn, ở với học trò và thầy giáo,

thảo bạt nổi trường học với nhà thờ Nguyễn Thông. Hồ sen, những vòng hoa huệ, những khóm trúc đào nở hoa để chào đón khách tứ phương. Hôm nay ta hãy vào “Ngọa Du Sào” - xin đừng có cảm nghĩ là “tổ nằm chơi” theo nghĩa dịch từ Ngọa Du Sào của cụ Nguyễn Thông. Đây là chỗ làm việc, nơi mang nhiều kỷ niệm về thầy giáo Nguyễn Tất Thành, Bác Hồ kính yêu của chúng ta. Chiếc tủ đứng kia Bác vẫn dùng để quần áo, sách vở, bộ ván gỗ ba tấm bên cạnh chiếc bàn nhỏ nơi Bác thường bàn bạc với các thầy, là nơi Bác ngồi chấm bài và nghỉ ngơi. Trong “Ngọa Du Sào” có một chiếc hộp gỗ mun bên trong đựng một chiếc khay khảm xà cừ và bộ chiếc chung nhỏ, đó là bộ chén trà “Lục ẩm” của cụ Nguyễn Thông để lại. Sáng sáng Bác thường uống trà với các thầy bên chiếc bàn nhỏ lên mun đen bóng này đây. Ngày đó, phía trước “Ngọa Du Sào” có cửa pa-nô bốn tấm và cửa sổ hình vòm tò vò chứ không phải như bây giờ - tất cả sẽ được sửa sang lại như cũ. Nhẹ chân, theo chiếc thang gỗ đứng, ta leo lên gác xép. Trên đó xưa là kho sách của cụ Nguyễn Thông. Nhà thơ yêu nước vốn đã có nhiều loại sách kinh tế, văn hóa, chính trị, có cả sách thuốc và sách báo tiến bộ. Thời Bác đến, ở đây có một chiếc rương bằng sắt, Bác vẫn dùng để đựng các sách báo tiến bộ, ngày đó gọi là “sách cấm”. Trên căn gác còn lại một cái yên thư⁽¹⁾ nhỏ và một chiếc đi văng bằng gỗ. Chắc Bác vẫn lấy sách trên cái yên thư này để đọc. Căn gác xép là nơi thu hút rất nhiều thì giờ của Bác, Bác đọc nhiều sách, thường đọc đến khuya mới đi ngủ. Về sau Bác vận động thầy giáo và học trò góp sách, góp tiền xây dựng tủ sách cho trường. Bản thân Bác góp hai đồng và nhiều sách quý. Tủ sách nhờ vậy phong phú hơn nhiều.

(1) Yên thư: Một loại giá sách của các cụ nhà nho ngày trước.

Có lần trong đêm, bỗng nghe Người đọc thơ “*Đồng kinh nghĩa thực*”, giọng vang vang:

*“... Trời đất hơi dân ta khốn khổ,
Đủ các đường thuế nọ thuế kia
Lưới vây, chài quét trăm bề
Róc xương róc thịt còn gì nữa đâu”.*

...

Ta trân trọng từng chiếc bàn chiếc ghế, từng viên ngói cổ âm dương của ngôi nhà nhỏ này. Ở đây đã chứng kiến những đợt sóng triều về lòng yêu nước thương dân và tìm đường cứu nước của Bác. Tất cả như đều biết nói và đều như có mắt nhìn ta. Cho nên dù là lần thứ mấy đi nữa, khi đến những khu di tích về Bác ở đây hoặc ở Pác Bó, Tân Trào, Ba Đình, ở Làng Sen, ở Huế, ở Tp. Hồ Chí Minh, Cao Lãnh... chúng tôi đến thấy trang nghiêm và xúc động.

*“Ghế này xưa, Bác ngồi đọc sách
Căn gác này Bác thức thâu đêm
Cây che mát những trò chơi tuổi trẻ
Màu hoa vàng như mặt trời lên*

...

*Tất cả vẫn như ngày có Bác
Hoa nở vàng cánh cửa khép mong manh
Sông Cà Ty, bầu trời xanh, gió mặn
Và thủy chung, trong suốt tấm lòng dân”.*
(Giang Nam - “*Thăm trường xưa Bác dạy*”)

Khi Bác đến Phan Thiết, cây khế sau nhà đã ra hoa kết trái, ngày ngày được Bác tưới và chăm sóc, hôm nay vẫn còn tốt tươi với nhiều mầm non và nhiều trái chín. Cây khế do cụ bà Nguyễn Thông trồng, năm nay đã ngót 130 tuổi. Gần đó là cái giếng nước. Ngày trước giếng không có thành xi măng như bây giờ, nhưng nước vẫn

trong và mát ngọt như ngày nào. Bác của chúng ta đã từng múc nước ở đây để tưới cây khế và hoa trong vườn. Bác đã tắm mát bằng nước trong của giếng đất này.

Con sông Cà Ty từ trên núi đổ về, lượn một vòng cung như cánh tay của người mẹ ôm tròn lấy thị xã Phan Thiết. Từ trường Dục Thanh ta có thể theo sông Cà Ty ra bến đò Văn Thánh. Một bến đò êm ả với những cây keo già soi bóng xuống sông xanh, đôi ba con thuyền thư thả ngược xuôi, qua lại. Ngày xưa Bác vẫn dẫn học trò qua con đò này để đi thăm những xóm thôn và ruộng đồng.

Từ bến đò Văn Thánh nhìn lại phía sau là động Thiêng Đức mà các cụ già vẫn quen gọi là động làng Thiêng. Ngày trước động nhiều cát, những cồn cát trắng với những cây cổ thụ sum suê. Chính đấy là nơi Bác đã cùng học trò nghỉ ăn trưa trong những ngày chủ nhật. Động làng Thiêng nay không còn được như xưa, động cát lâu ngày bị chà thấp, mấy ngôi chùa, tịnh xá chen nhau cát trên động nên không còn nét thoáng đàng nữa. Tuy nhiên nếu ta lên chỗ tịnh xá Ngọc Lâm bây giờ cũng có nghĩa là đỉnh động làng Thiêng trước kia, ta sẽ thấy dưới tấm mát là con sông xanh lách mình giữa xóm làng, phố phường đông đúc tấp nập, chúng ta sẽ thấy thêm yêu mảnh đất Phan Thiết mặn mà và thơ mộng này.

Sát với động làng Thiêng là đình làng Đức Nghĩa. Xung quanh động Thiêng còn nhiều đình làng khác, nhưng Đức Nghĩa là làng thành lập trước nhất nên đình làng được xây sớm và khuôn viên cũng bề thế hơn, ngoài nơi thờ cúng đình còn có hồ thủy tạ trồng sen, có nhà võ ca... theo thông lệ đến rằm tháng giêng làng mở hội hát bội tại đó, Bác Hồ đã từng đưa học trò đến đây để xem hát tuồng "Tam quốc". Sau những

buổi xem, Bác lại giảng giải cho học sinh nghe về các nhân vật và các gương hy sinh của các anh hùng trong tưởng tích... gây thêm cho học sinh ý chí yêu nước thương nòi và lòng căm thù bọn cường hào ác bá. Các học trò của Bác năm xưa kể lại rằng: Lúc mới đến, gặp làng tổ chức hát bội cả tuần trăng, thầy vẫn dẫn học trò đi xem đủ. Điều đó góp thêm cứ liệu một lần nữa khẳng định về thời gian Bác đến Phan Thiết là trước Tết và trước rằm tháng giêng năm 1910.

Về Phan Thiết, ta hãy về thăm bến cá Cồn Chà, nơi đã để nhiều kỷ niệm trong Bác. Ngày Bác ra đi, Cồn Chà là một bến cá đông đúc, nhưng lại là một xóm nghèo. Ngày nay, Cồn Chà là bến cá lớn, là trung tâm của nghề cá ở Phan Thiết. Cồn Chà bây giờ tập nập hơn mười lần năm xưa. Phan Thiết đã có hơn 1.500 tàu thuyền đánh cá và ngày cao nhất đánh bắt được trên 400 tấn cá. Mỗi chúng ta khi đứng ở giữa những đoàn thuyền máy đậu đợi cân cá, nhận nước đá, nhận dầu nhớt nhíp, hồi hã này đều muốn lòng mình có một phút im lặng - im lặng để thưa với Bác rằng: Cồn Chà đã đúng với lòng mong của Bác, Phan Thiết đã và sẽ là trung tâm cá mắm lớn vào loại nhất so với cả nước. Ngư dân Phan Thiết đã và đang ra sức đoàn kết nhau làm ăn để thật sự là chủ biển vàng biển bạc, để mãi mãi không có người nghèo khổ.

Chúng ta hãy ra bờ biển Thương Chánh, nơi ghềnh đá nổi giữa bãi biển dài phẳng lặng. Ở đây nhìn về phía Bắc là đồi ông Hoàng với cửa Phú Hải và phía Nam là cửa sông Cà Ty thuyền bè ra vào nối đuôi nhau như những đàn chim biển. Hơn nửa thế kỷ trước, Bác Hồ chúng ta cũng đã ra khơi, làm quen với sóng cả từ cửa sông này. Ngày nay, sáng sáng khi mặt trời vừa lên, bình minh hồng đỏ cả mặt biển thì Thương Chánh có mặt đông đủ các lớp người già trẻ trai gái,

họ tập thể dục và tắm biển. Chính nơi đây, thầy giáo Thành và các học trò thân yêu của mình vẫn thường cất cao lời ca yêu nước như thách thức, như hứa hẹn với biển cả:

*"Á tề á năm châu bạc nhất
Người nhiều hơn mà đất cũng rộng hơn
Đứng làm trai trong vòng trời đất
Phải làm cho rõ mặt non sông".*

Biển cả đã nghe lời thề đó, đã nghe khúc ca của lòng Bác.

Ta đứng bên ghềnh đá nhìn mọi người nô đùa với sóng, vui với biển trước giờ lao động, rồi nhìn những đợt sóng ngã mình trên ghềnh, bọt tung trắng xóa với những cánh hải âu chao lượn, mỗi chúng ta đều thấy lòng tràn ngập xúc động. Bác Hồ ta đã đứng ở đây đón gió lạnh, ngắm bình minh và nghĩ về vận mệnh đất nước.

Tự hào thay, Phan Thiết đã là nơi Bác dừng chân để gây giống cách mạng; là nơi đã hun đúc thêm trong Bác ý chí cứu nước, cứu dân, là nơi góp thêm trong Bác những thực tế về sự nghèo đói, bất công của người dân nô lệ. Từ những năm 1910, Ninh Thuận, Bình Thuận đã in sâu vào tâm trí Bác. Trong thời gian lênh đênh từ Pháp đi các nước Châu Phi để xem xét thực tế, có lần đến Đa-ca chứng kiến cảnh tượng những người da đen bị bọn thực dân bắt phải bơi giữa bão biển để mang neo của tàu vào bờ và bị sóng cuốn đi, Bác đã khóc. Có người hỏi Bác tại sao lại khóc? Bác trả lời xúc động:

- Bọn thực dân Pháp rất hung ác, vô nhân đạo, ở đâu chúng nó vẫn thế. Ở ta, tôi cũng thấy chuyện như thế xảy ra ở Phan Rang. Bọn Pháp cười sặc sụa trong khi đồng bào ta chết đuối vì chúng nó⁽¹⁾.

(1) Theo Trần Dân Tiên - "Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch".

TỪ LÀNG SEN ĐẾN BẾN NHÀ RỒNG

Sau này khi làm Chủ tịch nước, suốt trong tám năm kháng Pháp và suốt 15 năm chống Mỹ, Bác vẫn luôn luôn nhắc đến vùng cực Nam xa xôi mà anh dũng. Gặp cán bộ cực Nam (tức Bình Thuận, Ninh Thuận ngày nay) Bác thường hỏi thăm kỹ về những người Bác quen biết, những chỗ Bác ở xưa. Có lần Bác hỏi bác sĩ Nguyễn Kinh Chi:

- Sau này nghe nói Phan Thiết đông vui hơn trước phải không? Vùng Cồn Chà còn nhiều thuyền đánh cá và làm mắm như ngày xưa nữa không?

Cùng với miền Nam, Phan Thiết mãi mãi ấm tình thương yêu của Người.

TỪ BÊN SÔNG SÀI GÒN, BÁC RA ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC^(*)

Cuối năm 1910, Bác rời trường Dục Thanh ở Phan Thiết vào Sài Gòn tiếp tục cuộc hành trình tìm đường cứu nước. Ngày đó phương tiện đi lại còn rất thô sơ - Xe lửa mới chỉ chạy loanh quanh Sài Gòn từ Chợ cũ đi Tân Định và Chợ cũ đi Chợ Lớn... Cả Sài Gòn lúc bấy giờ chỉ có chừng năm, bảy chiếc ô tô, vì vậy, hai trăm cây số cuối từ Phan Thiết vào Sài Gòn Bác vẫn phải đi bằng thuyền buồm. Anh chị em ở hội Liên Thành cho biết ngày trước có nghe các cụ tiền bối nói từ Phan Thiết, Bác theo ghe bầu (loại thuyền lớn) chở nước mắm của công ty Liên Thành, chuyến đó đến Vũng Tàu bị sóng to gió lớn ghe không vào cửa được phải đậu ở gành Rái. Bác đã lên bờ đi thăm Vũng Tàu và Bà Rịa

Bác Hồ tới Sài Gòn. Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định còn tách riêng bởi nhiều ruộng, kinh rạch, ao hồ và đầm lầy. Tuy dân cư thưa thớt, chợ Bến Thành chưa xây xong, chợ Sài Gòn còn rất nhỏ, nhóm họp trên nền Tổng Ngân khố ở đường Nguyễn Huệ bây giờ, nhưng Sài Gòn đã có nước máy, có đèn điện. Nhà ga xe lửa nằm giữa đường Hàm Nghi. Trên các phố chủ yếu là xe ngựa đóng thùng kính gọi là “xe kiếng”, xe thổ mộ, xe

(*) Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19.5.1979 - 19.5.1999.

song mã và xe kéo tay... Hải cảng Sài Gòn cho hạm thuyền ba buồm hạng lớn và tàu thủy chạy bằng hơi nước mới xây dựng. Công ty vận tải đường biển Hoàng Gia Pháp Messageries Impériales (viết tắt M.I) mới bắt đầu hoạt động tuyến đường từ Pháp đi Sài Gòn - Hồng Kông... Tháng tư năm 1862, trụ sở của công ty bắt đầu xây dựng ở Sài Gòn, đó là ngôi nhà ba tầng nằm ở hữu ngạn Vàm rạch Bến Nghé⁽¹⁾, trên nóc có hai con rồng quay đầu vào chầu mặt trăng theo kiểu "Lưỡng Long chầu nguyệt". Sau này (khoảng 1920) hãng MI đổi thành hãng Messageries Maritimes thì mặt trăng được thay bằng phù hiệu của hãng có hình đầu ngựa, mỏ neo, vương miện, hai bên có hai con rồng chầu, nhưng lại đặt đầu quay ra hai bên, bốn góc có bốn con cá hóa rồng chầu ra bốn hướng theo cung cách đình chùa Việt Nam. Nhưng mà không phải hướng long chầu nguyệt. Một nhà báo Pháp có viết rằng đó là cách điệu của người Pháp để nói các con tàu ra đi từ xứ Á Châu này. Coi mặt đặt tên, nhân dân ta gọi đó là Nhà rồng. Tên gọi bến Nhà Rồng cũng xuất phát từ đó.

Bên này Vàm rạch Bến Nghé có cột cờ Thủ Ngũ để làm mốc cho tàu buôn ra vào. Cột cờ dựng ở trước sở thuế của cảng Sài Gòn (khi đó còn gọi là Sở Thủ Ngự như tên gọi dưới thời vua Tự Đức). Cũng như vậy, ngày 15/8/1862, tại Vũng Tàu, khánh thành ngọn hải đăng dẫn đường cho tàu vào cửa Cần Giờ.

Con đường ra bến Nhà Rồng năm ấy phải đi từ ga xe lửa ở đường Hàm Nghi, qua một chiếc cầu nhỏ lát bằng ván trên con kinh nhỏ nằm cuối đường Hàm Nghi, nay đã san lấp và xây lên đó nhiều nhà cao tầng. Từ cột cờ Thủ Ngũ, qua cầu sắt bắc ngang sông Bến Nghé bây giờ rồi mới ra đến cảng. Cầu tàu của

(1) Vàm rạch: cửa sông Bến Nghé.

cảng xây dựng 1862 và những năm 1900 -1910 vẫn lát bằng ván dày trên giá sắt - Cảng Nhà Rồng có ba bến lót bằng ván, mỗi bến dài khoảng 40 mét, rộng 400m², các bến cách nhau độ 20 mét. Từ bến vào bờ đều có cầu nhỏ rộng độ 10 mét.

Chắc chắn năm 1911, Bác Hồ của chúng ta đã đi ra cảng bằng con đường nói trên. Công nhân bến cảng và các nhà máy thời đó thường đi guốc mộc, mặc áo bà ba hoặc áo "bành tô" bằng ka-ki màu vàng nhạt. Sau khi công ty M.I vào Sài Gòn thì có thêm một hãng nữa chạy trên đường này. Đó là hãng tàu Săcgiơ Ruêuyni của Pháp, hãng này có huy hiệu năm ngôi sao, nên mọi người thường gọi là hãng "Năm sao".

Những năm đó, Sài Gòn là thành phố Viễn đông tráng lệ của thực dân Pháp. Với Bác, đây vẫn là thành phố của bất công và nghèo đói. Về sau, trong những bài báo, diễn văn viết, nói ở nước ngoài Người đã đôn cử rất nhiều trường hợp về cái gọi là khai hóa, là văn minh, là công lý của bọn thực dân ở thành phố này... Đến Sài Gòn, đầu tiên Bác tìm đến nhà người anh em bạn đi của cụ Nghè Mô là ông Lê Văn Đạt tại xóm cầu Rạch Bần, nay là số nhà 185/1 đường Cô Bắc, khi ấy là vừa chiếu. Một thời gian sau cụ Nghè Mô và ông Hồ Tá Bang đưa Bác đến ở nhà 1-2-3 đường Têcxơ, Chợ Lớn, hồi ấy là trụ sở của thương quán Liên Thành phân cuộc. Những người kế tục của công ty Liên Thành cho biết ngày trước ba gian nhà này chỉ là nhà một tầng, lợp ngói âm dương. Bác ở đây cho đến ngày xuống tàu. Sau ngày miền Nam giải phóng (4/1975) đổi thành nhà số 3 và 5 đường Châu Văn Liêm (Chợ Lớn) và căn nhà số 5 được giữ làm di tích nơi Bác Hồ rời Sài Gòn xuống tàu ra đi tìm đường cứu nước. (Bộ Văn hóa Thông tin ra quyết định xếp hạng di tích lịch sử ngày 16/11/1988). Trong thời gian ở đây, Người

thường đi thăm cụ thân sinh đang làm nghề bốc thuốc ở cầu Ông Lãnh. Các cụ ở Liên Thành kể lại rằng Tết năm đó, thầy Thành nói: “Tôi về ăn Tết với cha”. Thành phố Sài Gòn đã có một mùa xuân in đậm trong Bác. Mùa xuân đó Sài Gòn chưa có bình minh. Trong đêm đen nô lệ, chắc chắn Bác và cụ Phó bảng thân sinh của Bác cũng chỉ đón Tết với lòng xót xa thương dân, thương nước. Đầu tháng 3, Bác xin vào học ở trường dạy nghề mở gần chợ Cũ, trường này nhằm đào tạo công nhân hàng hải và công nhân chuyên nghiệp cho xưởng Ba Son. Có phải Bác muốn có một cái nghề để ra đi không? Theo đồng chí Hà Huy Giáp kể lại, có lần Bác nói: “Bác đâu có ý định học thợ, nhưng trong lúc lang thang để tìm cách sang phương Tây, mà có nơi cho mình học, có cái ăn là mình vô thôi”.

Bác học tại trường được ba tháng - Ba tháng, ngót một trăm ngày đó Bác đã dành nhiều thì giờ để quan sát Sài Gòn. Cái gì đối với Bác cũng mới lạ, từ nhà cửa đến đèn điện, máy nước, xe cộ, chiếu bóng... nhưng điều lạ hơn cả là trong bối cảnh như vậy sao dân mình vẫn khổ sở và bị khinh rẻ. Phải làm gì để cứu dân, cứu nước? Trong một lần đến thăm cha, cụ Phó bảng nói với Bác: “Tìm thăm cha là tốt, nhưng cái cần hơn vẫn là tìm đường cứu dân tộc”... Suy nghĩ đúc kết những bước đi của các vị tiền bối, Bác khâm phục các cụ Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu, Trần Quý Cáp và các cụ khác. Các cụ đã giúp thêm cho Bác quyết tâm, ý chí và nghị lực. Nhưng Bác “không hoàn toàn tán thành cách làm của một người nào”. Bác phân tích:

“Cụ Phan Chu Trinh chỉ yêu cầu người Pháp thực hiện cải lương, Bác nhận thấy điều đó là sai lầm, chẳng khác gì đến xin giặc rửa lòng thương.

Cụ Phan Bội Châu hy vọng Nhật giúp đỡ để đuổi Pháp. Điều đó rất nguy hiểm, chẳng khác gì “đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau”.

Cụ Hoàng Hoa Thám còn thực tế hơn, vì trực tiếp đấu tranh chống Pháp. Nhưng theo lời người ta kể thì cụ còn nặng cốt cách phong kiến⁽¹⁾.

Người thấy rõ và quyết định con đường nên đi. Bác đã quyết tâm làm đại bàng vỗ cánh tại nước chính quốc cai trị nước mình. Đồng chí Hà Huy Giáp kể rằng: Có lần Bác nói: “Cách mạng là con chim đại bàng có hai cánh, một cánh vỗ ở các nước thuộc địa, một cánh vỗ ở các nước chính quốc. Có hai cánh vỗ thì đại bàng mới bay được”. Trong đêm đen nô lệ của đất nước, Bác đã là cánh chim đại bàng - “cánh chim không mỏi”.

Khi quyết tâm ra đi, Bác rủ một người bạn:

- Tôi muốn đi ra ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta. Nhưng nếu đi một mình, thực ra cũng có điều mạo hiểm, ví như khi đau ốm... Anh muốn đi với tôi không?

Người bạn ngạc nhiên sửng sốt hỏi lại Bác:

- Nhưng... lấy đâu ra tiền mà đi?

Bác đã giơ hai bàn tay với lòng tự tin cả quyết:

- Đây, tiền đây. Chúng ta sẽ làm việc, ta sẽ làm bất cứ việc gì để sống và để đi. Anh cùng đi với tôi chứ?

Trước lòng quyết tâm của Bác, anh bạn đã đồng ý, nhưng sau đó anh không đủ can đảm để thực hiện lời hứa⁽²⁾.

(1) Theo Trần Dân Tiên - “Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch”.

(2) Theo “Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch” của Trần Dân Tiên.

TỪ LÀNG SEN ĐẾN BẾN NHÀ RỒNG

Trong thời gian ấy Bác thường qua Khánh Hội, ra bến Nhà Rồng. Trong những hãng tàu vào ra đó, Bác làm quen được với một số người Việt Nam làm ở hãng “Năm Sao”, hãng này chạy Sài Gòn - Đà Nẵng, Hải Phòng và đi Singapore, Côlômbô, Doong-két, Boóc-đô, Mácxây, Lơ Havơ, Po Xaít, Gibuti. Hai người “bồi” Việt Nam mà Bác Hồ quen là bác Nguyễn Văn Hùm và Bùi Văn Viên. Hai ông này cho Bác biết là hãng đang tuyển “bồi”, Bác và mấy người Việt Nam nữa xuống xin việc.

Trưa ngày 2 tháng 6 năm 1911, chiếc tàu “Đô đốc Latusơ Tơrêvin” của hãng Năm Sao (xin đừng lẫn với tàu chiến Latusơ Tơrêvin) từ Đà Nẵng vào cập bến Nhà Rồng. Bác xuống tàu và gặp viên thuyền trưởng. Nhìn thân hình mảnh khảnh của Bác, thuyền trưởng hỏi:

- Anh có thể làm được việc gì?

- Tôi có thể làm bất cứ công việc gì. - Bác đáp với lòng tự tin.

Nhìn thấy nét cương nghị và thông minh của Bác, viên thuyền trưởng mỉm cười (sau này biết tên ông ta là Lui Edua Maisen, quê ở miền Bắc nước Pháp):

- Được, tôi đồng ý nhận anh làm phụ bếp, sáng mai anh xuống đây nhận việc. Anh tên là gì?

Lúng túng một chút, Bác đáp:

- Văn Ba!

Trên tàu khi đó đã có một thủy thủ làm việc từ trước có tên là Nguyễn Văn Ba.

*

* *

Ngày 3 tháng 6 năm 1911, Bác chính thức xuống tàu làm phụ bếp. Đây là một trong những tàu lớn hồi

đó vừa chở hàng, vừa chở khách. Theo hồ sơ còn lưu ở bảo tàng hàng hải bên Pháp thì tàu dài 124,1 mét, rộng 15,2 mét, chạy máy hơi nước, 2.800 mã lực, với tốc độ 13 hải lý/giờ, trọng tải 5.572 tấn và có đủ nhiên liệu để chạy một mạch 12.000 hải lý⁽¹⁾. Trong hồ sơ lưu còn có sổ lương và sổ thủy thủ. Lương tháng 6 năm 1911 của Bác là 50 phơ-răng Pháp, trong khi những người bồi Pháp làm việc rất nhàn nhã thì lương gấp ba lần lương của Bác.

Trưa ngày 5 tháng 6 năm 1911, con tàu Amiral Latouche Tréville đã rời bến sông Sài Gòn với 72 thủy thủ có mặt trên tàu. Sài Gòn hôm đó đã thay mặt đất nước tiễn Bác. Trong chuyến hành trình đầu tiên đó Bác đến Singgapo, Côlômbô, Po Xaít, rồi Đarăng, Mácxây và ngày 15 tháng 7 Bác đến Lơ Havơ, cảng chính ở miền Bắc nước Pháp.

Bác ra đi giữa mùa bão tố tháng sáu với một trái tim vĩ đại mang trọn tình yêu quê hương đất nước. Từ buổi trưa đó Bác bước vào cuộc đời của một người lao động cực khổ. Trong tác phẩm "Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch" có kể lại lúc Bác Hồ làm thủy thủ trên tàu như sau: Mỗi ngày anh Ba phải làm từ bốn giờ sáng, quét dọn sạch sẽ nhà bếp lớn trên tàu, rồi đốt lửa trong các lò. Khi thì đi khuôn than, rồi xuống hầm lấy rau, thịt, cá, nước đá... Công việc khá nặng nhọc, lại gặp nhiệt độ luôn thay đổi vì dưới bếp rất nóng, còn trong hầm thì rất lạnh. Đôi khi vừa phải vác một bao nặng vừa leo lên những bậc thang, trong khi tàu trông tránh lắc lư rất nguy hiểm.

(1) Theo Nguyễn Sô - "Các di tích và bảo tàng Hồ Chí Minh" thì tàu dài 119,2 m, sức chở 3.436 tấn, 2 boong.

Xong công việc ấy, phải dọn cho chủ bếp Pháp ăn. Sau đấy, nhặt rau, rửa nồi, chảo và đun lò lại. Công việc kéo dài suốt ngày.

Nhà bếp lo ăn cho cả bảy, tám trăm người cả nhân viên và hành khách. Có nhiều cái chảo bằng đồng lớn và nặng quá, đến nỗi anh Ba phải kéo lê trên sàn. Và những cái nồi cao quá, anh phải leo lên ghế để chùi nồi. Luôn luôn nghe tiếng:

- Ba, đem nước đây!
- Ba, dọn chảo đi!
- Ba, thêm than vào!

Suốt ngày anh Ba người dầm hơi nước và mồ hôi, mình đầy bụi than. Người ta thấy anh Ba phải dùng hết tinh thần và sức lực để làm cho xong mọi việc. Và hơn nữa, anh còn phải gọt cho xong đồng củ cải và khoai tây... Mỗi ngày, đến chín giờ tối, công việc mới xong. Anh Ba mệt lử. Nhưng trong khi chúng tôi nghỉ hoặc đánh bài, anh Ba học hay viết đến khuya...

Một lần dọc đường, anh Ba suýt chết đuối. Bể nổi sóng. Làn sóng to như những quả núi chồm lên, đổ xuống. Hầu hết mọi người say sóng. Như mọi ngày, anh Ba lên bếp lại xuống hầm. Không thể vác những rổ rau lên vai vì tàu trông trơn dử quá, anh phải buộc rổ rau vào dây sắt để kéo đi. Chuyền thứ hai một ngọn sóng lớn thành linh phủ lên sàn tàu và cuốn xuống bể mọi vật trên sàn tàu, cả những rổ rau và anh Ba nữa. May là anh bị đẩy vào giữa cột buồm và dây xích, nhờ vậy mà thoát chết!...(1)

Theo những bức thư của Bác gửi cho cụ Phó bảng thông qua nhà chức trách Anh còn lưu trong tài liệu mật

(1) Theo "Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch".

thăm Pháp: thì 30/10/1911, Bác đã đến Cô-lôm-bô và 15/12/1912, Người đến New York. Nhà nữ sử học Mỹ nổi tiếng, dành gần như cả cuộc đời để nghiên cứu về chủ tịch Hồ Chí Minh đã cung cấp cho chúng ta tư liệu rất quý khi Bác Hồ đến Hoa Kỳ và đi thăm tượng thần Tự Do. Bà đã lật xem những trang ghi cảm tưởng của mọi chính khách khi đến thăm và chiêm ngưỡng tượng thần Tự Do. Bà viết “Tất cả họ đều ghi cảm tưởng bằng những lời ca ngợi ngôi sao tỏa sáng trên vòng nguyệt quế là ánh sáng tự do... Duy chỉ có Nguyễn Tất Thành nhìn xuống dưới chân tượng và ghi: Ánh sáng trên đầu Thần Tự do tỏa rộng khắp trời xanh, còn dưới chân tượng thì người da đen đang bị chà đạp. Bao giờ người da đen được bình đẳng như người da trắng? Bao giờ có sự bình đẳng giữa các dân tộc? Và bao giờ người phụ nữ được bình đẳng với nam giới”.

Từ ngày 5 tháng 6 năm 1911 ấy, Bác đã trải qua bao gian nan, cực khổ của các nghề “bồi” ở dưới tàu, “bồi” ở khách sạn, làm nghề rửa ảnh, vẽ sơn mài... và làm nghề cào tuyết cho một trường học để sống, để đi, để hiểu và hoạt động cách mạng. Tám năm sau, tháng 6 năm 1919 Cảng Nhà Rồng (Sài Gòn) lại chuyển đến nhân dân Việt Nam 8 điều yêu sách của nhân dân Việt Nam mà Bác đã đại diện gửi đến Hội nghị Véc-xây, văn kiện đó như một quả bom nổ giữa thủ đô của nước chính quốc, nó là tiếng hét của hàng triệu người Việt Nam. Bác đã bỏ tiền ra để in tài liệu này gửi đi các nơi và gửi về Việt Nam. Nhân dân ta biết Nguyễn Ái Quốc từ đó. Nhiều nhà nho yêu nước ở Việt Nam đã nói: “Bầu trời Việt Nam đã xuất hiện một vì sao mới, đó là Nguyễn Ái Quốc”.

Từ ngày 5 tháng 6 năm 1911 ấy, Bác rời Sài Gòn và đã đi qua gần đủ năm châu, bốn biển trên thế giới và tìm ra con đường giải phóng dân tộc, để mùa xuân của 30 năm sau (tháng 2 năm 1941) Bác trở về Pác Pó lãnh đạo cách mạng Việt Nam và sau đó khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Và rồi 30 tháng 4 năm 1975, con cháu Bác với chiến dịch mang tên Bác, với đường lối và tư tưởng quyết thắng của Bác đã tiến vào giải phóng Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Ý chí quyết tâm và lòng tin của Bác trước sau như một. Ngày Bác ra đi chỉ có hai bàn tay. Khi Bác về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam cũng chỉ có hai bàn tay. Trong bài thơ *"Pác Pó hùng vĩ"* Bác viết:

*"Non xa xa, nước xa xa
Nào phải thênh thang mới gọi là
Đây suối Lênin, kia núi Mác,
Hai tay xây dựng một sơn hà".*

Tất nhiên hai bàn tay mà Bác nói đây là hai bàn tay của ngót 25 triệu đồng bào Việt Nam⁽¹⁾. Bác tin tuyệt đối ở nhân dân, tin ở sự "đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh" (thơ Bác Hồ năm 1941) của tất cả mọi người Việt Nam.

*

* *

Sài Gòn, thành phố phía Nam của Tổ quốc, nơi Bác tập làm quen với cách sống của thành thị trước lúc ra đi - Nơi đã in sâu vào tâm trí Bác nhiều ấn tượng sâu sắc về chế độ thực dân và về những người dân nghèo

(1) Năm 1945, dân số Việt Nam là 25 triệu.

bị áp bức. Nếu chúng ta có dịp đọc lại những bài viết của Bác trong những năm 1920 trên các báo *Người cùng khổ* (Le Paria), *Đời sống Công nhân* (La vie ouvrière), *Nhân đạo* (L'Humanité) xuất bản ở Pháp, cũng như tác phẩm "*Bản án chủ nghĩa thực dân Pháp*" của Bác, chúng ta sẽ thấy Bác luôn luôn nhắc đến Sài Gòn, Bác theo dõi từng bước đi, từng nhịp thở của nhân dân Sài Gòn ngay từ lúc Bác mới xa Tổ quốc. Bác lên án "bọn người Âu mắng phụ nữ Việt Nam là "con đĩ, con bú dũ" và "ngay giữa chợ Bến Thành Sài Gòn - mà người ta bảo là một thành phố Pháp, bọn gác chợ người Âu cũng không ngần ngại dùng roi gân bò, dùi cui đánh phụ nữ bản xứ để bắt họ tránh khỏi làm nghẽn lối". Trong bài "*Khai hóa giết người*" đăng trên báo Le Paria ngày 1 tháng 8 năm 1922, Bác đã tố cáo trường hợp bọn Pháp giết chết anh công nhân ở Sở xe hỏa Nam kỳ một cách cực kỳ dã man. Nhiều và rất nhiều những đơn cửi như thế của Bác về Sài Gòn trên báo chí ở Pháp.

Ở xa Tổ quốc, Bác biết những vụ bạo động, những cuộc biểu tình đổ máu của người Việt Nam phản đối việc bị bắt đi lính cho Pháp ở Biên Hòa, ở Sài Gòn. Bác biết rõ tháng 11 năm 1922, sáu trăm thợ nhuộm ở Chợ Lớn vì bị bớt lương nên đã quyết định bãi công đấu tranh (Nguyễn Ái Quốc - Bản án chủ nghĩa thực dân Pháp). Bác biết và Bác hiểu rõ tâm tư của mọi người dân lao động Sài Gòn. Vì suốt thời gian Bác lưu lại ở Sài Gòn, Bác cũng là người lao động sống cực khổ. Sau này, khi làm Chủ tịch nước, mỗi lần tiếp các đại biểu Sài Gòn về thăm, Bác thường nhắc về những kỷ niệm lúc Bác ở Sài Gòn. Bác nhớ rõ cảnh những người nghèo không nhà không cửa sống nhờ trên hè

phố và các móng cầu. Một lần khi nữ anh hùng Tạ Thị Kiều về thăm Bác, Bác có nhắc lại một kỷ niệm nhỏ khi Bác ở Sài Gòn:

- Sài Gòn hồi đó có “nhà che cơm tấm”, Bác hay ăn lắm, họ nấu cơm tấm rất giỏi, không nhão mà ăn với tép rang hoặc tôm kho tàu rất ngon, lại rẻ tiền.

Hôm đó Bác nói:

- Bác nhớ miền Nam, nhớ Sài Gòn lắm. Bác mong miền Nam mau giải phóng để Bác vô thăm.

*

* *

Sài Gòn, miền Nam đã luôn luôn trong Bác và hơn thế đã để lại những rung động đầu đời của một tình yêu tuổi đôi mươi. Cũng theo nhà nữ sử học Mỹ ghi trong bài viết của mình đã có một chi tiết rất quý giá về những ngày Bác ở Sài Gòn. Bà viết:

“Vừa rồi tôi có đọc một bài hồi ký đăng trên Tạp chí Lịch sử quân sự của Viện Quân sự Hoa Kỳ do một số sĩ quan Anh - Mỹ trong đội quân của Đồng minh viết về giai đoạn họ sang giúp Việt Nam huấn luyện quân sự trong kháng chiến chống Pháp. Tác giả hồi ký viết: “Tôi sống cạnh Chủ tịch Hồ Chí Minh từ những ngày đầu khởi nghĩa. Chúng tôi có hỏi - không phải tò mò mà trên danh nghĩa là đàn ông với nhau - tại sao Chủ tịch không lấy vợ, không lập gia đình? Hồ Chí Minh trả lời một cách chân tình và thân mật: “Khi còn trẻ phải đi hoạt động cách mạng, khi giành được độc lập thì đã già, nên không dám tính chuyện đó. Trước khi tôi ra đi, tôi có yêu một người con gái, người con gái đó cũng rất yêu tôi. Nhưng phải dừng lại về chuyện yêu đương, sau

nhiều năm mất liên lạc, tôi không biết người con gái đó đang ở đâu, còn hay mất."⁽¹⁾

Bác Hồ đã hy sinh tuổi thanh xuân, hy sinh cả tình yêu riêng của mình để ra đi... tìm đường cứu nước. Từ những tháng năm đó, ngoài tình yêu của riêng đôi lứa, tình yêu Sài Gòn, tình yêu miền Nam đã luôn hun đúc trong Bác...



Sau ngày giải phóng, thành phố Sài Gòn chính thức được mang tên Bác. Con đường dẫn chúng ta vào Cảng Sài Gòn hôm nay được mang tên đường Nguyễn Tất Thành, chính là con đường Bác đã đi ra cảng năm 1911. Nhà Rông vẫn còn đó gần như nguyên vẹn, hai tầng chính và một tầng gác phụ. Cấu trúc của nhà hơi lạ. Hai tầng chính xây dựng theo cung cách Pháp, nhưng trên sân thượng ấy lại có một tầng nhỏ nữa cất nhô lên theo kiểu Việt Nam có hai mái và hai chái lợp ngói. Bốn góc là bốn con cá hóa rồng nằm lượn quay mặt ra bốn hướng. Trên nóc nhà, chính giữa có phù hiệu của hãng tàu còn rõ một đầu con ngựa lồng trong chiếc mỏ neo và vương miện. Hai bên nóc có hai con rồng uốn lượn nằm quay đầu ra hai bên, ở hai đầu hồi có 2 chữ M.I là tên viết tắt của Công ty và phù hiệu ông khởi tàu thủy. Tầng trên ban công rất rộng có thành xây cao vây tròn lấy mấy căn phòng. Đứng trên ban công có thể nhìn rõ toàn cảng Sài Gòn, bến Bạch Đằng, vàm rạch Bến Nghé cùng một góc khá rộng của Thành phố Hồ Chí Minh. Đứng ở đây nhìn những con tàu lớn của năm châu bốn bể cập bến, chúng ta làm

(1) Báo Đại Đoàn Kết Chủ nhật số 19/5/1997.

sao không nghĩ đến con tàu đô đốc La Tuýtso Têrêvin. Từ bến sông này Bác đã ra đi. Thành phố đã dựng tượng Bác ở sân Nhà Rồng với bia kỷ niệm ghi đậm ngày 5 tháng 6 năm 1911, ngày Sài Gòn tiễn chân Bác. Nhà Rồng đã trở thành một khu lưu niệm về Bác ở Thành phố Hồ Chí Minh. Nhìn lớp lớp thanh niên xung phong đến chào Bác trước khi lên đường xây dựng đất nước. Nhìn những đoàn quân trang nghiêm đứng trước tượng Bác ở sân Nhà Rồng vang vang lời thề “Quyết thắng” trước lúc hành quân... lòng chúng ta rộn vui. Vui như có Bác mới về thăm...

Sài Gòn có vinh dự tiễn Bác ra đi. Sài Gòn mấy chục năm qua gan vàng dạ sắt, chiến đấu anh hùng. Sài Gòn xứng đáng được mang tên Bác. Sài Gòn đã từng đi trước về sau, ngày nay thành phố đang nỗ lực xây dựng để luôn luôn là trung tâm kinh tế văn hóa xã hội đi trước và cùng cả nước đi lên với ý quyết “dân giàu nước mạnh”, với xã hội công bằng văn minh, với đất nước dân chủ, độc lập. Sài Gòn đã và đang xứng đáng là Thành phố Hồ Chí Minh rực rỡ tên vàng.

Tại hội thảo khoa học “Bác Hồ với miền Nam...” năm 1985 và Báo Sài Gòn Giải Phóng ngày 5/6/2000 nhà sử học lão thành Nguyễn Đình Đầu có công bố một tài liệu để chứng minh rằng nơi Bác Hồ rời Sài Gòn ra đi ngày 5/6/1911 không phải là Cảng Nhà Rồng, vì Cảng Nhà Rồng của hãng Messageries Impériales. Con hăng Năm Sao của tàu Amiral Latouche Treville có cảng riêng gọi là Cảng Sài Gòn mà tâm điểm là Bến Bạch Đằng ở đoạn từ đường Đồng Khởi đến đường Hàm Nghi ngày nay. Chúng tôi đưa thông tin này để bạn đọc tham khảo.

22/2/2002

ĐÓA SEN THƠM ĐỒNG THÁP^(*)

Sau khi mất chức tri huyện ở Bình Khê, cụ Phó bảng cho con trai lớn Nguyễn Tất Đạt (Nguyễn Sinh Khiêm) trở về quê với chị, cụ đi lần vào Nam và cụ đã kịp gặp người con trai út Nguyễn Tất Thành, tức Bác Hồ của chúng ta trước lúc Người rời Sài Gòn đi tìm đường cứu nước. Những ngày đầu đến Sài Gòn cụ cũng ở tại vừa chiếu Rạch Bần, về sau cụ thuê một phòng nhỏ ở nhà trọ Nam Kỳ trên đường Espagne, nay là đường Lê Thánh Tôn và hàng ngày sang tiệm thuốc bắc Trường Thọ Viên gần đó để xem mạch kê toa. Trong những ngày này, cụ dốc lòng tham dự vào việc chuẩn bị cho Bác Hồ ra đi. Cụ thường nói với Bác: *"Nước mất phải lo mà cứu, làm trai con chỉ có mỗi việc đó phải lo trước nhất"*. Sài Gòn đã chứng kiến một cái Tết đoàn viên đầy tình yêu thương của cha con Bác và Sài Gòn đã chứng kiến cảnh chia tay đầy lưu luyến của Bác và cụ thân sinh. Trong những tháng ngày Bác Hồ lênh đênh chân trời góc biển, cụ Phó bảng mỗi mòn mong tin con. Cụ sống với bạn bè, đi đây đi đó tuyên truyền giác ngộ yêu nước cho mọi người và giữ trọn một niềm tin ở con trai Nguyễn Tất Thành.

Trong khi đó, Bác Hồ bôn ba bốn biển năm châu, lòng cũng luôn canh cánh nhớ thương cha già, Bác đã

(*) Cao Lãnh xuân 1998.

viết rất nhiều thư nhưng không sao gửi đến tay cụ Phó bảng. Trong hồ sơ lưu trữ của mật thám Pháp còn giữ nhiều bức thư của Bác gửi cho Cha. Xin trích một đoạn của bức thư đề ngày 30/10/1911 của Bác gửi từ Côlômbô thông qua nhà chức trách Anh gửi khâm sứ Trung kỳ Việt Nam.

“Tôi đã tìm được việc làm trên tàu Đô đốc Latouche Trévilla... tôi đã dành được một số tiền nhỏ mọn muốn gửi về cho Cha tôi mà lại không thể gửi bằng giấy chuyển tiền được. Vì vậy tôi mạo muội nhờ quan lớn cấp giấy chuyển ngân cho Cha tôi, để ông có thêm mà sống”.

Và lá thư gửi ngày 15/12/1912, gửi từ New York:

“Từ già đất nước, tôi để lại Cha già không nơi nương tựa. Dù tôi luôn gửi thư thăm hỏi nhưng tôi chỉ nhận được hai thư trả lời từ đó đến nay. Tôi đã gửi về ông ba lần tiền thì Cha tôi bảo chỉ nhận được có một lần, lần ấy tôi nhờ ngài chuyển lại Cha tôi và ngài đã giúp. Bây giờ tôi chẳng còn biết Cha tôi ra sao nữa! Tôi tính xin cung cấp cho Cha tôi hàng tháng nhưng không biết bằng cách nào. Nay tôi cũng không biết cả địa chỉ của ông. Còn tôi với nghề hàng hải cũng nay đây mai đó...”

Tình thế của tôi bức xúc làm sao, sống cách xa người thân, muốn phụng dưỡng cũng không thể!...”

Không có tin tức gì của Bác Hồ, cụ Phó bảng càng đi nhiều hơn, liên lạc với nhiều nhóm chí sĩ yêu nước trước hết là để cứu nước giúp dân như cụ hằng mong mỏi, mặt khác cũng hy vọng từ các đồng chí của mình cụ sẽ được tin về Nguyễn Tất Thành, người con trai mà cụ đang gửi tất cả niềm hy vọng của mình.

*

* *

Năm 1917 cụ Phó bảng được bạn bè đón về Cao Lãnh (nay thuộc tỉnh Đồng Tháp). Cụ tiếp tục làm nghề bốc thuốc chữa bệnh giúp dân. Nhưng cái chính của cụ vẫn là tìm bạn cùng chí hướng để cứu nước. Cao Lãnh là quê hương thứ hai của cụ. Từ đây cụ đã có rất nhiều chuyến đi đến An Giang, Châu Đốc, Bến Tre, Mỹ Tho, Long An. Cụ sang cả Campuchia. Những nơi cụ đến thường là chỗ có phong trào yêu nước, có nhân sĩ yêu nước. Cụ vẫn thường lên Sài Gòn để tìm tin tức của Bác Hồ. Ngày ấy ông Bùi Văn Tiêu (Ba Tiêu) là một người bạn tốt của cụ. Ông Ba Tiêu quê ở miền Bắc, tham gia phong trào chống Pháp bị địch an trí bắt buộc ở Sài Gòn. Ông mở tiệm giặt ủi quần áo trên đường Lagrandière (nay là đường Lý Tự Trọng) và từ lâu nhà ông Ba Tiêu là điểm tới lui liên lạc của các thủy thủ tàu viễn dương có lòng yêu nước. Cũng tại đây, một lần cụ Phó bảng nhận được một tin bán tín bán nghi: Có một thủy thủ Việt Nam bị bệnh chết, khi tàu chạy qua Châu Phi và rất có thể đó là Nguyễn Tất Thành. Dẫu là tin thất thiệt nhưng cũng làm cụ đau buồn, mất ăn mất ngủ mấy tuần liền, cụ nói với một người bạn: "Nước mất, nhà tan, choa như cánh bèo trôi..." Cánh bèo ấy lại trôi về Đồng Tháp và nơi địa linh với nhiều sinh khí cách mạng yêu nước này đã sưởi ấm lòng cụ Phó bảng.

Một người bạn của cụ đã lấy một quẻ dịch và xác định với cụ rằng Nguyễn Tất Thành vẫn còn sống và sẽ làm nên đại sự. Ở Cao Lãnh cụ Phó bảng có nhiều bạn hữu, trong số đó cụ Lê Chánh Đáng, còn gọi là Chánh Nhứt là người bạn chí cốt, người đồng chí của cụ. Hàng ngày, cụ Phó bảng làm cao đơn hoàn tẩm để cụ Đáng đi bán và vận động cách mạng. Thấy ai tiến bộ cụ Huy đến "trợ giáo" thêm Hai cụ là hạt nhân thành lập nhóm thanh niên cách mạng đồng chí Hội

ở Cao Lãnh sau này. Sở dĩ hai người trở thành bạn tâm đầu một phần vì sự hợp ý hợp lòng trong ý tưởng chung, nhưng một phần nữa là Lê Văn Sao, con cụ Lê Chánh Đáng sau khi tham gia phong trào Đông Du thất bại đã sang Pháp và đã ở chung nhà số 6 đường Villades Goleline ở Paris với Bác Hồ.

Cuối năm 1919, cụ Phó bảng lại trở về Sài Gòn. Như mọi lần, nơi cụ đến trước tiên là nhà ông Ba Tiêu. Lần này gặp cụ, ông Ba Tiêu vui hẳn lên, đưa cụ Phó bảng vô phòng khách, chưa kịp mời nước, ông Ba Tiêu đã bí mật rút ra đưa cho cụ tờ báo "*Nhân đạo*" (Humanité - Pháp) và vui vẻ nói:

- Đây, đây, đọc đi, có cái này sướng lắm.

Cụ Phó bảng thấy được ngay ở trang nhất có đăng "*Bản yêu sách của nhân dân An Nam*". Bản yêu sách viết: "*Trong khi chờ đợi nguyên tắc dân tộc sẽ từ lĩnh vực lý tưởng chuyển vào lĩnh vực hiện thực do chỗ quyền tự quyết thiêng liêng của các dân tộc được thừa nhận thực sự, nhân dân nước An Nam trước kia, nay là xứ Đông - Pháp, xin trình bày với quý chính phủ đồng minh nói chung và với chính phủ Pháp đáng kính nói riêng những yêu sách nhỏ sau đây:*

1. Ân xá tất cả chính trị phạm người bản xứ.

2. Cải cách nền công lý Đông Dương bằng cách ban cho người bản xứ cũng được hưởng những đảm bảo về mặt pháp luật như người Âu Châu, bãi bỏ hoàn toàn và triệt để các tòa án đặc biệt dùng làm công cụ để khủng bố và áp bức bộ phận trung thực nhất trong nhân dân An Nam.

3. Quyền tự do báo chí và tự do ngôn luận.

4. Quyền tự do lập hội và hội họp.

5. Quyền tự do xuất ngoại và đi du lịch nước ngoài.

6. *Quyền tự do giáo dục thành lập các trường kỹ thuật và chuyên nghiệp ở tất cả các tỉnh cho người bản xứ.*

7. *Thay chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật.*

8. *Đoàn đại biểu thường trực của người bản xứ do người bản xứ bầu ra tại nghị viện Pháp để giúp cho nghị viện biết được nguyện vọng của người bản xứ.*

Thay mặt nhóm những người Việt Nam yêu nước
NGUYỄN ÁI QUỐC

Cụ Phó bâng dục không sót một từ nào trong bản yêu sách, người cụ như có điện chạy rần rật từ đầu đến chân, cụ dừng lại ở cuối bản yêu sách - đọc kỹ dòng: “Thay mặt nhóm những người Việt Nam yêu nước” ký tên: Nguyễn Ái Quốc. Như có một linh tính báo cho cụ về Nguyễn Ái Quốc. Cụ liền hỏi ông Ba Tiêu.

- Nguyễn Ái Quốc là ai anh Ba?

- Trời, còn ai nữa - Nguyễn Tất Thành đó thôi.

Lời nói của ông Ba Tiêu khẳng định linh tính của cụ. Cụ Phó bâng đứng dậy, chồm đến ôm ghì lấy Ba Tiêu.

- Ôi, anh Ba, thật vậy sao...

Cụ Phó bâng cảm động nói không ra tiếng, cười trong nước mắt. Cụ thấy mình như sống trong mộng ngây ngất, bay bổng ... Từ đó cụ Phó bâng càng xác định được mục tiêu của đời mình: Hãy làm cho nhiều người Việt Nam, nhất là lớp trẻ biết yêu nước, thương nòi và lo cứu nước. Cụ sử dụng cả đạo phật để giáo dục lòng yêu nước.

Trong tài liệu còn lưu lại của Sở mật thám Pháp có những bức thư của cụ Phó bâng gửi cho “mẹ nuôi”, “cho cô” và “cho bạn”. Nội dung thấy rõ cụ đang ở trong một tổ chức của những người yêu nước. Lá thư đề ngày

15/4/1928 “gửi cho cô, mẹ nuôi”, cụ đề nghị xin gấp “để tôi có thể thưa chuyện với cô nhiều công việc hệ trọng, việc riêng mình và bí mật”. Lá thư đề ngày 28/4/1928 có câu “Vì vậy tôi không dám tự tiện xử sự, tôi yêu cầu nhận được lệnh của cô về việc này”.

Cụ còn dặn “cô và mẹ nuôi” khi gửi thư cho cụ nhớ dùng phong bì có in tiêu đề của nhà hàng Hưng Thanh, có mang con dấu tên của cô. Nếu thiếu phong bì ấy thì chỉ dùng phong bì cũ mang lá thư tôi gửi cô để đựng phong thư của cô, tôi mới tin là thật được”. Hoặc là “Trong việc trao đổi thư từ của chúng ta, tôi làm một dấu riêng và hình vẽ kèm theo”. Cũng trong thời gian này một trong những bức điện của chánh sở mật thám Arnoux còn lưu lại như sau:

Công văn mật, số 1416 S gửi ngày 12/5/1928: Nguyễn Sinh Huy, bố đẻ Nguyễn Ái Quốc hiện ở nhà tên Năm Giáo, làng Hòa An (Cao Lanh) từ ngày 16/4/1928. Ông ta sống ẩn náu ở đây, khi có dịp thì đi làm thầy lang chữa bệnh.

Ở làng Hòa An, có một nhóm chống Pháp. Trung thành với Nguyễn Ái Quốc và có mối liên lạc với Đảng Đỏ ở Quảng Châu. Trong những người tham gia nhóm này có những tên Lê Chánh Đáng, Hương chủ Sành, Hương trưởng Đê, Phó hương quản Đê, Nguyễn Văn Biểu tức Thót và Trần Kim Ngô tức Sáu Nhỏ.

Tên Mai Văn Kiệu, con Hương trưởng Đê trên đây cũng thuộc trong một tổ chức gọi là “Tả đạo bàng môn” thành lập tại Rạch Giá.

Các tên trên đều tỏ ra tích cực hoạt động. Người ta kể lại một tên trong bọn này đã nói với người thân cận y như sau: “Nếu sau này mà yên được sẽ có danh vọng”.

Tôi yêu cầu ông Ủy viên đặc nhiệm chỉ huy các đội lưu động cho theo dõi chặt chẽ bố đẻ của Nguyễn Ái

Quốc cùng những người hay lui tới gặp ông ta. Cần thu nhập những tin tức thật chi tiết về nhóm tả đạo bàng môn ở Rạch Giá."

Những tài liệu trên đây cũng chứng minh được cụ Phó bảng thật sự là một chí sĩ suốt đời hoạt động cho phong trào yêu nước chống Pháp. Nhìn lại toàn bộ cuộc đời của cụ Phó bảng lúc còn ở quê và quá trình xuyên Việt cũng như những năm cuối đời cụ đã có quan hệ mật thiết và hợp tác với nhiều nhà yêu nước nổi tiếng như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Vương Thúc Quý, Vương Thúc Mậu, Nguyễn Hàn Chi, Trần Quý Cáp, Lương Văn Can, Lương Ngọc Quyến, Dương Bá Trạc, Nguyễn An Ninh, Trương Gia Mô... Cụ Phan Châu Trinh trong một lần đàm đạo với cụ Phó bảng tại Mỹ Tho đã khẳng định về cụ Phó bảng: *"Việt Nam độc lập sau này sẽ cậy vào Nguyễn Ái Quốc. Sự mạng con cụ quả thật to lớn, nặng nề; sự nghiệp của con cụ cũng là sự nghiệp của cả thế hệ trẻ vô cùng sáng lạng. Nay cụ đã quá lục tuần, gối mỏi, lưng còng; nhìn lại những việc đã làm trong năm tháng qua, không phải là vô ích đối với sự nghiệp của con, của thế hệ trẻ, của cả dân tộc."*

Với năm tháng còn lại của cuộc đời, cụ sẽ tiếp tục cống hiến cho sự nghiệp cao cả trên bằng cách của mình: Ngấm ngấm vận động liên kết các sĩ phu yêu nước, âm thầm bồi dưỡng kích động lớp thế hệ trẻ..."⁽¹⁾

*

* *

Trong những lần về Sài Gòn, cụ Phó bảng gặp vài anh em trong tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng thanh

(1) Theo "Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc" - Khu di tích Nguyễn Sinh Sắc - Đồng Tháp - xuất bản 1994.

niên do Bác Hồ sáng lập mới từ Quảng Châu về. Những lần như vậy cụ rất vui, vui như được gặp con trai của mình... Một lần biết anh Lê Mạnh Trinh sắp sang Quảng Châu, cụ dẫn anh đến một quán chè, gọi hai chén, một chén đặc biệt có trứng gà dãi anh. Cụ dặn các anh sống xa quê phải yêu thương nhau và cụ nhấn: “Bác nghe nói Quốc (Nguyễn Ái Quốc) đang ở Quảng Châu. Cháu gặp thì nói Bác vẫn khỏe, đừng lo. Hãy toàn tâm lo việc quốc sự, cứu nước là có hiếu với cha.”

*

* *

Trong gia đình cụ Phó bảng còn hai người con đó là bà Nguyễn Thị Thanh tức Bạch Liên (1884 - 1954) và ông Nguyễn Sinh Khiêm tức Nguyễn Tất Đạt (1888 - 1950) là chị và anh của Bác Hồ. Cả hai người đều không lấy chồng, lấy vợ. Trong những năm Bác Hồ rời Sài Gòn ra đi (1911) chị và anh Bác đều tham gia phong trào chống Pháp của cụ Phan Bội Châu. Bà Thanh sau đó tham gia phong trào cứu nước với nghĩa quân Đội Quyên ở Nghệ An và đã làm nên những kỳ tích dũng cảm. Năm 1918, bà bị bắt tra tấn dã man vẫn bất khuất và bị tòa án Nam Triều xử phạt tù khổ sai 9 năm, đày cách quê 3000 dặm. Bà bị đày vào giam tại nhà lao Quảng Ngãi, sau đưa ra quản chế ở Huế. Khi cụ Nguyễn Sinh Sắc qua đời bà Thanh vẫn còn bị quản chế tại Huế - Dù hay tin muộn bà vẫn vượt qua vòng kiểm tỏa của luật pháp để vào Cao Lãnh thọ tang cha và cảm ơn bà con Cao Lãnh. Mãn tù bà về quê và liên hệ ngay với cách mạng. Bà sống cuộc đời đam bạc với em trai cho đến lúc lâm chung.

Phần ông Nguyễn Sinh Khiêm, sau khi từ biệt cha trở về quê ông liên lạc và hoạt động với nghĩa quân

của cụ Phan Bội Châu, sau đó tham gia nghĩa quân Đội Quyên và Đội Cung. Ông bị địch bắt giam ở nhà lao Vinh. Tòa án Vinh kết án ông 3 năm tù khổ sai. Ba tháng sau ông vượt ngục nhưng không thành. Kẻ thù nâng án ông lên 9 năm và bị đầy làm lao công khổ sai ở Ba Ngòi (Nha Trang). Năm năm sau (1920) ông mới được chuyển về giam lỏng ở Huế. Tại đây ông liên hệ được với chị cả Thanh và dù đang bị quản thúc hai chị em vẫn liên hệ với tổ chức yêu nước.

Năm 1946, khi nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, bà Nguyễn Thị Thanh và ông cả Khiêm từng người, lần lượt ra Hà Nội thăm Bác Hồ.

Bà Thanh ra Hà Nội thăm Bác Hồ trước. Ông cả Khiêm ra thăm Bác sau một chút. Hai anh em gặp nhau chỉ ít ngày sau đó là toàn quốc kháng chiến. Bác và Trung ương rút về Việt Bắc. Ông cả Khiêm qua đời vào tuổi 62. Bác Hồ không về được, đã có bức điện gửi về quê, nội dung như sau:

Gửi họ Nguyễn Sinh

"Nghe tin anh Cả mất, lòng tôi rất buồn rầu. Vì việc nước nặng nhiều, đường xá cách, lúc anh đau yếu tôi không thể trông nom, lúc anh tạ thế tôi không thể lo liệu.

Than ôi! Tôi xin chịu tội bất để⁽¹⁾ trước linh hồn anh và xin bà con nguyên lượng⁽²⁾ cho một người con đã hy sinh tình nhà vì phải lo việc nước"

Ngày 9 tháng 11 năm 1950

CHÍ MINH

(1) Bất để: không trọn tình anh em.

(2) Nguyên lượng: thứ lỗi, tha thứ.



Tại Cao Lãnh những năm cuối đời cụ Phó bảng ở nhà ông Năm Giáo, hằng ngày cụ đi bộ ra chợ Cao Lãnh xem mạch, kê toa ở tiệm thuốc Hằng An Đường. Trưa cụ về nhà ông Năm ăn cơm do cô Ba Ênh và vợ chồng Bảy Mân nấu giúp. Cụ ăn uống thanh đạm như mọi cụ đồ xứ Nghệ. Tại mảnh đất Cao Lãnh, cụ Phó bảng đã chứng kiến sự ra đời của tổ chức Hội Việt Nam cách mạng thanh niên và tháng 9 năm 1929, An Nam Cộng Sản Đảng được thành lập ở Cao Lãnh.

Vì tuổi già sức yếu cụ Phó bảng không thể làm gì được hơn, nhưng cụ biết hạt giống đỏ cách mạng đang nảy mầm ở Việt Nam có sự cày xới, chăm bón, ươm mầm của cụ và các bạn cụ trong suốt gần hai chục năm qua. Cụ càng vui hơn khi biết tổ chức Đảng này là theo ý hướng của Nguyễn Ái Quốc, niềm hy vọng thiêng liêng của cụ.

Mọi người đều biết rằng suốt đời cụ Phó bảng luôn sống thanh bạch liêm khiết, không bao giờ tiệc tùng đình đám - Kể cả khi cụ đậu Phó bảng và lúc được thăng quan. Thế nhưng, lần này, tại Cao Lãnh cụ lại bỏ tiền mua một con heo làm thịt, mở tiệc, khoản đãi bạn hữu tri ân. Cụ nói là để tạ ơn tổ tiên trời đất. Nhưng những người thân thiết với cụ như ông Chánh Nhứt Đáng thì cho rằng "Cụ mở tiệc để trước hết mừng hạt giống đỏ nảy mầm ở Cao Lãnh. Sau là, cụ biết sức mình đã mãn. Cụ muốn cảm tạ bà con bè bạn ở quê hương thứ hai của mình". Cụ Phó bảng thường nói: "Ở đây tôi có các bác, có bà con bạn hữu thương tôi hơn cả ruột thịt."

Một tài liệu lưu ở khu di tích cụ Nguyễn Sinh Sắc ở Đồng Tháp của cụ Nguyễn Văn Thiện, một người kẻ cận cụ Phó bảng những tháng năm cuối đời đã ghi lại rằng: Trong bữa tiệc hôm đó cụ Phó bảng vui cười đi

từ bàn này sang bàn kia chào hỏi, chúc tụng, cảm tạ mọi người. Trong lời khai tiệc, cụ nói:

"... Tôi già yếu rồi, không còn sống được bao lâu nữa. Tôi đã từng đi đó đi đây kết bạn với nhiều người, biết hoàn cảnh tối tăm của đất nước mà kêu gào. Nay việc tôi làm chưa được đến đâu mà sức đã kiệt. Nhưng tôi rất vui mừng vì thấy trong nước đâu đâu cũng có lớp trai trẻ hăng say lo việc lớn. Nhất định ngày phục quyền quốc dân không còn xa đâu.

Một lần nữa, tôi hết sức cảm ơn bà con mình ở đây đã bảo hộ tôi: ăn không thiếu, ngủ được yên, tình sâu nghĩa nặng đối với tôi. Tôi hết sức cảm phục bà con chịu nghe lời bàn quốc sự, chịu làm việc ích quốc gia lợi dân, thương yêu đùm bọc lẫn nhau: nhứt gia hữu sự bá gia ưu, đó là quý lắm. Tôi có chết gửi thân nơi đây cũng mãn nguyện."

Người ta thường nói những người già sống có tâm có đức thường khi trước khi rời cõi đời đều có linh tính biết trước. Có lẽ cụ Phó bảng là một trong những người có tâm đức đó. Sau bữa tiệc chưa đầy một tháng cụ lâm bệnh nặng. Bạn hữu thân thiết hết cách chữa trị, đưa cả sang Sa Đéc nhờ cụ Hoành nhưng cũng không cứu được. Khi xuống từ Sa Đéc về Cao Lãnh, cụ Phó bảng muốn được đưa vô nghỉ và chết ở chùa Hòa An để đỡ phiền lụy bạn bè. Nhưng mọi người không nghe, cụ Đáng và các cụ khác phải thuyết phục mãi cụ mới chịu trở về nhà ông Năm Giáo. Bốn ngày sau bệnh trở nặng. Đêm cuối cùng cụ nhờ ông Hai Thiện đỡ ngồi dựa gối nói chuyện với cụ Chánh Nhứt Đáng và ông Năm Giáo; cụ Phó bảng nói:

- Anh Chánh Nhứt với anh Năm à, tôi chết ngày 26 là tốt lắm. Khi tôi chết, quan tài mua về để ngoài sân, tắm liệm xong đem chôn ngay đừng để lâu. Tôi nhờ

TỪ LÀNG SEN ĐẾN BẾN NHÀ RỒNG

anh nói với Sáu Học cho tôi nằm ở phần đất của Sáu Học phía gần chùa Hòa Long. Anh Chánh Nhứt, anh nhớ đừng để ai chôn tôi chỗ khác.

Cụ Huy cho lấy trong tay nải ra hơn 150 đồng trao cho Năm Giáo:

- Tôi còn chừng nầy tiền, anh giữ lấy để mua quan tài và các thứ cần thiết khác dùm tôi.

Ông Năm Giáo nhận tiền bồi hồi rồi trao lại cho ông Bảy Mân.

Cụ Phó Bảng trầm ngâm giây lát, nhìn mọi người tâm sự:

- Tôi có ba người con, Hai Thanh, con gái đầu, thì bà con ở đây biết rồi, người con trai lớn theo cánh ông Phan Bội Châu bị giam cầm ở Huế; còn người con út Nguyễn Tất Thành hồi ở Sài Gòn tôi có ở chung. Tôi bảo nó đi qua bên Tây liên kết với phe chống đối Nhà nước Pháp bên chánh quốc, bên đó có nhiều phe yêu nước, họ mạnh lắm, tìm cách liên kết với họ rồi thông đồng với bên mình. Khi nào bên Tây đảo chánh thì có người bên vực mình, bên này dân mình đứng lên lật đổ Tây mới được...

Cụ Phó bảng bảo cụ Hai Thiện bưng cái tráp lại, cụ lấy tặng cụ Chánh Nhứt Đáng một toa thuốc gia truyền và một xấp thơ nhờ cụ Đáng trao cụ Hoành gửi về Huế cho cô Hai Thanh, con gái của cụ.

Thấy cụ Huy mệt, cụ Đáng bảo Hai Thiện đỡ cụ Huy nằm xuống. Cụ Huy nhắm mắt, lịm dần và nhẹ nhàng ra đi vào lúc xế chiều⁽¹⁾.

Cụ Phó bảng mất ngày 27 tháng 10 năm Kỷ Tỵ, tức 27/11/1929. Chỉ chưa đầy 100 ngày sau đó Đảng Cộng sản Việt Nam do Bác Hồ sáng lập bằng việc hợp nhất

(1) Theo lời kể của cụ Nguyễn Văn Thiện - Tài liệu lưu tại Khu di tích Nguyễn Sinh Sắc - Cao Lãnh (Đồng Tháp).

ba tổ chức An Nam Cộng sản Đảng (ở Nam bộ), Tân Việt (ở Trung bộ) và Đông Dương cộng sản Đảng (ở Bắc bộ) đã được thành lập ở Hương Cảng (Hong Kông).

Cụ Phó báng ra đi rất thanh thản và lòng như mẫn nguyện, vì đã thấy được tương lai của đất nước. Bạn bè đã chôn cất đúng nơi cụ muốn và suốt hai cuộc kháng chiến, kẻ thù luôn luôn tìm cách phá hủy mộ phần của cụ nhưng quân dân Đồng Tháp - Cao Lãnh đã bảo vệ vẹn toàn. Tháng 7/1954 trước khi rút quân tập kết, quân dân Cao Lãnh đã xây lại mộ của cụ và tấm ảnh của quân dân Cao Lãnh chụp bên mộ của cụ Phó báng những ngày này được gửi ra tặng Bác. Bác đã trân trọng để hai tấm ảnh vào một hộp nhỏ đặt nơi trân trọng trong phòng làm việc. Ngày nay tấm ảnh và chiếc hộp vẫn được lưu giữ như một bảo vật và nó là biểu tượng cụ thể về tình cảm sâu đậm về lòng hiếu thảo của Bác Hồ với cha.

Liên sau khi miền Nam được giải phóng, ngày 19 tháng 5 năm 1975 quân dân tỉnh Sa Đéc (tức Đồng Tháp ngày nay) đã tổ chức một buổi lễ trọng thể rước ảnh Bác Hồ về viếng mộ cụ Phó báng Nguyễn Sinh Sắc. Hàng ngàn bà con Cao Lãnh, Sa Đéc có mặt hôm ấy đều cảm động và nghĩ như đang rước Bác Hồ vô thăm miền Nam, đang cùng Bác Hồ đến viếng người cha vĩ đại.

Gần hai năm sau (ngày 13 tháng 2 năm 1977) khu di tích cụ Phó báng Nguyễn Sinh Sắc rất tôn nghiêm đã xây dựng xong. Ngôi mộ cũ được ốp đá hoa cương, nằm dưới một mái vòm bê tông che mát cao 10m. Mái vòm cách điệu như một lá sen của Đồng Tháp, đầu chín gần cộng lá chín con rồng vươn ra phía trước tượng trưng cho Đồng bằng sông Cửu Long, đất Chín Rồng.

Phía trước mộ là một hồ sen có hình ngôi sao năm cánh, mỗi cánh dài 30m, giữa hồ là một đài sen đứng

thăng cao gần 7m tượng trưng cho cuộc đời thanh cao của cụ Phó bảng.

Buổi lễ khánh thành trang trọng khu di tích với sự có mặt đại diện của Hà Nội, Hải Phòng, Nghệ An, Huế, thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Luật sư Nguyễn Hữu Thọ, Phó Chủ tịch nước thay mặt Chủ tịch Tôn Đức Thắng đã về dự. Luật sư tâm sự: “Mẹ Bác mất ở Huế, yên nghỉ tại quê nhà, cụ thân sinh nằm ở đây. Tôi nghĩ có lẽ cũng là một sự sắp đặt đúng tâm nguyện của Bác. Miền Nam không chỉ tiễn Bác ra đi tìm đường cứu nước, miền Nam đã giữ một phần ruột thịt của Bác. Chính vì vậy, nên Khu di tích cụ Phó bảng là một dấu ấn rất sâu đậm góp vào trang sử miền Nam trong tim Bác.”

Nơi yên nghỉ cuối cùng của cụ Phó bảng ngày nay là một khu di tích lớn với khuôn viên rộng mấy ngàn mét vuông. Trong đó, có cả gian trưng bày về cụ Phó bảng và gia đình Bác Hồ. Có nhà triển lãm hình ảnh hiện vật về đời hoạt động của Bác và đặc biệt có khu nhà sàn làm y cứ như nhà sàn Bác ở Hà Nội với sự phục chế đầy đủ các hiện vật. Hàng chục vạn đồng bào Nam Bộ đã về đây viếng cụ Phó bảng, thăm khu di tích và thăm nhà sàn Bác.

Lúc sinh thời cụ Phó bảng thường nói: *“Tôi sinh ra ở xứ sen vàng (làng Kim Liên), tôi lang thang khắp miền đất nước, ngày nay xé bóng trụ lại ở xứ Đồng Tháp này, tôi chỉ có một ước nguyện được làm một bông sen nhỏ”*.

Cụ Phó bảng nằm đó, trước mặt cụ là một hồ sen với ngôi sao năm cánh. Cụ không chỉ xứng đáng là bông sen Đồng Tháp, mà mãi mãi cụ là đóa sen thơm nở giữa lòng Tổ quốc.

MIỀN NAM TRONG TRÁI TIM NGƯỜI^(*)

Buổi sáng mùa thu năm 1962 đẹp nắng, dưới vòm cây cổ thụ tỏa lá sum suê trong vườn Phủ Chủ tịch, khi tiếp nhận những tặng phẩm do đoàn đại biểu Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam đầu tiên ra thăm miền Bắc dâng tặng, Bác đã bồi hồi đưa tay lên phía trái ngực mình và nói:

- Bác chẳng có gì tặng lại cả, chỉ có cái này.

Bác chỉ có trái tim. Bác tặng miền Nam trái tim thiêng của Người. Người miền Nam nào nghe câu nói mộc mạc, đầy tình thương yêu ấy của Bác lại không thấy lòng mình xao xuyến cảm động. Cho đến phút cuối cuộc đời, lúc nào Bác cũng dành cho miền Nam những tình cảm to lớn và dạt dào nhất. Bác theo dõi từng bước đi của cách mạng miền Nam. Bác lo lắng đến từng nỗi đau khổ của miền Nam. Tiếp nhà báo Cu Ba Mácta Rohát (trong khi còn chống Mỹ) Bác nói: *"Có thể nói rằng: ở miền Nam, mỗi người, mỗi gia đình đều có một nỗi đau khổ riêng và nếu gộp những nỗi đau khổ của riêng mỗi người, mỗi gia đình lại, thì đó chính là nỗi đau khổ của tôi"*.

Thực dân Pháp trước đây, và đế quốc Mỹ sau này đã cố tình chia cắt nước Việt Nam ra làm hai miền, để áp đặt ở miền Nam một chế độ vô độc tài và cực kỳ phát

(*) Tháng 9/1975; sửa tháng 6/1999.

xít. Bác hiểu nỗi thống khổ đó của nhân dân miền Nam. Bác từng nói: *"Một ngày mà Tổ quốc chưa thống nhất, đồng bào còn chịu khổ, là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên"*⁽¹⁾. Chính vì thế mà Bác luôn luôn giương cao ngọn cờ đấu tranh để thống nhất Tổ quốc. Bác nói: *"Miền Nam là ruột thịt, là xương máu của chúng ta"*⁽²⁾. Đồng bào Nam bộ là dân nước Việt Nam, sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi"⁽³⁾. Và Người khẳng định rõ ràng với toàn dân, với cả nhân loại rằng: *"Nước Việt Nam là một nước thống nhất, Nam Bắc là một nhà, không có một lực lượng phản động nào có thể chia cắt được. Nước Việt Nam ta nhất định phải thống nhất"*⁽⁴⁾.

Niềm tin mãnh liệt và quyết tâm to lớn của Bác là giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Đó cũng là niềm tin và ý chí mà Bác đã truyền đến cho toàn thể cán bộ, chiến sĩ và đồng bào cả nước. Tháng 9 năm 1967, nhân dịp Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam ra cương lĩnh chính trị, Bác đã gửi thư mừng đến Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ, trong thư Bác viết có câu:

*"Đến ngày thống nhất nước nhà
Bắc Nam sum họp là ta vui mừng"*

Vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, mấy chục năm liên tục chiến đấu, miền Nam xa Bắc, xa Trung ương. Nhưng chính vì sự xa cách đó mà lúc nào miền Nam cũng được Bác quan tâm nhiều nhất. Năm 1952, nhân kỷ niệm ngày Nam Bộ kháng chiến, Bác đã nói: "Dù ở xa, nhưng lòng tôi và Chính

(1) Lời tuyên bố của Bác với quốc dân đồng bào khi ở Pháp về đến Hà Nội ngày 23/10/1946.

(2) Lời Bác chào mừng Quốc hội họp ngày 20/3/1955.

(3) Thư Bác gửi đồng bào Nam Bộ trước khi sang Pháp đàm phán (31/5/1946).

(4) Lời kêu gọi của Bác trong dịp lễ kỷ niệm Quốc Khánh 2/9/1957.

phủ rất gần Nam Bộ. Tôi theo dõi từng giờ, từng phút cuộc đấu tranh anh dũng của đồng bào, chiến sĩ, cán bộ ta". Cho đến ngày sắp sửa đi xa, Bác vẫn theo dõi từng giờ từng phút cuộc chiến đấu của đồng bào miền Nam. Tám bản đồ treo trong phòng làm việc của Bác, đã chứng kiến biết bao lần ngọn chì đỏ của Bác vạch trên phần đất miền Nam. Mỗi ngày, mỗi ngày mỗi câu hỏi thường xuyên của Bác vẫn là: "Miền Nam hôm nay thắng ở đâu?". Nhân dân, cán bộ, chiến sĩ miền Nam đang ngày đêm anh dũng chiến đấu mong muốn Bác vui, Bác khỏe mạnh sống lâu. Mỗi lần được gặp Bác, các đại biểu miền Nam đều nói lên điều mong ước đó. Và mỗi lần như thế, Bác thường cười trả lời:

- Đồng bào, chiến sĩ miền Nam càng đánh giỏi, thắng to, thì Bác càng mạnh khỏe, sống lâu.

Niềm vui của Bác là đồng bào, chiến sĩ miền Nam được ăn no, mặc ấm, là nhân dân bớt đau thương chết chóc, là miền Nam chiến thắng. Tin vui từ miền Nam đến với Bác là những "tin mừng thắng trận nở như hoa". Vườn nhà Bác có nhiều loại hoa đẹp và ngát hương thơm, nhưng hoa huệ và hoa hồng là hai loại hoa Bác thích nhất. Hoa huệ Bác vẫn thường hái cắm chưng trong nhà. Hoa hồng thường sau khi tiếp khách quý xong, Bác tặng mỗi người một bông. Những bông hồng ấy cành mập, hoa to, màu đỏ nhung. Giữa những năm đất nước có chiến tranh, Bác dùng hoa hồng để tặng khách, nhất là khách nước ngoài. Nhà báo Pháp Mađơlen Ripphô đã viết: "Những cây hồng có hoa lớn được Bác Hồ chăm sóc cẩn thận nói lên sự thách thức và lòng tin chắc thắng của Việt Nam chống lại bom đạn". Có lần, một thanh niên Cu Ba được Bác tặng cành hồng bụ bẫm thích quá reo lên:

- Ô cành hoa hồng này gai to quá!

Bác hỏi:

- Cháu có sợ gai không?

- Thưa không.

Bác gật đầu:

- Hoa hồng thì phải có gai, chiến đấu thì phải có hy sinh, lao động thì phải có gian khổ phải không?

- Dạ thưa, - điều Bác nói là một định lý của thắng lợi. - Cháu xin ghi nhớ.

Hoa hồng của Bác tượng trưng cho hạnh phúc, niềm hạnh phúc của dân tộc đổi bằng xương máu trong chiến đấu. Hoa hồng nở quanh năm, hoa chiến công của miền Nam, của đất nước cũng nở từng giờ, từng ngày, vậy nên, hoa hồng cũng là tượng trưng cho niềm tin và chiến thắng.

Mùa xuân năm 1969, tiếp đoàn đại biểu Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam ra thăm miền Bắc, sống trong cảnh đoàn tụ, Bác rất vui. Đó là niềm vui, niềm hạnh phúc to lớn đến với Bác, mà dù Bác có *"nói mấy trăm câu, mấy nghìn câu, mấy vạn câu cũng không hết được ý"*. Bác chỉ nói một câu:

"Bước đầu muôn dặm một nhà"

Bắc Nam sum họp chúng ta vui mừng"

Vườn Bác có mấy cây dừa đứng bên hồ nước ngay trước cửa nhà, có cây vú sữa đem từ miền Nam ra trồng nay cao to rất quen thuộc, làm cho mỗi con người miền Nam về đây đều có cảm giác như về với gia đình, với người cha, người ông yêu quý nhất. Cả hai cây dừa và cây vú sữa của đồng bào miền Nam gửi tặng Bác ngày hòa bình lập lại, Bác tự tay trồng. Mấy mươi năm dưới bàn tay cần mẫn chăm sóc của Bác, hai cây dừa và cây vú sữa lớn vọt lên như sự nghiệp giải phóng miền Nam trưởng thành dưới sự quan tâm đặc biệt của Bác. Cho đến ngày Bác sắp đi xa... cây vú sữa đã cao quá nhà sàn Bác ở và tỏa lá sum suê che bóng

mát những giấc ngủ trưa của Bác. Trên bàn, trong phòng Bác vẫn thường họp với Bộ Chính trị và cũng là nơi Bác nằm khi chữa bệnh, vẫn còn chiếc radiô bán dẫn, chiến lợi phẩm của quân và dân trong trận Phước Thành gửi tặng, chiếc Radio mà đêm đêm Bác vẫn dùng để *"nghe tiếng nói nhân loại"*, như Bác vẫn nói. Cho đến lúc Bác đã đi xa, đến thăm vườn và nhà Bác, nhìn những cảnh vật thân thương ấy, mỗi chúng ta càng nhớ sâu sắc câu nói đầy tình cảm tha thiết của Bác: *"Miền Nam yêu quý ở trong trái tim tôi"*.

Những năm đầu của thế kỷ 20 này, Bác đã đi xuyên từ Bắc vào Nam. Bác dừng lại ở Huế, Qui Nhơn, sông Cầu, Duồng (Chí Công), Phan Rang, Phan Thiết, Sài Gòn và nhiều nơi khác. Dù chỉ đi qua một lần trước đây, hơn nửa thế kỷ, Bác vẫn nhớ rất chi ly. Bác còn nhớ một đoạn đường ở Gio Linh - Quảng Trị xe chạy lên dốc phải vòng qua vòng lại. Bác nhớ ở Huế, nhân dân thường nấu chè, múc ra những cái chén nhỏ và để trên cái trệt bán mỗi chén một tiền. Bác nhớ vùng đất Quảng Nam, Quảng Ngãi cằn cỗi như đất xứ Nghệ quê Bác. Bác nhớ ở sông Cầu có nhiều ốc có chân nhẩy rất ngộ, ăn rất ngon, dân địa phương gọi là ốc nhẩy. Bác nhớ chuyện "Bọn thực dân ở Phan Rang cười sằng sặc khi những người Việt Nam chết đuối vì chúng nó"⁽¹⁾. Bác nhớ Phan Thiết nơi Bác dạy học ngày xưa có bến Cồn Chà làm cá, nước mắm đông đúc. Bác nhớ chuyện những viên nhà đoan đã đối xử tàn tệ với những người phụ nữ làm phu đội muối ở Bà Rịa. Bác căm giận "một viên tây đoan ở Vũng Tàu say rượu, phang một gậy vào nách một thủy thủ Việt Nam thuộc quyền hấn làm cho anh ta chết tươi"⁽²⁾. Bác nhớ ở Sài Gòn có "nhà che cơm tấm" dành cho người lao động mà Bác vẫn ăn...

(1), (2) Nguyễn Ái Quốc, "Lên án chủ nghĩa thực dân", NXB Sự Thật 1959.

Gặp các đại biểu miền Nam Bác luôn hỏi thăm và Bác nhắc đến những chi tiết, hình ảnh rất cụ thể. Phải chăng từ trước những ngày rời Sài Gòn ra đi tìm đường cứu nước Bác đã mang trong tim mình hình ảnh của miền Nam thân yêu. Chính những năm ở Huế, ở Phan Thiết, ở Sài Gòn Bác đã từng thấy người dân miền Nam sống trên mảnh đất giàu có, trù phú mà vẫn luôn luôn khổ cực, đói rách. Cuộc sống cực khổ thiếu thốn của dân ta trong những đêm đen nô lệ đã in sâu vào tâm trí Bác. Sau này, trong các bài báo, những tham luận, những kiến nghị của Bác viết từ nước ngoài, Bác đều nhắc đến miền Nam. Những ngày ở xa Tổ quốc, trong các bài viết Bác nêu chi tiết việc dân Đà Nẵng đi phu đắp đường bị chết, bị đói và bị bệnh. Bác lên án bọn thực dân đánh đập hà hiếp nhân dân ta ở Sài Gòn, ở Ba Son...⁽¹⁾. Và cho đến lúc Bác ra “đi gặp cụ Mác, cụ Lênin...” miền Nam vẫn ở trong lòng Bác. “Lần cuối cùng Bác nghe báo cáo, cũng là nghe báo cáo về chiến thắng ở miền Nam”⁽²⁾.

Miền Nam sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công đã có một nơi được Chủ tịch Hồ Chí Minh ghé thăm? Có thật như vậy không? Điều đó hoàn toàn chính xác. Nơi đó chính là vịnh Cam Ranh. Lần ấy Bác đi dự hội nghị Phôngtennơblô (1946) trở về. Khi con tàu Duymông Duyavin đến hải phận miền Nam nước ta, Bác nhận được một bức điện đánh từ Sài Gòn của đô đốc Đácgiăngliơ xin gặp Bác. Bác nhận lời và hẹn gặp ở Cam Ranh.

Vịnh Cam Ranh hôm đó trời uì uì của tiết tháng mười, nhiều mây phủ, nước vẫn xanh thẫm như có pha đen. Tuần dương hạm Xápphơơơ chở Đácgiăngliơ đã

(1) (2) Võ Nguyên Giáp - “Hồ Chủ tịch nhà chiến lược thiên tài, người cha thân yêu của các lực lượng vũ trang nhân dân” - NXB Sự Thật 1970.

chờ sẵn, kéo hết các loại cờ, giương hết các loại súng theo nghi lễ đón tiếp nguyên thủ các nước. Nhìn thấy vậy Bác mỉm cười. Người xách cây canon và đội chiếc mũ cũng màu vàng nhạt với bộ quần áo giản dị quen thuộc. Đắcgiăngliơ, ủy viên Cộng hòa Pháp tại Đông Dương tổ chức đón tiếp Bác thật trọng thể. Có cả một đoàn tùy tùng ăn mặc lễ phục lờ lợt với những kiếm, gù vàng, bạc và hai người lính vác kích sáng loáng đi hai bên. Giữa những thứ ấy, sự giản dị và phong độ ung dung thư thái của Bác càng tôn vẻ vĩ đại của Bác. Hôm đó, Bác chỉ bước sang tàu gặp Đắcgiăngliơ một mình với Bác sĩ Trần Hữu Tước. Trong bữa tiệc Đắcgiăngliơ để bác ngồi giữa viên đô đốc hải quân và viên thống soái lục quân Pháp ở Viễn Đông. Đắcgiăngliơ cười, nói bóng gió:

- Monsieur le Président, vous voilà bien encadré par L'Armée et la Marine. (Có nghĩa là: Ngài Chủ tịch đang bị đóng khung giữa lục và hải quân). - Viên cao ủy Pháp cố nói kiểu nhất gừng, tách riêng và nhấn mạnh những tiếng "đang bị", "đóng khung" tỏ ý như Chủ tịch nước Việt Nam đang bị bao vây bởi hải quân và lục quân Pháp. Đắcgiăngliơ và các tướng tá Pháp tỏ vẻ tán thưởng. Bác thần nhiên, cười và trả lời bằng tiếng Pháp:

- Mais, vous savez, Monsieur L'Amiral, c'est le tableau qui fait la valeur du cadre... (có nghĩa: Nhưng, đô đốc biết đó, chính bức tranh mới mang lại giá trị cho chiếc khung).

Các tướng lĩnh thực dân có mặt hôm đó bị một cú bất ngờ, ngồi lì đi.

Ở Cam Ranh, Bác nhìn rất kỹ cảnh người dân đánh cá ở gần đó vui cười, vẫy tay chào khi con tàu quay mũi rời Cam Ranh. Bác đứng trên boong nhìn chăm chú đất trời Cam Ranh. Bác nói với những người cùng đi:

- Đất nước ta có nhiều vịnh lớn và đẹp, nhưng Cam Ranh là vịnh có thể chiến lược vào bậc nhất.

Cam Ranh thay mặt cho miền Nam đón Chủ tịch Hồ Chí Minh từ năm ấy. Nhớ câu nói của Bác với các chiến sĩ hải quân: “Ngày trước ta chỉ có đêm và rừng, ngày nay ta có ngày, có trời, có biển. Bờ biển ta dài và tươi đẹp, ta phải biết giữ gìn lấy nó”.

Các chiến sĩ hải quân ở Cam Ranh đã lấy cát Cam Ranh đắp thành chân dung Bác trong quân phục hải quân và một cuộn dây neo mà Bác đã quấn theo kiểu số 8 ngày về thăm binh chủng đặt trong phòng truyền thống quay mặt ra nơi con tàu chở Bác đậu giữa vịnh Cam Ranh năm xưa.

“Trong lòng Bác, đồng bào miền Nam chiếm một vị trí đặc biệt. Những lúc vui mừng nhất của Bác là lúc được tin chiến thắng ở miền Nam và nghĩ đến những nỗi đau khổ của đồng bào miền Nam là Bác bùi ngùi thương xót vô cùng”⁽¹⁾. Có niềm vui nào, niềm vinh dự nào mà nhân loại, Tổ quốc, bạn bè, đồng chí... dành cho Bác mà Bác không nghĩ đến miền Nam. Kể lại lần gặp Bác trước lúc Bác “ra đi” không đầy hai tháng, nhà sử học Pháp Sác-lơ Phuốc-ni-ô có viết rằng: “Khi nghe đến những dự kiến mừng thọ Người 80 tuổi... Chủ tịch Hồ Chí Minh tỏ ý không tán thành tất cả mọi biểu hiện chú ý đặc biệt đến Người”. Vì đất nước đang “cần thêm tiền để làm nhà giữ trẻ, trường học, bệnh viện hay phòng đọc sách”. Và vì “ở miền Nam, những thanh niên dưới 25 tuổi không được biết thế nào là hai chữ tự do”⁽²⁾. Vì vậy, mỗi dịp sinh nhật đến “Chắc như thường lệ Người đi vắng” để mọi người khỏi phải tổ chức chúc tụng tốn kém...

Sau khi thành lập nước, tháng 5 năm 1946, các báo ở Thủ đô lần đầu tiên thông báo với đồng bào cả nước

(1) Phạm Văn Đồng - “Chủ tịch Hồ Chí Minh tinh hoa và khí phách của dân tộc, lương tâm của thời đại”, Nhà xuất bản Sự Thật.

(2) Lời Bác khi tiếp nhà báo Cu Ba Máctarôhát.

sinh nhật của Bác là ngày 19 tháng 5. Một trong những đoàn đại biểu lần đầu đến chúc thọ Bác là đoàn đại biểu miền Nam, và trong những người phụ nữ mặc quần áo bà ba đen hôm đó có chị Ba - Nguyễn Thị Định sau này là nữ tướng, Phó tư lệnh các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng miền Nam. Sau ngày giải phóng miền Nam, chị là Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam. Khi đoàn đại biểu miền Nam đến chúc mừng sinh nhật lần thứ 56 của Bác, Bác trìu mến nhìn mọi người và nói:

- Tôi xin cảm ơn các anh, các chị Nam Bộ đã đến chúc thọ tôi. Thật ra, các báo ở đây đã làm to cái ngày sinh của tôi, chứ tuổi 56 chưa có gì đáng được chúc thọ, cũng hãy còn như là thanh niên cả, mà trước các anh, các chị, trước cảnh êm vui ở Bắc đây, tôi thật lấy làm xấu hổ vì trong Nam chưa được thái bình.

Hai giọt lệ chảy trên gò má Bác. Anh chị Nam Bộ đều rưng rưng nước mắt⁽¹⁾.

Tại Quốc hội, trong một khóa họp lịch sử của thời kỳ mới thành lập nước, Bác đã vừa ôm hôn anh Nguyễn Văn Tạo vừa khóc sau khi anh đọc một bài diễn văn thống thiết về Nam Bộ⁽²⁾. Trong cuộc đời cách mạng của Bác, biết bao lần Bác đã lấy khăn lau nước mắt như vậy. Những giọt nước mắt ấy phải chăng là viên ngọc tình thương trời biển của Bác đối với miền Nam. Năm 1948, đoàn đại biểu quân đội Nam Bộ do tướng Trần Văn Trà dẫn đầu ra công tác và thăm Bác ở Việt Bắc. Trước lúc đoàn về Nam, Bác tổ chức một bữa cơm tiễn biệt. Trong buổi tiệc có đầy đủ các đồng

(1) Võ Nguyên Giáp, "Những năm tháng không thể nào quên", tập II chương 13

(2) Phạm Văn Đồng, "Hồi Chủ tịch hình ảnh của dân tộc", Nhà xuất bản Văn nghệ, 1955.

chí trong Trung ương và Chính phủ Bác đã trao cho tướng Trần Văn Trà một thanh gươm và nói:

- Bác trao cho chủ thanh gươm quý giá này đưa về cho đồng bào Nam Bộ để diệt thù, chủ báo cáo với đồng bào rằng lòng Bác, lòng Đảng lúc nào cũng bên cạnh đồng bào. Chúng ta đồng lòng vì nước, nhất định chúng ta thắng!

*

* *

Mỗi chúng ta còn nhớ, nhân dịp kỷ niệm 50 năm Cách mạng tháng Mười Nga, Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản và Đoàn chủ tịch Xô viết tối cao Liên Xô đã quyết định tặng Bác Huân chương Lê-nin. Quốc hội nước ta cũng đã quyết định tặng Bác Huân chương Sao vàng. Hai phần thưởng vinh quang đó Bác đều từ chối, lý do của Bác cũng là một trang sử nặng tình nghĩa mà Bác dành cho miền Nam. Bác nói:

"... Trong khi miền Bắc ra sức thi đua xây dựng chủ nghĩa xã hội để ủng hộ đồng bào miền Nam, thì đồng bào miền Nam anh dũng chiến đấu để bảo vệ công cuộc xây dựng hòa bình ở miền Bắc. Cho nên nhân dân miền Bắc từng giờ, từng phút nhớ đến đồng bào miền Nam.

Gần 20 năm trường hết đấu tranh chống thực dân Pháp, lại đấu tranh chống Mỹ Diêm, đồng bào miền Nam thật là những người con anh hùng của dân tộc anh hùng Việt Nam. Miền Nam thật xứng đáng với danh hiệu "Thành đồng của Tổ quốc" và xứng đáng được tặng huy chương cao quý nhất.

Vì những lẽ đó tôi xin Quốc hội đồng ý thế này: Chờ đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Tổ quốc hòa bình thống nhất, Bắc Nam sum họp một nhà Quốc hội sẽ cho phép đồng bào miền Nam trao cho tôi

huân chương cao quý. Như vậy thì toàn dân ta sẽ sung sướng vui mừng...⁽¹⁾

Lúc sinh thời Thượng tướng Trần Văn Trà trong hồi ký có kể lại mẩu chuyện về Bác với miền Nam. Một lần vào dịp đồng chí Trần Văn Trà được cử vào Nam nhận chức tư lệnh quân giải phóng miền Nam. Bác dặn:

“Các chú học được khóa học quân sự tiên tiến của phe ta, học được kinh nghiệm quý báu của Hồng quân. Nhưng phải biết cách đánh giặc rất tài giỏi của ông cha ta nữa”. Bác phân tích sở dĩ nhà Trần ba lần đánh thắng quân Nguyên vì nhà Trần biết sử dụng lòng dân. Bác nói: “Hãy nhớ lấy, quân dân đoàn kết, chiến sĩ yêu thương nhau như con một nhà, đó là sức mạnh vô địch”. Bác tặng đồng chí Trần Văn Trà một hộp xì gà của Cu Ba - loại xì gà ngon nổi tiếng do Chủ tịch Phiden Catterô gửi tặng Bác. Bác nói: “Bác gửi chú món quà này mang về cho anh em trong đó hút để nhớ Bác và nhớ đến Cu Ba anh em. Cố gắng giải phóng nhanh để Bác được vào thăm đồng bào miền Nam”.

*

* *

Bác hiểu sâu sắc nguyện vọng tha thiết của chiến sĩ và đồng bào miền Nam là muốn được gặp Bác. Cho nên giữa “Những năm miền Nam chiến đấu chống Mỹ ác liệt Bác đã có ý định vào miền Nam “để thăm đồng chí và đồng bào” và yêu cầu tổ chức bố trí để Bác đi. Bác nêu vấn đề một cách rất kiên quyết. Thấy Bác tuổi đã cao, sức khỏe không còn được như trước, các đồng chí Bộ Chính trị đề nghị để cố gắng lãnh đạo đánh Mỹ

(1) Lời Bác phát biểu tại cuộc họp Quốc hội ngày 8/5/1963. Khi Quốc hội quyết định tặng Bác Huân chương Sao Vàng

mau thăng rồi mời Bác vào. Bác nói: *"Tôi muốn vào là vào lúc này, chứ thăng rồi mới vào thì nói làm gì?"*

Bác thường xuyên nhắc nhở và hỏi việc chuẩn bị cho Bác vào miền Nam đến đâu rồi. Thấy Bác rất quyết tâm, các đồng chí phụ trách đành phải báo cáo: "Đường đi rất khó khăn, vất vả, e sức Bác đi không được." Bác nói: *"Nếu không có đường nào khác thì tổ chức cho tôi đi bộ. Các chú đi được thì tôi đi được. Đi mỗi ngày một ít, chưa chắc thua các chú đâu"*.

Trong những năm cuối, tuy yếu mệt nhưng Bác vẫn tập đi bộ, tập leo dốc, và nhiều khi leo những dốc khá cao. Các bác sĩ đều can ngăn, nhưng Bác vẫn tập. Bác muốn xem sức mình hiện nay như thế nào và vẫn quyết rèn luyện để thực hiện ý định *"Vào miền Nam với đồng bào, đồng chí"*.

Từ năm 1968 trở đi, Bác yếu nhiều hơn. Bác yêu cầu: "Hãy có các đồng chí miền Nam ra, thì phải cho Bác biết, và đưa vào gặp Bác. Vì vậy, rất nhiều cán bộ, chiến sĩ miền Nam ra Bắc đã được vào thăm Bác, đặc biệt là các chị và các cháu. Mỗi lần gặp, Bác đều hỏi tình hình rất tỉ mỉ và thấy Bác rất vui."⁽¹⁾



Một lần tháng 9/1968, Đoàn đại biểu Thanh niên sinh viên giải phóng miền Nam lần đầu tiên đi dự Đại hội Thanh niên sinh viên thế giới lần thứ 9 ở Xôphía trở về được Bác cho vào gặp. Đoàn rất đông, gần 100 người, ngày ấy, trừ một số anh hùng, dũng sĩ diệt Mỹ và một số cán bộ từ miền Nam ra, còn lại là anh em miền Nam tập kết ra Bắc làm công tác miền Nam,

(1) Lê Văn Lương, "Một vài mẩu chuyện về những năm cuối của Bác Hồ", Báo nhân dân 19/5/1973.

đóng vai các đoàn thể Mặt trận dân tộc giải phóng - kể cả đoàn Văn công giải phóng. Gặp chúng tôi, Bác rất vui. Bác giang rộng hai tay và nói: "Cháu nào là giải phóng thì vào đây, còn cháu nào "giả phóng" thì ở vòng ngoài". Mọi người im lặng vì không biết thế nào là "giả phóng". Bác cười vui: "Các cháu không ở chiến trường miền Nam mà làm nhiệm vụ cho miền Nam là "giả phóng" đúng không"? Tôi tuy có đi chiến trường Khe Sanh vài tháng nhưng là cán bộ của Ban CP72 ở miền Bắc nên đứng ở vòng ngoài cùng. Mặc khác, cũng để hy vọng chụp được tấm ảnh Bác với các cháu miền Nam. Bác thấy và nói: "Cháu là phóng viên ở Khe Sanh vừa được huy chương vàng ở đại hội phải không?". Tôi xúc động chưa kịp thưa thì đồng chí Trưởng đoàn Trần Văn Tư xác định với Bác. Bác gọi: "Cháu vào đây, cháu là thứ thiệt". Bác bắt tay tôi và nói: "Tấm huy chương vàng Đại hội tặng cháu cũng là tặng cho các hành động dũng cảm chiến đấu của đồng bào chiến sĩ miền Nam. Các cháu cố gắng chụp được nhiều hình ảnh anh hùng hơn nữa".

*

* *

Bác thương yêu miền Nam, Bác tự hào vì có miền Nam, Bác luôn luôn ghi nhớ những chiến công của chiến sĩ miền Nam nhất là của các cháu thanh niên và nhi đồng. Lúc tiếp khách nước ngoài, Bác thường đem những câu chuyện thần kỳ, các chiến công của thanh thiếu niên miền Nam kể với khách, và niềm vui sướng làm nét mặt của Bác tươi sáng hẳn lên⁽¹⁾.

(1) Phạm Văn Đồng - "Chủ tịch Hồ Chí Minh tinh hoa và khí phách của dân tộc, lương tâm của thời đại" Nhà xuất bản Sự Thật 1970

Truyền đến mọi người tình thương yêu miền Nam là việc làm thường xuyên của Bác. Trong những lần nói chuyện với đồng bào miền Bắc, trong các lời kêu gọi, trong các bài báo Bác đều nhắc nhở đồng bào, cán bộ, chiến sĩ miền Bắc hãy nhớ đến miền Nam mà sản xuất, chiến đấu, lao động và học tập. Vì miền Nam, vì sự nghiệp giải phóng miền Nam mà “mỗi người làm việc bằng hai”. Bác kêu gọi nhân dân miền Bắc trồng cây cho đất nước xanh tươi và Bác cũng không quên nhắc nhở mọi người: *“Chúng ta trồng cây cho cả đồng bào miền Nam nữa”*. Bác nhắc mọi người *“Trồng cây phải thiết thực, trồng cây nào tốt cây ấy”*. Có những loại cây Bác tự tay trồng và chăm bón cho đến khi ra hoa kết quả, Bác lấy giống gửi tặng các địa phương để “nhân ra”. Bác dặn các cụ và các tỉnh chú ý “nhân giống” cho miền Nam, trồng nhiều cây miền Nam trong vườn kết nghĩa. Bác chăm nom đến việc trồng cây cũng như Bác vẫn quan tâm đến việc *“trồng người”* để *“đào tạo thế hệ cách mạng cho đời sau”*. Bác vẫn nói *“Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”*. Các đại biểu Tây Nguyên kể lại rằng: Một lần gặp Bác, các đồng chí Tây Nguyên xin Bác chi viện cho thêm cán bộ. Bác gật đầu rồi hỏi: “Các chú có biết nuôi gà không? Con gà tại chỗ bao giờ cũng ấp và nở tốt hơn con gà nơi khác đưa đến”. Và Bác dặn các đồng chí Tây Nguyên phải luôn luôn chú ý bồi dưỡng đào tạo con em, cán bộ tại chỗ, nhất là các dân tộc ít người ở Tây Nguyên. Giữa tháng 6 năm 1969, sau hơn một tháng trước ngày Bác viết di chúc để lại, Bác đã cho mời các đồng chí ở Đoàn đại diện đặc biệt cộng hòa miền Nam tại miền Bắc đến và Bác căn dặn tỉ mỉ về việc chăm sóc các cháu học sinh miền Nam đang học tập ở miền Bắc. Bác biết rõ ràng đầy đủ tình hình các trường học sinh miền Nam. Bác nêu tên một số cháu ngoan và

một số cháu còn chậm tiến bộ. Bác dặn các đồng chí ở Đoàn đại diện: *"Các cháu miền Nam ra đây xa gia đình, xa quê hương các cô, các chú phải quan tâm đến tình cảm của các cháu và có trách nhiệm giáo dục các cháu tiến bộ"*. Như thế đó, lúc sinh thời, những lần gặp đại biểu miền Nam, các anh hùng, dũng sĩ, các cháu thiếu nhi từ miền Nam về, Bác đều hỏi han, dặn dò rất tỉ mỉ. Bác quan tâm đến việc học tập, sinh hoạt, đến việc xây dựng gia đình của từng người một. Bác luôn luôn nghĩ đến việc ươm hạt giống cách mạng cho miền Nam. Sau ngày Bác qua đời, miền Nam nhận được từ miền Bắc một quả bưởi và một quả dừa hái trong vườn Bác do chính tay Bác vun trồng. Các đồng chí ở cơ quan Trung ương Cục miền Nam chuyển tay nhau kính cẩn hôn những trái ngọt thiêng liêng ấy và quyết định: Quả bưởi và quả dừa sẽ được chuyển luân lưu đến một số đơn vị lập chiến công xuất sắc, các ban, ngành xung quanh Ủy ban Trung ương Mặt trận và Chính phủ Cách mạng lâm thời để mọi người được sờ tận tay trái quý do Bác trồng và chăm sóc. Sau đó, hạt quả bưởi sẽ được chia cho các tỉnh để trồng gây giống tưởng nhớ Bác, còn quả dừa miền Nam sẽ ươm và chăm sóc để sau này khi đất nước giải phóng sẽ bứng về trồng tại địa điểm đẹp nhất của thành phố Hồ Chí Minh anh hùng.

Đồng chí Vũ Kỳ, người thư ký giúp việc Bác nhiều năm kể lại rằng: Sau một cơn đau của những giờ phút cuối cùng này Bác còn nhắc đến cây dừa miền Nam và Bác đã uống một ngụm nước dừa vừa hái xuống từ hai cây dừa do Bác trồng trước nhà và đó cũng là ngụm nước cuối cùng Bác uống trước lúc vĩnh biệt nhân dân, vĩnh biệt đất nước. Phải chăng Bác muốn mang theo hương vị trái ngọt miền Nam...

Ngày 2 tháng 9 năm 1969, biết sức khỏe Bác đang nguy kịch nên các đồng chí trong Bộ Chính trị có mặt

bên Bác. Mười phút trước giờ tắt thở, Bác mở mắt nhìn mọi người, nhận biết có đồng chí Bí thư Trung ương cục miền Nam từ chiến trường về đang có mặt ở hàng phía sau, Bác ra hiệu gọi anh đến và nắm chặt tay anh. Mọi người có mặt đều xúc động đến trào nước mắt. Ai cũng hiểu rằng Bác đang muốn nắm chặt tay của đồng bào chiến sĩ miền Nam. Ai cũng hiểu rằng trước lúc trút hơi thở cuối cùng Bác muốn có miền Nam bên cạnh. Bác muốn gửi lại cho đồng bào, đồng chí miền Nam tình cao nghĩa đậm của Bác.

*
* *

Cho đến ngày Bác ra đi, miền Nam ân hận chưa được đón Người vào thăm và trân trọng trao cho Người Huân chương cao quý. Miền Nam chưa được giải phóng hoàn toàn để Bác *“Đi khắp hai miền Nam Bác chúc mừng đồng bào cán bộ và chiến sĩ anh hùng, thăm hỏi các cụ phụ lão, các cháu thanh niên và nhi đồng yêu quý”*⁽¹⁾. Thế nhưng *“Muôn vàn tình thân yêu”* của Bác để lại là những sức mạnh, là ánh sáng của chân lý, là ngọn cờ chiến thắng mọi kẻ thù hung bạo nhất. Chúng ta đã đánh thắng tên đế quốc mạnh nhất của thế kỷ, miền Nam đã giải phóng, đất nước đã thống nhất như lời khẳng định của Bác. Bình minh của hòa bình đã và đang chiếu rọi trên non sông đất nước. Thế nhưng khó khăn chưa phải là hết. Cuộc đấu tranh còn đầy gay go, gian khổ. Trong cuộc chiến đấu mới này, miền Nam luôn luôn mang theo tư tưởng tình cảm của Bác để cùng cả nước đi lên thực hiện toàn dân ấm no hạnh phúc, đất nước độc lập và mạnh giàu.

(1) Di chúc của Bác.

BÁC HỒ NGUỒN GỐC CỦA SỰ SỐNG VÀ CHIẾN THẮNG

Trong những ngày lễ tang Bác, một buổi tối tôi cùng anh chị em trong Ban miền Nam của Trung ương Đảng ra sân bay Gia Lâm đón đoàn Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam về thọ tang Bác. Chúng tôi đã cùng khóc với Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ về nỗi thương nhớ Bác ngay khi gặp ở chân cầu thang máy bay... Một cán bộ trong đoàn từ miền Nam ra, đã chuyển cho tôi lời nhắn của nữ tướng quân Nguyễn Thị Định, lúc đó là Phó tư lệnh quân giải phóng miền Nam... Chị Ba Định dặn tôi viết thư, gửi ảnh về lễ tang Bác vào cho chị..

Tôi bắt đầu viết lá thư này từ sân bay Gia Lâm và kết thúc sau một vài giờ lễ truy điệu Bác ở Quảng trường Ba Đình ngày 9/9/1969. Ngay tối đó, bức thư này được gửi qua làn sóng của đài phát thanh giải phóng.

Chị Ba vô vàn thương nhớ!

Hà Nội những ngày qua lúc mưa lúc tạnh, trời như cũng buồn, cũng khóc trước cái tang chung của đất nước. Chị Ba ơi, thế là trái tim vĩ đại của Bác đã ngừng đập. Còn cái đau nào bằng, còn cái tang nào trong đời chúng ta to lớn hơn hả chị. Cả nước đau thương, cả nước ghen

ngào. Có thật Bác đi rồi không? Chị ơi, tôi đã đến tận nơi, nhìn tận mắt linh cữu Bác mà vẫn chưa tin rằng Bác đã đi xa. Bác nằm đó, bộ quần áo ka-ki bạc mầu, một đôi bít-tết trắng của nhà máy dệt kim Đông Xuân, một tấm vải mỏng đắp bụng và đôi dép cao su kiểu Việt Bắc vẫn để gọn phía dưới chỗ Bác nằm. Vầng trán cao, mái tóc và chòm râu bạc của Bác vẫn lồng lộng trong ánh sáng điện. Bác vẫn nằm đó, khoan thai hết sức, hiền hòa hết mực và sống động vô cùng. Nhiều lần, nhiều lần lắm chị Ba, tôi cứ tưởng rằng từ tấm thảm đỏ kia Bác sẽ ngồi dậy, đôi chân Bác lại mang đôi dép cao su và từ hội trường Ba Đình, Người sẽ ung dung bước ra vẫy chào mọi người.

Chị Ba ơi, Bác đi rồi, Bác không còn nữa. Hà Nội những ngày qua, người kết thành sông, thành biển. Sông người vắt từ các phố Hùng Vương, Hoàng Diệu, Phan Đình Phùng, Trần Phú, Điện Biên Phủ đổ về Ba Đình viếng Bác. Dòng người ấy ngày ngày, đêm đêm vẫn nối đuôi nhau, rất trầm lặng, rất trang nghiêm, sự trầm lặng của lòng kính cẩn như muốn nâng niu giấc ngủ dài của Bác.

Và, chị Ba ạ, cũng có hàng vạn người chưa được vào chỗ Bác nằm. Họ trật tự chỉnh tề đi qua lễ đài để chào vĩnh biệt Người. Trên khán đài Ba Đình nơi Bác thường có mặt trong những ngày lễ lớn, giờ đây chỉ có cờ Tổ quốc, cờ Đảng đĩnh bằng tang rú bên hình Bác. Hệ thống loa ở đây đều đều phát lại bằng ghi âm tiếng nói thân yêu của Bác Hồ. Mọi người thốn thức, ai cũng cố nén xúc động để nghe lại lời Bác, nhưng nghe được lời Bác thì ai cũng khóc. Đó là điều không thể tránh được. Tôi đứng nhìn đoàn người đi qua lễ trường. Bỗng dưng trong tôi lại hiện

lên hình ảnh Bác trong ngày Quốc khánh năm 1956. Hôm đó, tôi cùng đoàn cán bộ miền Nam tập kết đi qua lễ đài. Khi thấy Bác, tất cả đều dừng lại. Mọi người muôn nhìn Bác kỹ hơn, rõ hơn cho thỏa lòng mong ước. Lúc đó Bác ôn tồn đưa tay vẫy mọi người tiến lên phía trước và nói: *"Các cô, các chú miền Nam hãy đi tới, đừng dừng lại! Hãy đi tới, đừng dừng lại!"*

"Miền Nam, đi tới đừng dừng lại...". Mười mấy năm rồi quê hương ta đang làm theo lời Bác và hôm nay đi trong dòng người này, không phải để vĩnh biệt Người, mà đây là một đội ngũ đang siết chặt lại, đi lên theo lời Người gọi.

Chị Ba, trong lúc này hơn lúc nào hết tôi nghĩ đến miền Nam, tôi nghĩ đến những đội quân mũ tai bèo trùng điệp ra đi và tôi biết rằng, các chiến sĩ ta đang *"Nước mắt tuôn trào giữa buổi hành quân"* (thơ Thanh Hải). Sáng nay, trong ánh sáng chứa chan niềm thương nhớ - cái ánh sáng duy nhất sau bao ngày mưa. Quảng trường Ba Đình xuất hiện những bộ quân phục màu lá và những vành mũ tai bèo. Đoàn chiến sĩ quân giải phóng miền Nam đội ngũ chỉnh tề đứng nghiêm trước linh cữu Bác - Những anh hùng quân giải phóng của khắp miền Nam: Từ Kan Lịch của Trị Thiên kiên cường, Lê Thị Thanh, Huỳnh Thúc Bá, Trần Văn Đình của khu Năm anh dũng, Kpakolon của Tây Nguyên hùng vĩ, đến Tô Văn Đức, Hồ Văn Bé của Sài Gòn bất khuất và Tạ Thị Kiều, Nguyễn Minh Tua, Nguyễn Văn Quang, Nguyễn Văn Thế của Nam Bộ thành đồng. Tất cả đều xúc động nghẹn ngào. Họ đưa tay lên vành mũ tai bèo nghiêm trang chào Bác, cái chào mới cao đẹp làm sao. Không phải họ chào để vĩnh biệt Người mà đây là những

đại diện cho hàng vạn chiến sĩ kiên cường của khắp miền Nam đứng chào để nhận lệnh tiến công kẻ thù...

“Dù sao, chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn”. Di chúc để lại của Bác là mệnh lệnh cho cả nước ta đánh thắng giặc Mỹ. Trong nét mặt, trong cái mím môi nén đau thương và trong những hàng nước mắt của Luật sư, Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ, của các đại biểu miền Nam về viếng Bác, tôi nhìn thấy rõ điều đó. Miền Nam, mảnh đất tự hào là nơi Bác ra đi tìm chân lý cách mạng cho Tổ quốc. Miền Nam vinh dự được ở trong tim Bác. Miền Nam niềm hy vọng của Bác. Bác đi rồi - Miền Nam ân hận không được đón Bác vào thăm để trao lại Người Huân chương cao quý nhất. Nhưng nhất định miền Nam sẽ hoàn thành sự nghiệp Người mong đợi. Bởi vì, trong tim mỗi chúng ta đã có dòng máu, có tình cảm của Bác, trên đường chúng ta đi có ánh sáng của Người soi rọi. Nhìn chị Phan Thị Quyên cùng các đại biểu phụ nữ miền Nam đến bên linh cữu Bác sáng nay tôi không thể nào không nghĩ đến anh Nguyễn Văn Trỗi, con người tiêu biểu cho cả lớp người yêu nước ở miền Nam đã mang hình Bác trong tim. Anh đã dùng những phút cuối cùng thiêng liêng nhất của đời mình để tấn công kẻ thù. Và anh đã thắng kẻ thù vì có Bác. Ba lần Nguyễn Văn Trỗi hô “Hồ Chí Minh muôn năm”, đó cũng là ba lần anh nói với kẻ thù, Bác Hồ của chúng ta sống mãi. Cho đến phút này, tim Bác đã ngừng đập, tôi lại càng thấy điều khẳng định của Nguyễn Văn Trỗi là bất di bất dịch. *Bác vẫn sống, Bác là mầm sống của vạn sự sống, là mầm mống của tất cả những chiến thắng của dân tộc ta có phải không chị?*



Chị Ba ơi,

Trong những ngày đau thương của cả nước này, chính cũng là những ngày Tổ quốc ta đang sống trong tình thương dạt dào nhất của bạn bè năm châu bốn biển. Đến linh cửu Bác có đủ các màu da của các dân tộc trên khắp địa cầu. Từ anh phóng viên nước ngoài đến những vị nguyên thủ đứng đầu các quốc gia và các chính Đảng đều để tang Bác - có người mang theo kiểu Quốc tang, cũng có người mang theo kiểu người thân thiết nhất. Tất cả đến đây, bên cạnh Bác, nghiêng mình kính cẩn truy điệu Bác, và một lòng ca ngợi Bác. Bác Hồ hiện thân của niềm tin và chiến thắng của Tổ quốc, của nhân dân ta. Bác là người thu hút tình cảm của bè bạn năm châu đến với chúng ta. Trên 1.000 bức điện từ 43.000 cây số chu vi địa cầu đánh tới, có bức điện nào không xót đau, có bức điện nào không ủng hộ chúng ta đánh thắng giặc Mỹ. Cả những hãng thông tin và báo chí phương Tây cả ngày ra rả nói xấu chúng ta, giờ đây cũng phải nghiêm chỉnh loan tin Bác chúng ta mất. Và họ phải mặc nhiên công nhận rằng: Bác là một minh chứng cho sự thắng lợi của Việt Nam. Và rõ ràng *"Việc Người mất, không thể làm cho các thế lực đế quốc chủ nghĩa nhẹ nhõm"*. (Điện chia buồn của Tổng thống Tandania).

Chị Ba thân yêu!

Trên Quảng trường Ba Đình sáng nay mồng chín tháng chín chưa bao giờ đông đúc và tề chỉnh đến thế... Hơn mười vạn người đại diện cho cả nước cùng với đại biểu của gần 40 nước trên thế giới làm lễ truy điệu Bác. Niềm thương nhớ, nỗi xúc động, thổn thức của trên mười

vạn trái tim cùng bật lên một lúc. Cả Quảng trường từ già đến trẻ, tất cả, tất cả đều òa khóc. Những tiếng khóc không thể nào ngăn được. Không phải là tiếng khóc của một sự yếu đuối - mà là tiếng khóc của tình thương dào dạt sâu nặng. Nhìn những gương mặt đầm đìa nước mắt đó, một chính khách nước ngoài đã nói rằng: “Bác Hồ là cha của triệu triệu con người!”. Đúng, đó là những giọt nước mắt của những người con hiếu thảo trước sự qua đời của người cha, người bác, người ông thân yêu của mình. Tiếng khóc đó có đầy đủ sức mạnh vô địch đối với mọi kẻ thù. Giữa tiếng khóc đau thương, mười vạn người đã cùng với đồng chí Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng giơ thẳng cánh tay năm lần xin thề với anh linh của vị cha già dân tộc: Quyết làm tròn lời dạy của Người. Trong những nắm tay giơ lên đó có cả những nắm tay của bạn bè ta đại diện cho năm châu có mặt tại đây. Trong những dòng nước mắt đó có nước mắt của bạn bè ta đại diện cho khắp quả địa cầu đến với ta. Bác Hồ không còn nữa nhưng Bác *“vẫn tiếp tục lãnh đạo nhân dân Việt Nam đến thắng lợi hoàn toàn”* (điện chia buồn của Đảng và Chính phủ Cu Ba).

Chị Ba ơi, có nhìn những dòng nước mắt, nhìn những khuôn mặt của mười vạn đại biểu ở Quảng Trường Ba Đình trong ngày lễ tang mới càng thấy sự thống nhất ý chí, thấy rõ lòng sắt son đoàn kết chiến đấu đến cùng của dân tộc ta. Ai cũng đau xót, nhưng ai cũng muốn an ủi người bên cạnh mình, mọi người như thương yêu nhau hơn, gần gũi nhau hơn trước nỗi đau to lớn này. Hơn một nghìn Cháu ngoan Bác Hồ òa khóc nức nở. Tôi thấy ngay lập tức các đồng chí Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên

Giáp và các đồng chí trong Trung ương Đảng và Chính phủ đã rời lễ đài đến ôm chầm lấy các cháu. Các cháu đang khóc vì mất Bác Hồ, nhưng rõ ràng các cháu đang có các chú, các bác đùm bọc. *“Cuộc chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn. Đó là điều chắc chắn”*.

Di chúc của Bác để lại là một định lý không thể nào thay đổi được trong mỗi chúng ta.

Ở miền Nam chỉ có nghe không, 21 loạt súng lớn rung lên, đó cũng là tiếng súng quyết chiến của cả dân tộc ta hứa với anh linh của Người phải không chị. Đoàn máy bay phản lực chiến đấu, từng tốp, từng tốp từ phía Bắc lượn qua lễ trường Ba Đình chào vĩnh biệt Người rồi vút về hướng Nam. Trong những người lái máy bay sáng nay, có những trái tim vẫn đang cùng thổn thức trước nỗi đau này, nhưng tất cả đã biến thành hành động quyết chiến đấu giành độc lập tự do cho Tổ quốc.